

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG



ISO 9001:2008

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN

Sinh viên : Lê Thị Luyện

Giảng viên hướng dẫn: ThS. Trần Thị Thanh Phương

HẢI PHÒNG – 2013

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG

**HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH
THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH
DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN
HOÀNG ANH**

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY

NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN

Sinh viên : Lê Thị Luyến

Giảng viên hướng dẫn: ThS. Trần Thị Thanh Phương

HẢI PHÒNG – 2013

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên: Lê Thị Luyện

Mã SV: 1354010366

Lớp: QT1306K

Ngành: Kế toán – Kiểm

Toán

Tên đề tài: Hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định
kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần vận tải biển Hoàng
Anh.

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp
(về lý luận, thực tiễn, các số liệu cần tính toán và các bản vẽ).
 - Nghiên cứu lý luận chung về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại doanh nghiệp
 - Mô tả phân tích thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần vận tải biển Hoàng Anh.
 - Đề xuất giải pháp Hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần vận tải biển Hoàng Anh.
2. Các số liệu cần thiết để thiết kế, tính toán.
 - Số liệu về thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần vận tải biển Hoàng Anh năm 2012
3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp.
 - Công ty cổ phần vận tải biển Hoàng Anh
 - 352 Đà Nẵng, Ngô Quyền, Hải Phòng

CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Người hướng dẫn thứ nhất:

Họ và tên: Trần Thị Thanh Phương

Học hàm, học vị: Thạc sĩ

Cơ quan công tác: Trường Đại Học Dân Lập Hải Phòng

Nội dung hướng dẫn:

Hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần vận tải biển Hoàng Anh

Người hướng dẫn thứ hai:

Họ và tên:

Học hàm, học vị:

Cơ quan công tác:.....

Nội dung hướng dẫn:

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày 25 tháng 03 năm 2013

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày 29 tháng 06 năm 2013

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

Sinh viên

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN

Người hướng dẫn

Hải Phòng, ngày tháng.....năm 2013

Hiệu trưởng

GS.TS. NGUYỄN Trần Hữu Nghị

PHẦN NHẬN XÉT CỦA CÁN BỘ HƯỚNG DẪN

1. Tinh thần thái độ của sinh viên trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp:

- Chịu khó học hỏi, nghiên cứu tài liệu phục vụ cho quá trình thực hiện đề tài nghiên cứu
- Tuân thủ nghiêm túc yêu cầu về thời gian và nội dung nghiên cứu

2. Đánh giá chất lượng của khóa luận (so với nội dung yêu cầu đã đề ra trong nhiệm vụ Đ.T. T.N trên các mặt lý luận, thực tiễn, tính toán số liệu...):

- Về mặt lý luận: Tác giả đã hệ thống hóa được những vấn đề lý luận cơ bản về đối tượng nghiên cứu
- Về mặt thực tế: Tác giả đã phản ánh được thực trạng của đối tượng nghiên cứu
- Những giải pháp mà tác giả đề xuất đã gắn với thực tiễn và có tính khả thi

3. Cho điểm của cán bộ hướng dẫn (ghi bằng cả số và chữ):

.....
.....
.....

Hải Phòng, ngày ... tháng ... năm 2013

Cán bộ hướng dẫn

(Ký và ghi rõ họ tên)

MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU	1
CHƯƠNG 1: NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP	3
1.1. Tổng quan về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp	3
1.1.1. <i>Doanh thu, chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh.....</i>	<i>3</i>
1.1.2. <i>Doanh thu, chi phí hoạt động tài chính</i>	<i>5</i>
1.1.3. <i>Thu nhập, chi phí hoạt động khác.....</i>	<i>5</i>
1.2. Sự cần thiết phải tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.....	6
1.3. Nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.....	7
1.4. Nội dung của tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.....	7
1.4.1. <i>Tổ chức kế toán doanh thu, chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh</i>	<i>7</i>
1.4.1.1. <i>Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.....</i>	<i>7</i>
1.4.1.2. <i>Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu</i>	<i>17</i>
1.4.1.3. <i>Kế toán giá vốn bán hàng.....</i>	<i>20</i>
1.4.1.4. <i>Kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp</i>	<i>27</i>
1.4.2. <i>Kế toán hoạt động tài chính.....</i>	<i>31</i>
1.4.2.1. <i>Kế toán doanh thu hoạt động tài chính.....</i>	<i>31</i>
1.4.2.2. <i>Kế toán chi phí tài chính.....</i>	<i>33</i>
1.4.3. <i>Kế toán hoạt động khác.....</i>	<i>35</i>
1.4.3.1. <i>Kế toán thu nhập khác.....</i>	<i>35</i>
1.4.3.2. <i>Kế toán chi phí khác</i>	<i>37</i>
1.4.4. <i>Kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp</i>	<i>39</i>
1.4.5. <i>Kế toán xác định kết quả kinh doanh.....</i>	<i>42</i>
1.5. Tổ chức sổ sách kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.....	44
1.5.1. <i>Hình thức Nhật ký chung</i>	<i>44</i>
1.5.2. <i>Hình thức Nhật ký – sổ cái</i>	<i>45</i>
1.5.3. <i>Hình thức Chứng từ ghi sổ.....</i>	<i>46</i>
1.5.4. <i>Hình thức Nhật ký – chứng từ.....</i>	<i>47</i>

1.5.5. Hình thức Kế toán trên máy vi tính.....	48
CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN HOÀNG ANH.....	49
2.1. Khái quát chung về công ty cổ phần vận tải biển Hoàng Anh.....	49
2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển của công ty	49
2.1.2. Đặc điểm sản xuất kinh doanh của công ty	49
2.1.3. Đặc điểm cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý.....	50
2.1.4. Đặc điểm tổ chức công tác kế toán	52
2.1.4.1. Đặc điểm tổ chức bộ máy kế toán.....	52
2.1.4.2. Đặc điểm tổ chức hệ thống sổ sách kế toán	53
2.2. Thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần vận tải biển Hoàng Anh	56
2.2.1. Thực trạng tổ chức kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, giá vốn bán hàng tại công ty.....	56
2.2.1.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.....	56
2.2.1.2. Kế toán giá vốn bán hàng.....	66
2.2.2. Thực trạng tổ chức kế toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính.....	70
2.2.2.2. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính.....	70
2.2.2.2. Kế toán chi phí tài chính.....	75
2.2.3. Thực trạng tổ chức kế chi phí quản lý doanh nghiệp	80
2.2.4. Thực trạng tổ chức kế toán thu nhập khác và chi phí khác	88
2.2.4.1. Kế toán thu nhập khác.....	88
2.2.4.2. Kế toán chi phí khác	93
2.2.5. Kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp và xác định kết quả kinh doanh.....	98
2.2.5.1. Kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	98
2.2.5.2. Kế toán xác định kết quả kinh doanh	106
CHƯƠNG 3: GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN HOÀNG ANH.....	112
3.1. Đánh giá thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần vận tải biển Hoàng Anh	112
3.1.1. Kết quả đạt được:	112
3.1.1.1. Về tổ chức bộ máy kế toán	112

3.1.1.2.	Về việc tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.....	112
3.1.1.3	Về ứng dụng công nghệ thông tin:.....	114
3.1.2.	<i>Hạn chế:</i>	114
3.1.2.1.	Về tài khoản sử dụng	114
3.1.2.2.	Về sổ sách sử dụng	115
3.1.2.3	Chưa áp dụng chính sách chiết khấu thanh toán	115
3.1.2.4.	Chưa lập dự phòng phải thu khó đòi	115
3.2.	Giải pháp hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần vận tải biển Hoàng Anh	115
3.2.1.	<i>Nguyên tắc của việc hoàn thiện</i>	115
3.2.2.	<i>Giải pháp hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần vận tải biển Hoàng Anh .</i>	116
3.2.2.1	Giải pháp hoàn thiện tài khoản sử dụng.....	116
3.2.2.2	Giải pháp hoàn thiện sổ sách sử dụng.....	122
3.2.2.3	Giải pháp áp dụng chính sách chiết khấu thanh toán.....	126
3.2.2.4	Giải pháp lập dự phòng các khoản phải thu khó đòi	127
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO.....		132
DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT		133

LỜI MỞ ĐẦU

Sự ra đời và phát triển của kế toán gắn liền với sự ra đời và phát triển của nền sản xuất xã hội. Nền sản xuất ngày càng phát triển, kế toán ngày càng khẳng định vai trò đặc biệt quan trọng trong công tác quản lý tài chính chung của nhà nước và doanh nghiệp. Trong những năm qua nhờ có sự đổi mới sâu sắc và toàn diện về cơ chế quản lý kinh tế cũng như đường lối chính sách kinh tế xã hội, hệ thống kế toán Việt Nam đã có những đổi mới, ngày một hoàn thiện và phát triển.

Trong cơ chế thị trường, cạnh tranh giữa các doanh nghiệp là một vấn đề tất yếu. Để tồn tại và phát triển doanh nghiệp phải tính toán một cách đầy đủ và chính xác toàn bộ chi phí bỏ ra, doanh thu nhận được cũng như kết quả kinh doanh. Chính vì thế, tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp là phần hành cơ bản của công tác hạch toán kế toán đã khẳng định được vai trò của mình.

Xuất phát từ lý luận và thực tiễn đặt ra cho kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh, nên trong thời gian thực tập tại công ty cổ phần vận tải biển Hoàng Anh em đã đi sâu nghiên cứu đề tài : **“Hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần vận tải biển Hoàng Anh”**.

Nội dung của khóa luận ngoài phần mở đầu và kết luận gồm 3 chương:

Chương 1: Những vấn đề lý luận cơ bản về tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp

Chương 2: Thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần vận tải biển Hoàng Anh

Chương 3: Giải pháp hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần vận tải biển Hoàng Anh

Kết hợp kiến thức thu thập được trong quá trình học tập nghiên cứu tại trường, cùng với sự giúp đỡ nhiệt tình của tập thể ban lãnh đạo, phòng kế toán của công ty, đặc biệt với sự hướng dẫn nhiệt tình của Thạc sỹ Trần Thị Thanh Phương, em đã hoàn thành bài khóa luận này.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Tuy nhiên do thời gian tiếp cận thực tế, khả năng nghiên cứu, nhận thức tổng quan còn hạn chế nên bài khóa luận của em không thể tránh khỏi những sai sót. Em kính mong nhận được sự góp ý, chỉ bảo, giúp đỡ của các thầy cô, các cán bộ phòng kế toán công ty để bài khóa luận của em được hoàn thiện hơn.

Em xin chân thành cảm ơn!

Hải Phòng, ngày 14 tháng 06 năm 2013

Sinh viên thực hiện

Lê Thị Luyện

CHƯƠNG 1:

NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP

1.1. Tổng quan về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp

1.1.1. Doanh thu, chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh

Khái niệm doanh thu:

❖ **Doanh thu:** là tổng giá trị các lợi ích kinh tế doanh nghiệp thu được trong kỳ kế toán, phát sinh từ các hoạt động sản xuất, kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu.

❖ **Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ:** là toàn bộ số tiền doanh nghiệp thu được hoặc sẽ thu được từ các giao dịch và nghiệp vụ phát sinh doanh thu như bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ cho khách hàng bao gồm cả các khoản phụ thu và phí thu thêm ngoài giá bán (nếu có).

❖ **Doanh thu bán hàng nội bộ:** phản ánh toàn bộ doanh thu của số sản phẩm hàng hóa dịch vụ trong nội bộ doanh nghiệp. Doanh thu tiêu thụ nội bộ là lợi ích kinh tế thu được từ việc bán hàng hóa, sản phẩm và cung cấp dịch vụ tiêu thụ nội bộ giữa các đơn vị trực thuộc, hạch toán phụ thuộc trong cùng một công ty, tổng công ty tính theo giá bán nội bộ.

Khái niệm các khoản giảm trừ doanh thu

❖ **Chiết khấu thương mại:** Chiết khấu thương mại là khoản doanh nghiệp bán hàng bán giảm giá niêm yết cho khách hàng mua hàng với số lượng lớn. Khoản giảm giá có thể phát sinh trên khối lượng từng lô hàng mà khách hàng đã mua, cũng có thể phát sinh trên tổng khối lượng lũy kế mà khách hàng đã mua trong một quãng thời gian nhất định tùy thuộc vào chính sách chiết khấu thương mại của bên bán.

❖ **Giảm giá hàng bán:** là khoản giảm trừ cho người mua do toàn bộ hoặc một phần hàng hóa kém phẩm chất, sai quy cách hoặc lạc hậu thị hiếu.

❖ **Giá trị hàng bán bị trả lại:** là giá trị khối lượng hàng bán đã xác định là tiêu thụ bị khách hàng trả lại và từ chối thanh toán.

❖ **Thuế TTĐB, thuế xuất khẩu, thuế GTGT tính theo PP trực tiếp:** được xác định theo số lượng sản phẩm hàng hóa tiêu thụ, giá tính thuế và thuế suất của từng mặt hàng.



Khái niệm chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh

❖ **Chi phí:** Là tổng giá trị các khoản làm giảm lợi ích kinh tế trong kỳ kế toán dưới hình thức các khoản tiền chi ra, các khoản khấu trừ tài sản hoặc phát sinh các khoản nợ dẫn đến làm giảm vốn chủ sở hữu, không bao gồm khoản phân phối cho cổ đông hoặc chủ sở hữu.

❖ **Giá vốn hàng bán:** là giá trị thực tế xuất kho của một số sản phẩm, hàng hóa (hoặc gồm cả chi phí mua hàng phân bổ cho hàng hóa đã bán ra trong kỳ đối với doanh nghiệp thương mại), hoặc là giá thành thực tế lao vụ, dịch vụ hoàn thành và đã được xác định là tiêu thụ và các khoản chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh được tính vào giá vốn hàng bán để xác định kết quả kinh doanh trong kỳ.

❖ **Chi phí bán hàng:** là toàn bộ chi phí phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp.

❖ **Chi phí quản lý doanh nghiệp:** là toàn bộ chi phí liên quan đến hoạt động quản lý kinh doanh, quản lý hành chính, quản lý điều hành chung toàn doanh nghiệp.



Xác định kết quả của hoạt động sản xuất kinh doanh

❖ **Kết quả kinh doanh là:** là số tiền lãi hay lỗ từ các hoạt động của doanh nghiệp trong một thời kỳ nhất định, đây là kết quả cuối cùng của hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường và các hoạt động khác của doanh nghiệp.

❖ **Hoạt động sản xuất kinh doanh là:** là hoạt động sản xuất, tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, lao vụ, dịch vụ của các ngành sản xuất kinh doanh chính và sản xuất kinh doanh phụ.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

❖ Cách xác định kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

$$\begin{array}{ccccccccc} \text{Kết quả hoạt} & & \text{Doanh thu thuần} & & \text{Giá vốn} & & \text{Chi phí} & & \text{Chi phí} \\ \text{động sản xuất} & = & \text{về bán hàng và} & - & \text{hàng} & - & \text{bán} & - & \text{quản lý} \\ \text{kinh doanh} & & \text{cung cấp dịch vụ} & & \text{bán} & & \text{hàng} & & \text{DN} \end{array}$$

Trong đó:

$$\begin{array}{ccccccc} \text{Doanh thu thuần về bán} & & \text{Doanh thu bán hàng} & & \text{Các khoản giảm} \\ \text{hàng và cung cấp dịch vụ} & = & \text{và cung cấp dịch vụ} & - & \text{trừ doanh thu} \end{array}$$

1.1.2. Doanh thu, chi phí hoạt động tài chính

 **Doanh thu hoạt động tài chính:** là tổng giá trị lợi ích kinh tế mà doanh nghiệp thu được trong kỳ hạch toán phát sinh liên quan đến hoạt động tài chính bao gồm các khoản thu về lãi, tiền bản quyền, cổ tức lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp.

 **Chi phí hoạt động tài chính:** bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, giao dịch bán chứng... khoản nhập và hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán...

Xác định kết quả hoạt động tài chính

❖ **Hoạt động tài chính:** là hoạt động đầu tư về vốn và đầu tư tài chính ngắn hạn, dài hạn với mục đích kiếm lời.

❖ Cách xác định kết quả hoạt động tài chính

$$\begin{array}{ccccccc} \text{Kết quả hoạt} & & \text{Doanh thu hoạt} & & \text{Chi phí hoạt} \\ \text{động tài chính} & = & \text{động tài chính} & - & \text{động tài chính} \end{array}$$

1.1.3. Thu nhập, chi phí hoạt động khác

 **Thu nhập khác:** là những khoản thu nhập khác ngoài hoạt động tạo ra doanh thu của doanh nghiệp.

 **Chi phí khác:** là những khoản chi phí khác phát sinh do các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động thông thường của doanh nghiệp.

Xác định kết quả hoạt động khác

❖ **Hoạt động khác:** là hoạt động xảy ra ngoài dự kiến của doanh nghiệp.

❖ **Cách xác định kết quả hoạt động khác**

$$\begin{array}{ccccc} \text{Kết quả hoạt} & & & & \\ \text{động khác} & = & \text{Thu nhập khác} & - & \text{Chi phí khác} \end{array}$$

1.2. Sự cần thiết phải tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

Trong nền kinh tế thị trường hiện nay, các doanh nghiệp muốn tồn tại và phát triển phải tiến hành hoạt động sản xuất kinh doanh hiệu quả, mà hiệu quả cuối cùng phải được phản ánh thông qua chỉ tiêu tổng lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh, các yếu tố liên quan đến việc xác định lợi nhuận là doanh thu, thu nhập khác và các khoản chi phí. Doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh có ý nghĩa rất quan trọng đến sự tồn tại phát triển của doanh nghiệp, nhất là khi nền kinh tế nước ta đang ngày càng phát triển với xu thế hội nhập toàn cầu. Do đó, doanh nghiệp cần phải quản lý chặt chẽ kế toán doanh thu chi phí để nắm bắt được tình hình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, qua đó cung cấp thông tin số liệu cần thiết giúp nhà quản lý doanh nghiệp có thể phân tích đánh giá để đưa ra các quyết định đầu tư đúng đắn nhất.

Tổ chức kế toán nói chung và kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng không chỉ đóng vai trò quan trọng đối với nhà quản lý doanh nghiệp, mà còn rất cần thiết đối với các đối tượng khác như các nhà đầu tư, các trung gian tài chính hay đối với cơ quan quản lý vĩ mô nền kinh tế.

+ Đối với các nhà đầu tư: thông tin về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là cơ sở để các nhà đầu tư đánh giá hiệu quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, từ đó đưa ra quyết định đầu tư đúng đắn.

+ Đối với các trung gian tài chính như Ngân hàng, các công ty cho thuê tài chính: thông tin về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh cung cấp điều kiện tiên quyết để họ tiến hành thẩm định, đánh giá tình hình tài chính của doanh nghiệp nhằm đưa ra quyết định cho vay vốn đầu tư.

+ Đối với cơ quan quản lý vĩ mô nền kinh tế: thông tin về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh giúp các nhà hoạch định của nhà nước có thể tổng hợp, phân tích số liệu và đưa ra các thông số cần thiết giúp chính phủ có thể điều tiết nền kinh tế ở tầm vĩ mô được tốt hơn, thúc đẩy sự phát triển của toàn bộ nền kinh tế.

1.3. Nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp

Để phát huy vai trò thật sự của kế toán là công cụ quản lý kinh tế ở doanh nghiệp, kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh cần thực hiện các nhiệm vụ sau:

- Phản ánh, ghi chép đầy đủ, kịp thời, chính xác tình hình hiện có và sự biến động kịp thời của từng loại hàng hóa bán ra theo chỉ tiêu: số lượng, chất lượng, chủng loại, mẫu mã, giá trị...

- Lựa chọn phương pháp và xác định giá vốn hàng bán để đảm bảo độ chính xác của chỉ tiêu lãi gộp hàng hóa.

- Phản ánh, tính toán và ghi chép đầy đủ kịp thời, chính xác các khoản doanh thu, các khoản giảm trừ doanh thu và các khoản chi phí phục vụ công tác bán hàng như: chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, giá vốn hàng bán và các khoản thuế liên quan đến quá trình tiêu thụ hàng hóa, dịch vụ. Từ đó, đưa ra những kiến nghị, giải pháp nhằm hoàn thiện việc tiêu thụ và xác định kết quả kinh doanh. Đồng thời phải theo dõi thật chi tiết tình hình thanh toán của từng đối tượng khách hàng để thu hồi vốn kịp thời.

- Vận dụng hệ thống chứng từ, tài khoản sổ sách và báo cáo kế toán phù hợp để thu thập, xử lý thông tin về tình hình biến động của sản phẩm, hàng hóa cũng như tình hình bán hàng và xác định kết quả kinh doanh nhằm cung cấp số liệu cho việc quyết toán đầy đủ và đúng hạn.

1.4. Nội dung của tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

1.4.1. Tổ chức kế toán doanh thu, chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh

1.4.1.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ



Điều kiện ghi nhận doanh thu bán hàng:

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn 5 điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.



Điều kiện ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ:

Doanh thu cung cấp dịch vụ được xác định khi đồng thời thỏa mãn 4 điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.



Một số nguyên tắc khi hạch toán doanh thu:

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu được tiền hoặc sẽ thu được tiền từ các giao dịch và nghiệp vụ phát sinh doanh thu như: bán sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư, cung cấp dịch vụ cho khách hàng bao gồm các khoản phụ thu và phí thu thêm ngoài giá bán (nếu có);
- Đối với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế GTGT tính theo phương pháp khấu trừ, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là giá bán chưa có thuế GTGT;

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

- Đối với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ không thuộc đối tượng chịu thuế GTGT hoặc đối tượng chịu thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp thì doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là tổng giá thanh toán;

- Đối với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế tiêu thụ đặc biệt, hoặc thuế xuất khẩu thì doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là tổng giá thanh toán (Bao gồm cả thuế tiêu thụ đặc biệt hoặc thuế xuất khẩu);

- Những doanh nghiệp nhận gia công vật tư, hàng hóa thì chỉ phản ánh vào doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ số tiền gia công thực tế được hưởng, không bao gồm giá trị vật tư, hàng hóa nhận gia công;

- Đối với hàng hóa nhận bán đại lý, ký gửi theo phương thức bán đúng giá hưởng hoa hồng thì hạch toán vào doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ phần hoa hồng bán hàng mà doanh nghiệp được hưởng;

- Trường hợp bán hàng theo phương thức trả chậm, trả góp thì doanh nghiệp ghi nhận doanh thu bán hàng theo giá bán tiền trả ngay và ghi nhận vào doanh thu chưa thực hiện phần lãi tính trên khoản phải trả nhưng trả chậm phù hợp với thời điểm ghi nhận doanh thu được xác định;

- Đối với doanh nghiệp thực hiện nhiệm vụ cung cấp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ theo yêu cầu của Nhà nước, được nhà nước trợ cấp, trợ giá theo quy định thì doanh thu trợ cấp, trợ giá là số tiền được Nhà nước chính thức thông báo hoặc thực tế trợ cấp, trợ giá;

- Đối với trường hợp cho thuê tài sản, có nhận trước tiền cho thuê của nhiều năm thì doanh thu cung cấp dịch vụ ghi nhận của năm tài chính được xác định trên cơ sở lấy tổng số tiền nhận được chia cho số kỳ nhận trước tiền.



Các phương thức bán hàng:

- *Phương thức bán hàng trực tiếp*: là phương thức giao hàng trực tiếp cho người mua tại kho, tại quầy bán hàng của doanh nghiệp. Sau khi người mua đã nhận đủ hàng và ký vào hóa đơn bán hàng thì số hàng đã bàn giao được chính thức xác định là tiêu thụ. Bán trực tiếp bao gồm bán buôn và bán lẻ.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

+ Bán buôn: là quá trình bán hàng cho các doanh nghiệp thương mại, các tổ chức kinh tế khác. Kết thúc quá trình bán buôn hàng hóa vẫn trong lĩnh vực lưu thông chưa đi vào lĩnh vực tiêu dùng, giá trị và giá trị sử dụng của hàng hóa chưa được thực hiện. Đặc điểm của bán buôn thường là bán khối lượng lớn, được tiến hành theo các hợp đồng kinh tế.

+ Bán lẻ: là giai đoạn cuối cùng của quá trình vận động hàng hóa từ nơi sản xuất đến nơi tiêu dùng. Đó là hành vi trao đổi diễn ra hàng ngày thường xuyên của người tiêu dùng. Thời điểm xác định tiêu thụ là khi doanh nghiệp mất đi quyền sở hữu hàng hóa và có quyền sở hữu tiền tệ.

- *Phương thức bán hàng theo hợp đồng*: theo phương thức này, bên bán chuyển hàng cho bên mua theo thời điểm ghi trong hợp đồng. Số hàng chuyển đi này vẫn thuộc quyền sở hữu của bên bán. Khi được người mua thanh toán hoặc chấp nhận thanh toán về số hàng chuyển giao (một phần hay toàn bộ) thì lượng hàng được người mua chấp nhận đó mới được coi là tiêu thụ.

- *Phương thức bán hàng qua đại lý*: là phương thức mà bên chủ hàng (gọi là bên giao đại lý) xuất hàng giao cho bên nhận đại lý (bên đại lý) để bán. Số hàng này vẫn thuộc quyền sở hữu của bên chủ hàng cho đến khi chính thức tiêu thụ. Bên đại lý sẽ được hưởng thù lao đại lý dưới hình thức hoa hồng hoặc chênh lệch giá.

- *Phương thức bán hàng trả chậm, trả góp*: theo tiêu thức này, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là giá trả một lần ngay từ đầu không bao gồm tiền lãi trả chậm trả góp. Theo phương thức này, khách hàng sẽ thanh toán tiền hàng thành nhiều lần. Lần đầu vào thời điểm mua, số tiền còn lại người mua sẽ trả dần vào các kỳ tiếp theo và phải chịu một tỷ lệ lãi nhất định cho số tiền trả chậm. Về mặt hạch toán khi giao hàng cho người mua, thu được tiền hoặc xác định được phần người mua phải trả thì hàng hóa được coi là tiêu thụ.

- *Phương thức hàng đổi hàng*: là phương thức mà doanh nghiệp mang sản phẩm của mình đi đổi lấy vật tư, hàng hóa không tương tự. Giá trao đổi là giá hiện hành của vật tư hàng hóa trên thị trường.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

- *Phương thức tiêu thụ nội bộ*: tiêu thụ nội bộ là việc mua, bán sản phẩm, hàng hóa dịch vụ giữa đơn vị chính với đơn vị trực thuộc hoặc giữa các đơn vị trực thuộc với nhau trong cùng một tổng công ty, một tập đoàn, một xí nghiệp... Theo phương thức này, doanh nghiệp dùng sản phẩm của mình để trả lương cho cán bộ, công nhân viên trong doanh nghiệp.



Chứng từ sử dụng

- Phiếu xuất kho
- Hóa đơn GTGT, Hóa đơn bán hàng thông thường
- Hợp đồng kinh tế
- Phiếu thu hoặc giấy báo có của ngân hàng
- Các chứng từ liên quan khác



Tài khoản sử dụng

➤ **TK 511 – “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ”**

- ✓ Tài khoản 511 “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ”.

Các TK cấp 2:

- Tài khoản 5111 – Doanh thu bán hàng hóa
- Tài khoản 5112 – Doanh thu bán các thành phẩm
- Tài khoản 5113 – Doanh thu cung cấp dịch vụ
- Tài khoản 5114 – Doanh thu trợ cấp, trợ giá
- Tài khoản 5117 – Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư
- Tài khoản 5118 – Doanh thu khác

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

✓ Kết cấu của tài khoản 511

Nợ	TK 511	Có
- Số thuế TTĐB, hoặc thuế xuất khẩu phải nộp tính trên doanh thu bán hàng thực tế của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã cung cấp cho khách hàng và được xác định là đã bán trong kỳ kế toán; - Số thuế GTGT phải nộp của doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp; - Doanh thu hàng bán bị trả lại, giảm giá hàng bán, chiết khấu thương mại kết chuyển cuối kỳ; - Kết chuyển doanh thu thuần vào TK911- “Xác định kết quả kinh doanh”		Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp thực hiện trong kỳ kế toán.
Tổng số phát sinh nợ		Tổng số phát sinh có



TK 511 không có số dư cuối kỳ

➤ **TK 512 – “Doanh thu bán hàng nội bộ”**

- ✓ Tài khoản 512 “Doanh thu bán hàng nội bộ” có 3 tài khoản cấp 2:
 - Tài khoản 5121 – Doanh thu bán hàng hóa
 - Tài khoản 5122 – Doanh thu bán các thành phẩm
 - Tài khoản 5123 – Doanh thu cung cấp dịch vụ

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

✓ Kết cấu của tài khoản 512

Nợ	TK 512	Có
- Trị giá hàng bán bị trả lại, khoản giảm giá hàng bán đã chấp nhận trên khối lượng sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán nội bộ kết chuyển cuối kỳ kế toán; - Số thuế TTĐB phải nộp theo số sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ tiêu thụ nội bộ; - Số thuế GTGT phải nộp theo phương pháp trực tiếp của số sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ tiêu thụ nội bộ; - Kết chuyển doanh thu bán hàng nội bộ thuần vào TK911- “Xác định kết quả kinh doanh”		-Tổng số doanh thu bán hàng nội bộ của đơn vị thực hiện trong kỳ kế toán.
Tổng số phát sinh nợ		Tổng số phát sinh có



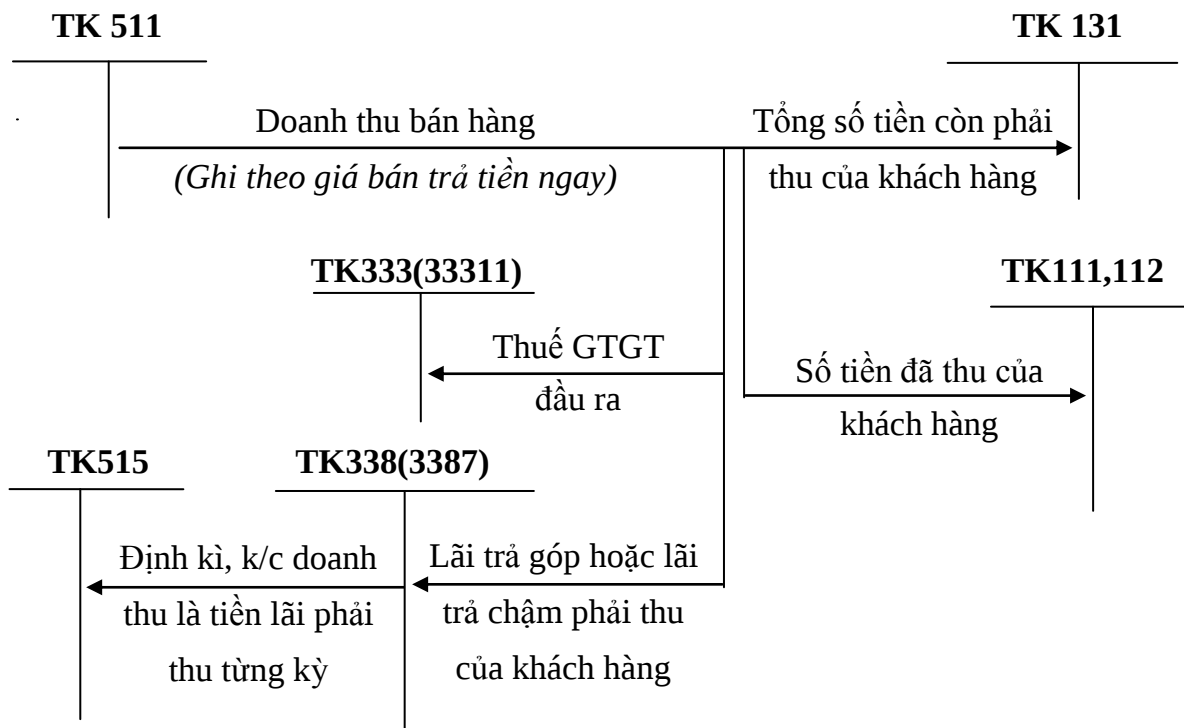
TK 512 không có số dư cuối kỳ



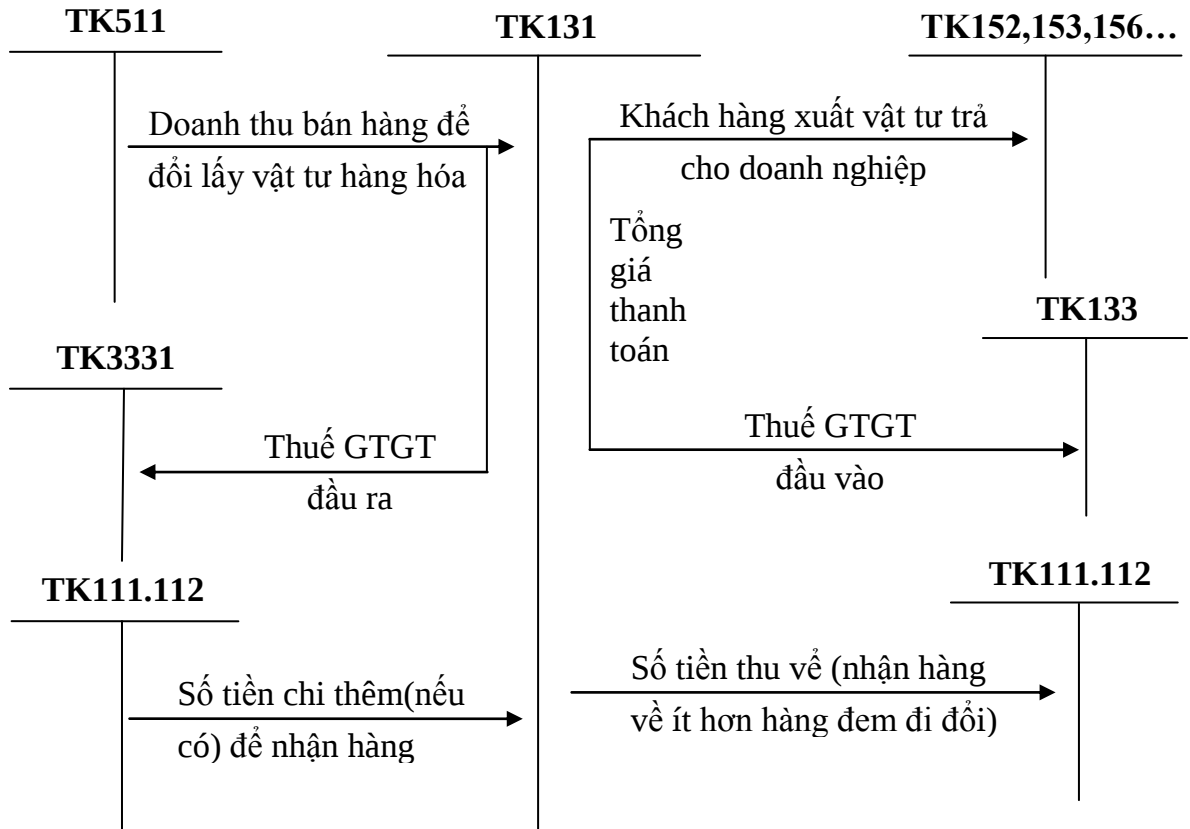
Phương pháp hạch toán

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Sơ đồ 1.3. Kế toán bán hàng theo phương thức trả chậm trả góp

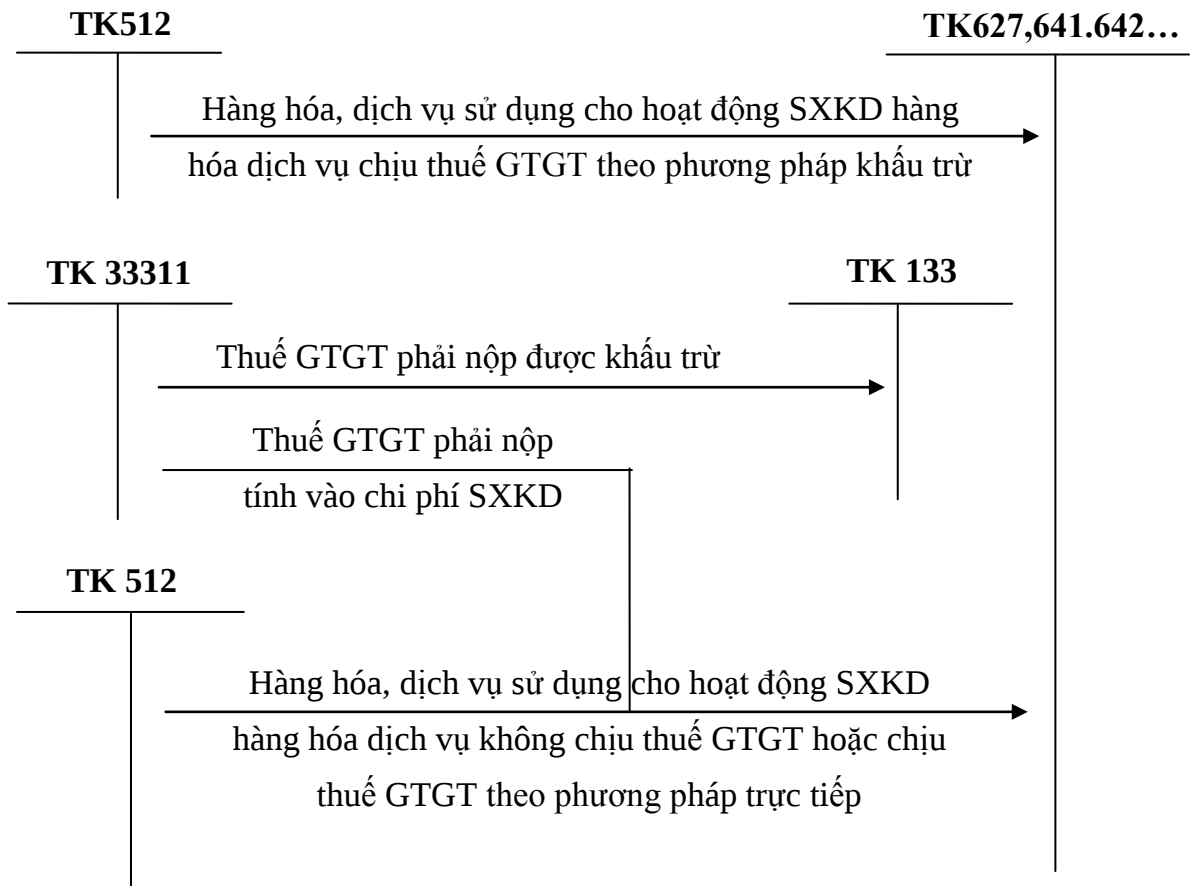


Sơ đồ 1.4: Kết toán bán hàng theo phương thức trao đổi hàng



KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Sơ đồ 1.5: Kế toán bán hàng theo phương thức tiêu thụ nội bộ



KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

1.4.1.2. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu



Chứng từ sử dụng

- Hóa đơn giá trị gia tăng, hóa đơn bán hàng thông thường
- Hợp đồng mua bán
- Các chứng từ thanh toán như: Phiếu chi, giấy báo nợ của ngân hàng
- Các chứng từ liên quan như: Phiếu nhập kho hàng bị trả lại...



Tài khoản sử dụng

➤ Tài khoản 521 “Chiết khấu thương mại”

- ✓ Tài khoản 521 – Chiết khấu thương mại có 3 tài khoản cấp 2:
 - Tài khoản 5211 – Chiết khấu hàng hóa
 - Tài khoản 5212 – Chiết khấu thành phẩm
 - Tài khoản 5213 – Chiết khấu dịch vụ
- ✓ Kết cấu của tài khoản 521:

Nợ	TK521	Có
- Số chiết khấu thương mại đã chấp nhận thanh toán cho khách hàng.		- Kết chuyển toàn bộ số chiết khấu thương mại sang TK511 để xác định doanh thu thuần của kì hạch toán.
Tổng số phát sinh nợ		Tổng số phát sinh có

TK 521 không có số dư cuối kì

➤ TK 531 “Hàng bán bị trả lại”

- ✓ Kết cấu của TK531:

Nợ	TK531	Có
- Doanh thu của hàng bán bị trả lại, đã trả lại tiền cho người mua hoặc tính trừ vào khoản phải thu của khách hàng về số sản phẩm, hàng hóa đã bán.		- Kết chuyển doanh thu của hàng bị trả lại hoặc phát sinh trong kì sang TK511 hoặc TK512 để xác định doanh thu thuần trong kì báo cáo.
Tổng số phát sinh nợ		Tổng số phát sinh có

TK 531 không có số dư cuối kì

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

➤ TK532: “Giảm giá hàng bán”

- ✓ Kết cấu của TK532

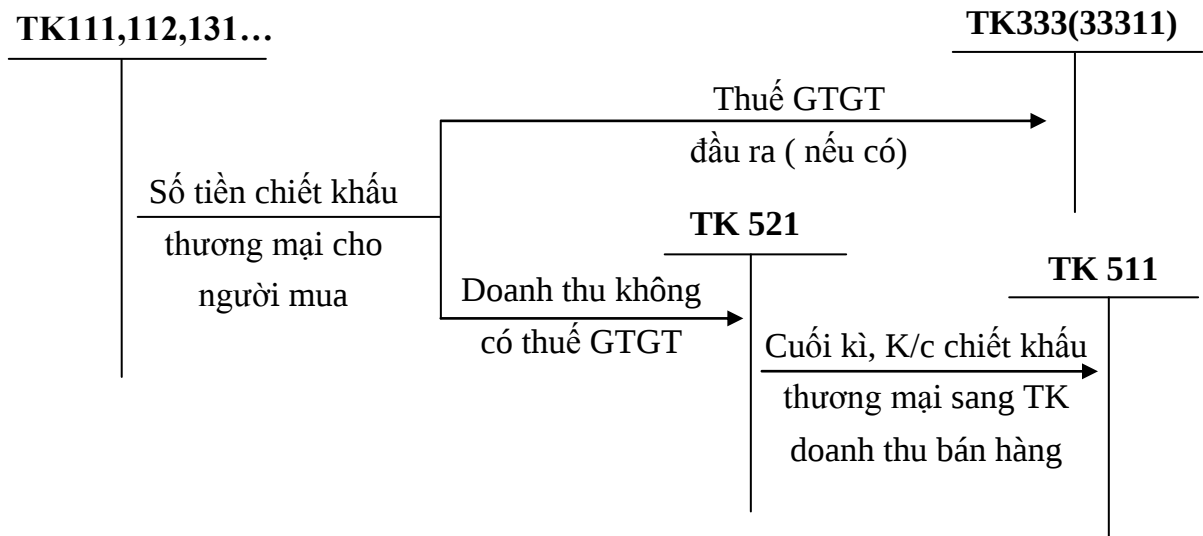
Nợ	TK532	Có
- Các khoản giảm giá hàng bán đã chấp thuận cho người mua hàng do hàng bán kém phẩm chất hoặc sai quy cách theo quy định trong hợp đồng kinh tế.		- Cuối kì, kết chuyển toàn bộ số tiền giảm giá hàng bán sang TK511 hoặc TK512
Tổng số phát sinh nợ		Tổng số phát sinh có

TK 532 không có số dư cuối kì



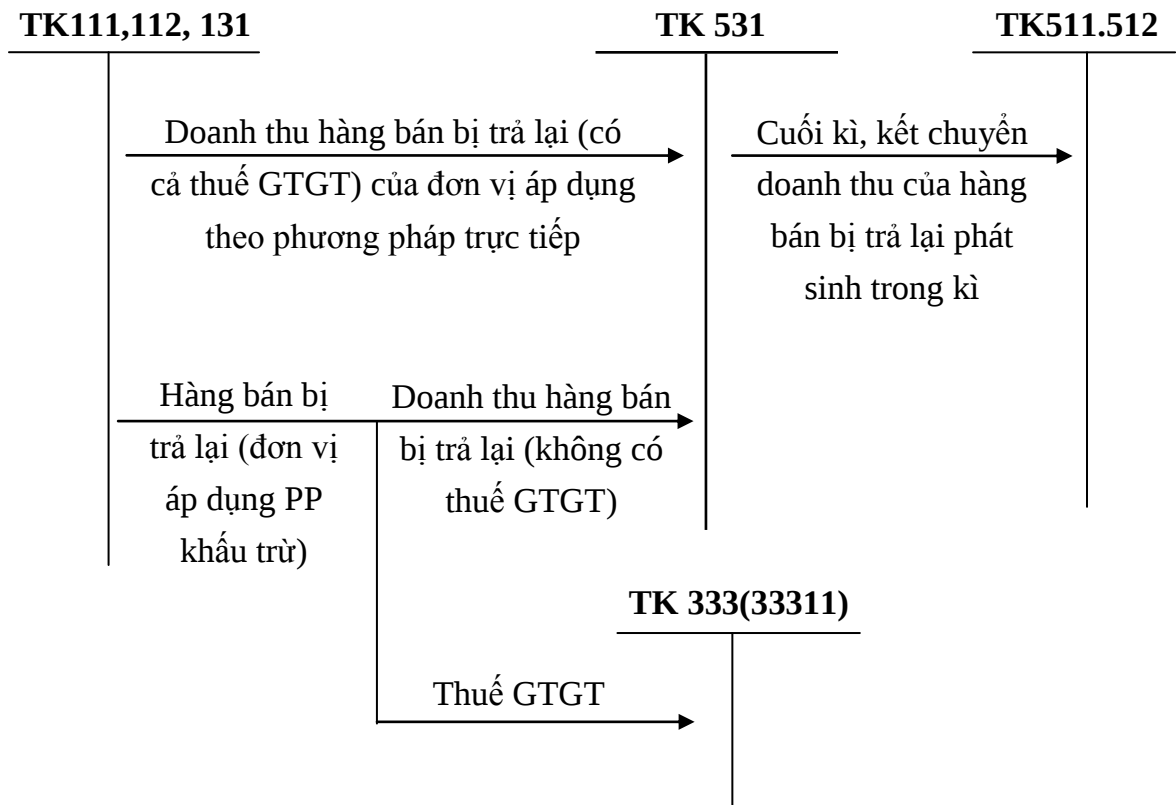
Phương pháp hạch toán

Sơ đồ 1.6: Sơ đồ hạch toán chiết khấu thương mại

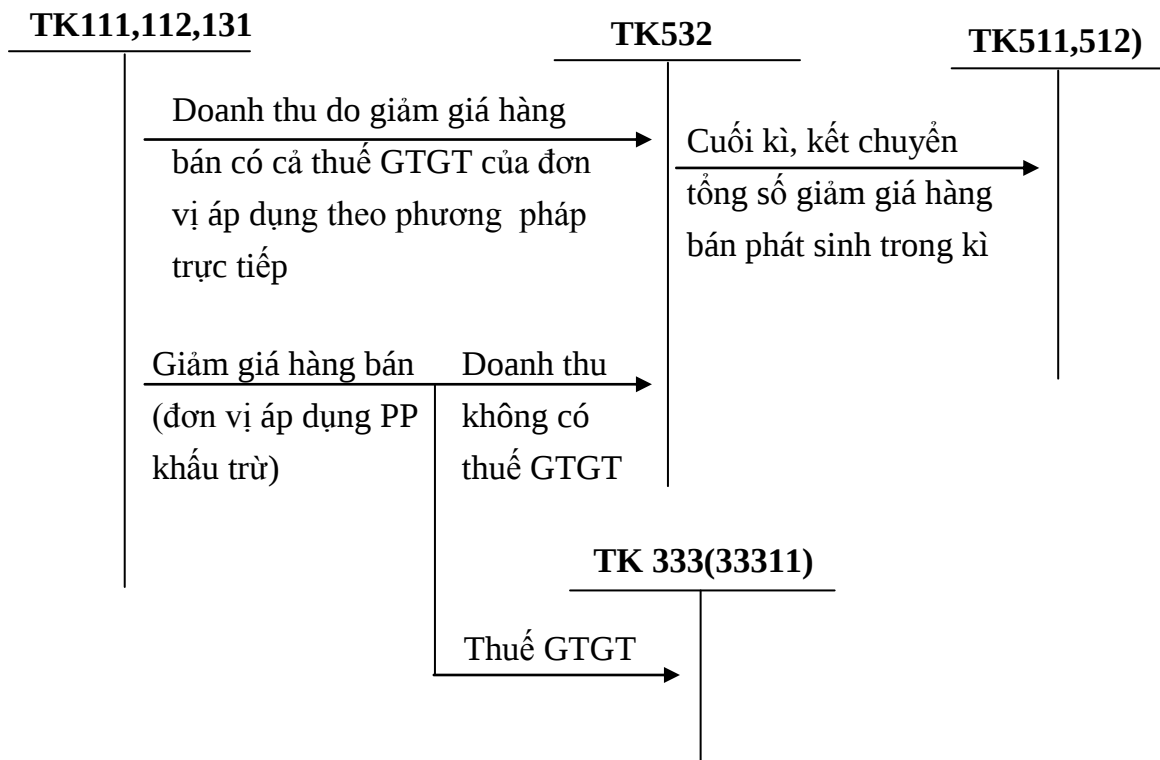


KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Sơ đồ 1.7: Sơ đồ hạch toán hàng bán bị trả lại



Sơ đồ 1.8 Sơ đồ hạch toán giảm giá hàng bán



1.4.1.3. Kế toán giá vốn bán hàng

Phương pháp tính trị giá vốn hàng bán

- *Phương pháp bình quân gia quyền:*

+ Phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ dự trữ:

$$\text{Đơn giá xuất kho} = \frac{\text{Trị giá SP, HH tồn đầu kỳ} + \text{Trị giá SP, HH nhập trong kỳ}}{\text{Số lượng SP, HH tồn đầu kỳ} + \text{Số lượng SP, HH nhập trong kỳ}}$$

Phương pháp này có ưu điểm là khá đơn giản, dễ thực hiện, nhưng có nhược điểm là công việc sẽ dồn vào cuối kỳ, ảnh hưởng tới tiến độ của các phần hành khác và không phản ánh kịp thời tình hình biến động của hàng hóa.

+ Phương pháp bình quân gia quyền sau mỗi lần nhập:

$$\text{Đơn giá xuất kho} = \frac{\text{Trị giá thực tế SP, HH tồn kho sau mỗi lần nhập}}{\text{Số lượng SP, HH thực tế tồn kho sau mỗi lần nhập}}$$

Phương pháp này có ưu điểm là khắc phục được những hạn chế của phương pháp trên nhưng việc tính toán phức tạp, nhiều lần, tốn công sức. Do đặc điểm trên mà phương pháp này được áp dụng ở doanh nghiệp có ít chủng loại hàng tồn kho, có lưu lượng nhập xuất ít.

- *Phương pháp nhập trước xuất trước (FIFO):*

Phương pháp này áp dụng dựa trên giả định là hàng được mua trước hoặc sản xuất trước thì được xuất trước, và hàng còn lại cuối kỳ là hàng được mua hoặc sản xuất ở thời điểm cuối kỳ. Theo phương pháp này thì giá trị hàng xuất kho được tính theo giá của lô hàng nhập kho ở thời điểm đầu kỳ hoặc gần đầu kỳ, giá trị của hàng tồn kho được tính theo giá của hàng nhập kho ở thời điểm cuối kỳ hoặc gần cuối kỳ còn tồn kho.

- *Phương pháp nhập sau xuất trước (LIFO):*

Phương pháp này giả định là hàng được mua sau hoặc sản xuất sau thì được xuất trước, và hàng tồn kho còn lại cuối kỳ là những hàng được mua hoặc sản xuất trước đó. Theo phương pháp này thì giá trị hàng xuất kho được tính theo giá của hàng nhập sau hoặc gần sau cùng, giá trị của hàng tồn kho được tính theo giá của hàng nhập kho đầu kỳ hoặc gần đầu kỳ.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

- *Phương pháp thực tế đích danh:*

Theo phương pháp này sản phẩm, vật tư, hàng hóa xuất kho thuộc lô hàng nhập nào thì lấy đơn giá nhập kho của lô hàng đó để tính. Đây là phương án tốt nhất, nó tuân thủ nguyên tắc phù hợp của kế toán; chi phí thực tế phù hợp với doanh thu thực tế. Giá trị hàng xuất kho đem bán phù hợp với doanh thu mà nó tạo ra. Hơn nữa, giá trị hàng tồn kho được phản ánh đúng theo giá trị thực tế của nó.



Chứng từ sử dụng

- Phiếu xuất kho
- Các chứng từ khác có liên quan



Tài khoản sử dụng

➤ **Tài khoản 632 “ Giá vốn hàng bán”**

① *Trường hợp doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên*

- ✓ Kết nội dung TK 632:

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Nợ	TK 632	Có
➤ Đối với hoạt động sản xuất kinh doanh: - Trị giá vốn của SP, HH, DV đã tiêu thụ trong kỳ; - Chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công vượt trên mức bình thường và chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ được tính vào giá vốn hàng bán trong kỳ; - Các khoản hao hụt mất mát của hàng tồn kho sau khi trừ phần bồi thường do trách nhiệm cá nhân gây ra; - Chi phí xây dựng tự chế TSCĐ vượt trên mức bình thường không được tính vào nguyên giá TSCĐ hữu hình tự xây dựng, tự chế hoàn thành; - Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho. ➤ Đối với hoạt động kinh doanh BĐS đầu tư - Số khấu hao BĐS đầu tư trích trong kỳ; - Chi phí sửa chữa, nâng cấp, cải tạo BĐS đầu tư không đủ điều kiện tính vào nguyên giá BĐS đầu tư; - Chi phí phát sinh từ nghiệp vụ cho thuê hoạt động BĐS đầu tư trong kỳ; - Giá trị còn lại của BĐS đầu tư bán, thanh lý trong kỳ; - Chi phí của nghiệp vụ bán, thanh lý BĐS đầu tư phát sinh trong kỳ.		- Kết chuyển giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán trong kỳ sang Tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”; - Kết chuyển toàn bộ chi phí kinh doanh BĐS đầu tư phát sinh trong kỳ để xác định kết quả hoạt động kinh doanh; - Khoản hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay nhỏ hơn số đã lập năm trước); - Trị giá hàng bán bị trả lại nhập kho.
Tổng số phát sinh nợ		Tổng số phát sinh có



TK632 không có số dư cuối kỳ

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

② Trường hợp doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ

- Đối với doanh nghiệp kinh doanh thương mại, kế toán giá vốn hàng bán sử dụng thêm tài khoản 611 – “ Mua hàng ”

Nợ	TK 632	Có
- Trị giá vốn của hàng hóa đã xuất bán trong kỳ; - Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay lớn hơn số đã lập năm trước chưa sử dụng hết).		- Kết chuyển giá vốn của hàng hóa đã gửi bán nhưng chưa được xác định là tiêu thụ; - Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính (Chênh lệch giữa dự phòng phải lập năm nay nhỏ hơn số đã lập năm trước); - Kết chuyển giá vốn của hàng hóa đã xuất bán vào bên Nợ Tài khoản 911.
Tổng số phát sinh nợ		Tổng số phát sinh có

TK632 không có số dư cuối kỳ

- Đối với doanh nghiệp sản xuất và kinh doanh dịch vụ, kế toán giá vốn hàng bán còn sử dụng thêm tài khoản 631 – “ Giá thành sản xuất ”

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Nợ	TK 632	Có
- Trị giá vốn của thành phẩm tồn kho đầu kỳ; - Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay lớn hơn số đã lập năm trước chưa sử dụng hết). - Trị giá vốn của thành phẩm sản xuất xong nhập kho và dịch vụ đã hoàn thành.		- Kết chuyển giá vốn của thành phẩm tồn kho cuối kỳ vào bên Nợ TK 155; - Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính; - Kết chuyển giá vốn của thành phẩm đã xuất bán, dịch vụ hoàn thành được xác định là đã bán trong kỳ vào bên Nợ Tài khoản 911.
Tổng số phát sinh nợ		Tổng số phát sinh có

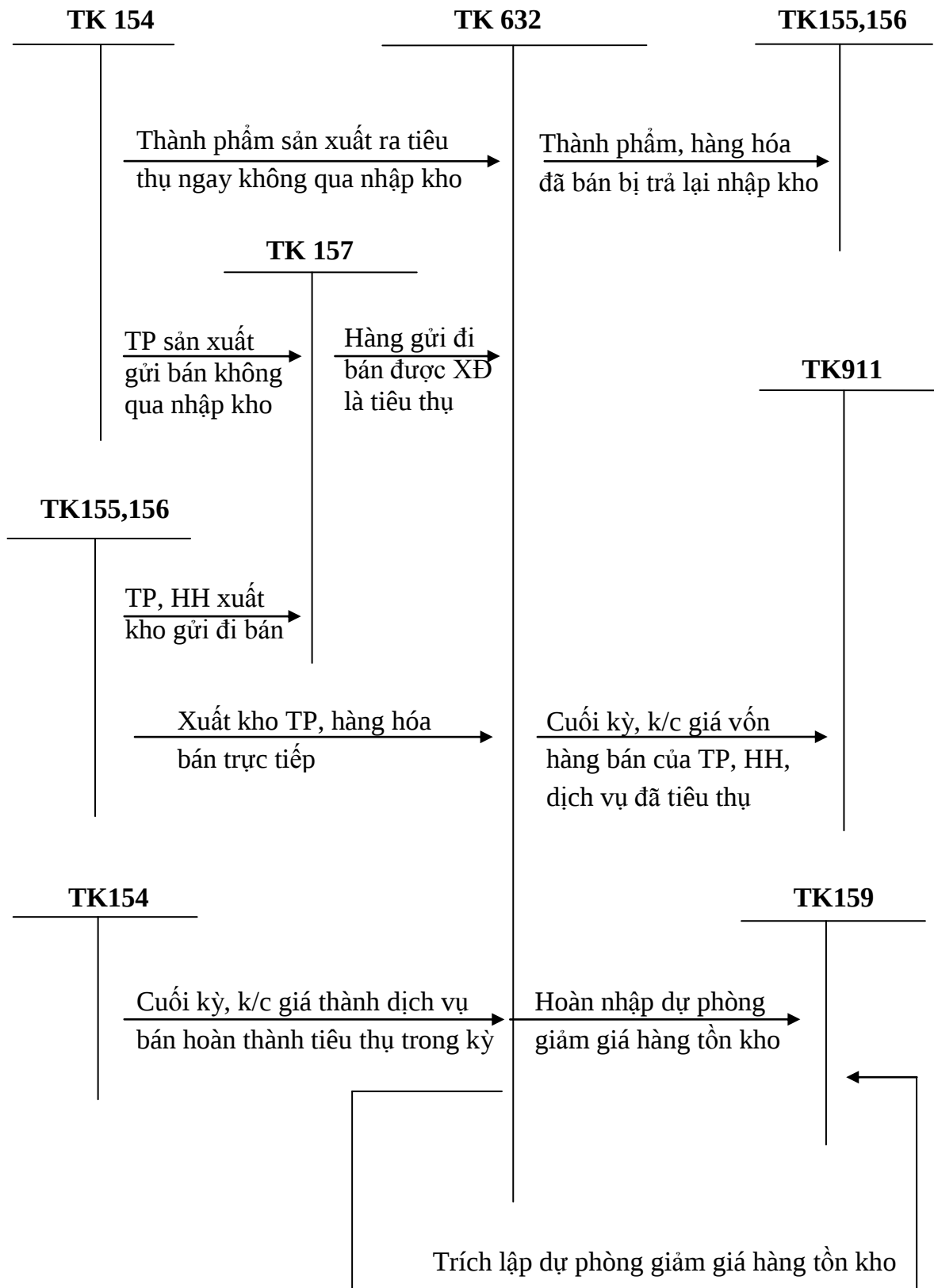
TK632 không có số dư cuối kỳ



Phương pháp hạch toán

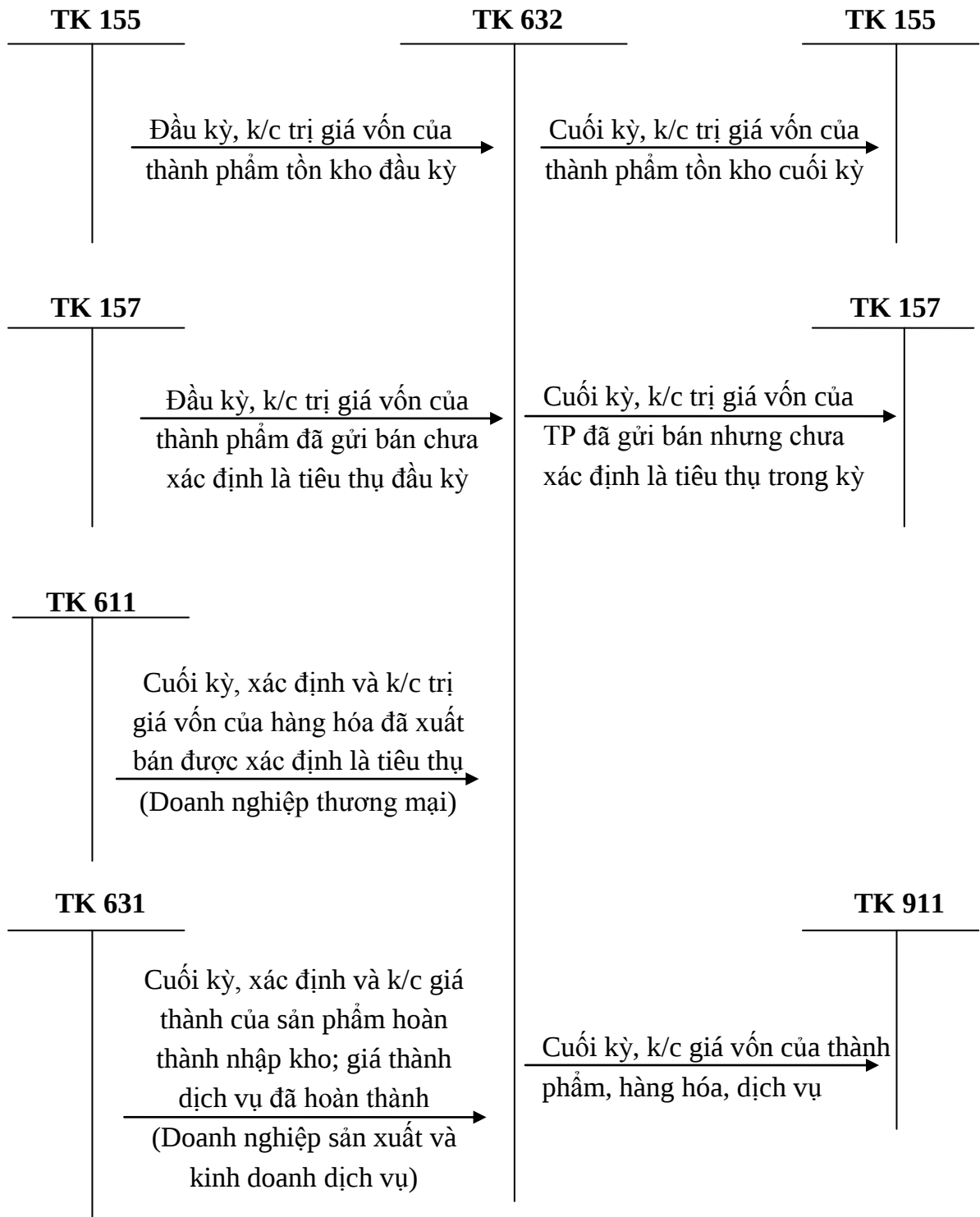
KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Sơ đồ 1.9: Hạch toán giá vốn hàng bán theo PP kê khai thường xuyên



KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Sơ đồ 1.10: Hạch toán giá vốn hàng bán theo PP kiểm kê định kỳ



1.4.1.4. Kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp



Chứng từ sử dụng

- Hóa đơn giá trị gia tăng
- Bảng tính và phân bổ khấu hao
- Phiếu chi, giấy báo Nợ
- Các chứng từ khác có liên quan



Tài khoản sử dụng

➤ **TK 641: Chi phí bán hàng**

- ✓ Các tài khoản cấp 2:
 - + TK 6411 – Chi phí nhân viên
 - + TK 6412 – Chi phí vật liệu, bao bì
 - + TK 6413 – Chi phí dụng cụ, đồ dùng
 - + TK 6414 – Chi phí khấu hao TSCĐ
 - + TK 6415 – Chi phí bảo hành
 - + TK 6417 – Chi phí dịch vụ mua ngoài
 - + TK 6418 – Chi phí bằng tiền khác

➤ **TK 642: Chi phí quản lý doanh nghiệp**

- ✓ Các tài khoản cấp 2:
 - + TK 6421 – Chi phí nhân viên quản lý
 - + TK 6412 – Chi phí vật liệu quản lý
 - + TK 6423 – Chi phí đồ dùng văn phòng
 - + TK 6424 – Chi phí khấu hao tài sản cố định
 - + TK 6425 – Thuế, phí và lệ phí
 - + TK 6426 – Chi phí dự phòng
 - + TK 6427 – Chi phí dịch vụ mua ngoài
 - + TK 6428 – Chi phí bằng tiền khác

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

✓ Kết cấu của TK 641, TK 642

Nợ	TK 641	Có
- Các chi phí phát sinh liên quan đến quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ		- Kết chuyển chi phí bán hàng vào Tài khoản 911
Tổng số phát sinh nợ		Tổng số phát sinh có
 TK641 không có số dư cuối kỳ.		

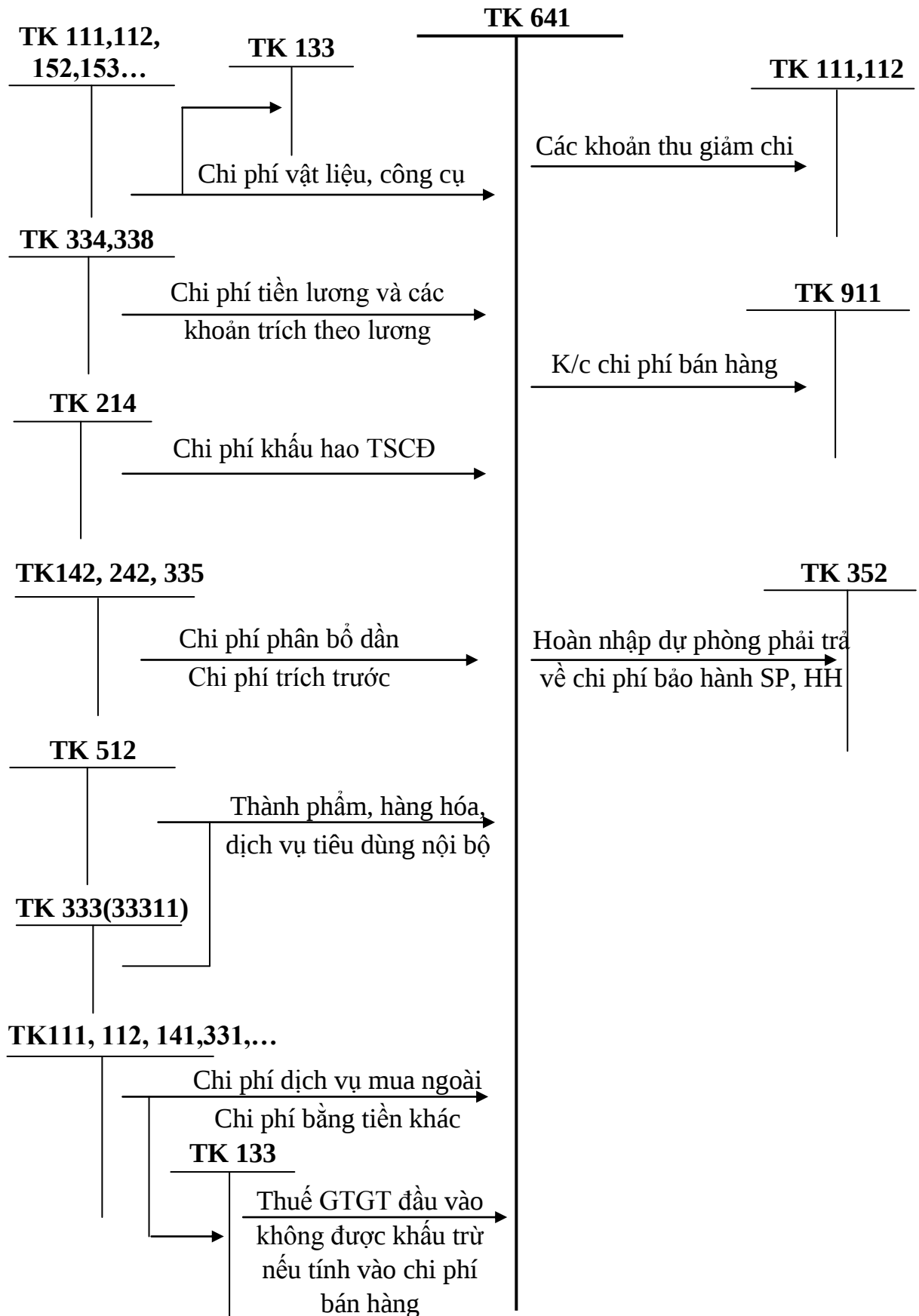
Nợ	TK 642	Có
- Các chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ; - Số dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả - Dự phòng trợ cấp mất việc làm.		- Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả - Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp vào Tài khoản 911
Tổng số phát sinh nợ		Tổng số phát sinh có
 TK642 không có số dư cuối kỳ		



Phương pháp hạch toán

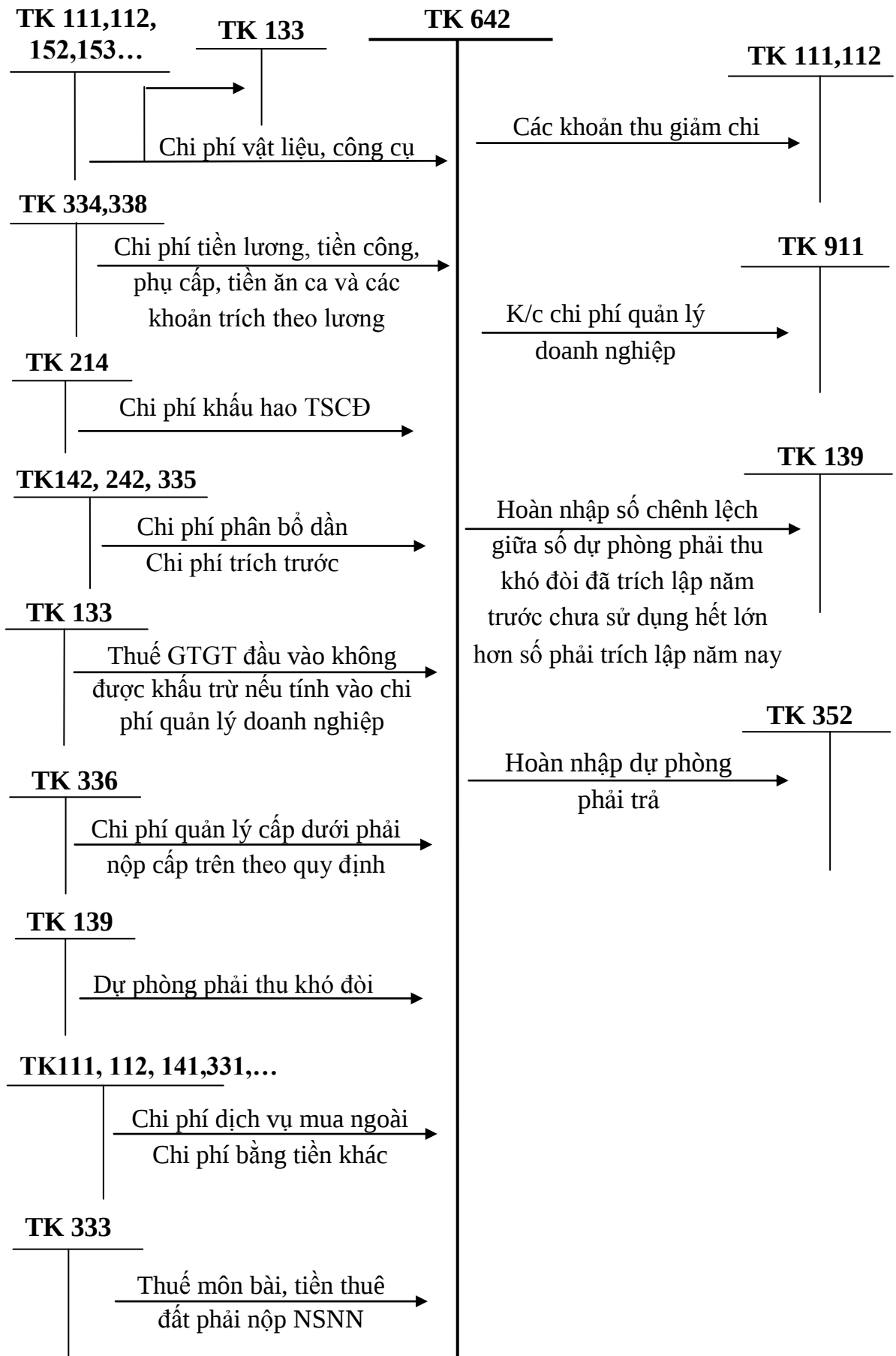
KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Sơ đồ 1.11: Kế toán chi phí bán hàng



KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Sơ đồ 1.12: Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp



KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

1.4.2. Kế toán hoạt động tài chính

1.4.2.1. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính



Chứng từ sử dụng

- Giấy báo lãi
- Giấy báo có của ngân hàng
- Bản sao kê của ngân hàng
- Phiếu kế toán
- Phiếu thu và các chứng từ khác có liên quan



Tài khoản sử dụng

➤ TK 515 “Doanh thu hoạt động tài chính”

- ✓ Kết cấu của TK 515:

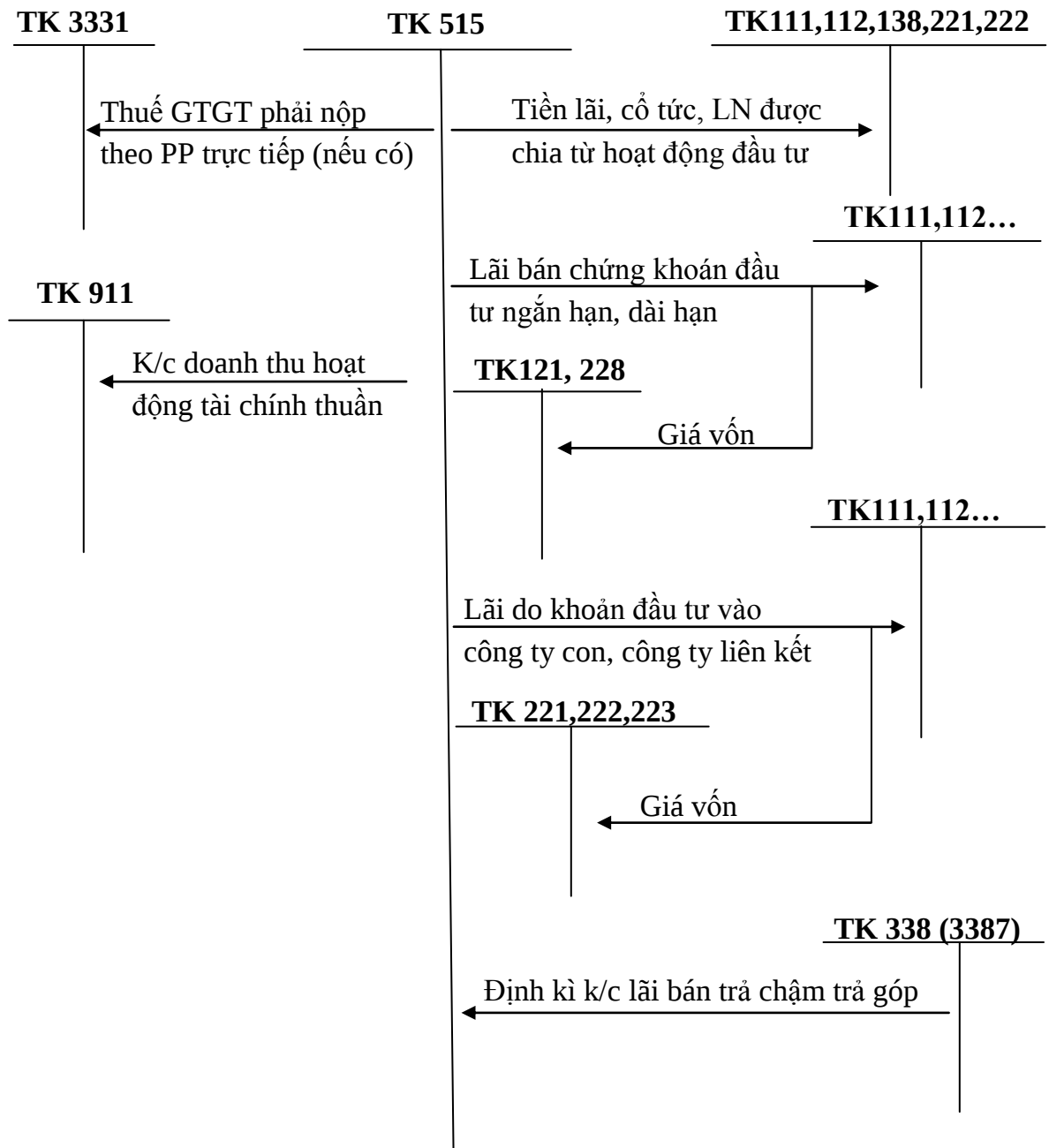
Nợ	TK 515	Có
- Số thuế GTGT phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp (nếu có); - Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính thuần sang Tài khoản 911– “Xác định kết quả kinh doanh”.	- Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia; - Lãi do nhượng bán các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết; - Chiết khấu thanh toán được hưởng; - Lãi tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ của hoạt động kinh doanh; - Lãi tỷ giá hối đoái phát sinh khi bán ngoại tệ; - Lãi tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối năm tài chính các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ của hoạt động kinh doanh; - Kết chuyển hoặc phân bổ lãi tỷ giá hối đoái của hoạt động đầu tư XD CB (giai đoạn trước hoạt động) đã hoàn thành đầu tư vào hoạt động doanh thu hoạt động tài chính; - Doanh thu hoạt động tài chính khác phát sinh trong kỳ;	
Tổng số phát sinh nợ		Tổng số phát sinh có

TK 515 không có số dư cuối kỳ

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Phương pháp hạch toán

Sơ đồ 1.13: Kế toán doanh thu hoạt động tài chính



1.4.2.2. Kế toán chi phí tài chính



Chứng từ sử dụng

- Giấy báo nợ của ngân hàng
- Hóa đơn giá trị gia tăng
- Phiếu kế toán
- Phiếu chi và các chứng từ khác có liên quan



Tài khoản sử dụng

➤ TK635: Chi phí tài chính

- ✓ Kết cấu của TK635

Nợ	TK 635	Có
- Chi phí lãi tiền vay, lãi mua hàng trả chậm, lãi thuê tài sản thuê tài chính; - Lỗ bán ngoại tệ; - Chiết khấu thanh toán cho người mua; - Các khoản lỗ do thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư; - Lỗ tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ của hoạt động kinh doanh; - Lỗ tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối năm tài chính các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ của hoạt động kinh doanh; - Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán; - Kết chuyển hoặc phân bổ chênh lệch tỷ giá hối đoái của hoạt động đầu tư XDCB đã hoàn thành đầu tư vào chi phí tài chính; - Các khoản chi phí của hoạt động đầu tư tài chính khác		- Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này nhỏ hơn số dự phòng đã trích lập năm trước chưa sử dụng hết); - Cuối kỳ kế toán, kết chuyển toàn bộ chi phí tài chính phát sinh trong kỳ để xác định kết quả kinh doanh.
Tổng số phát sinh nợ		Tổng số phát sinh có

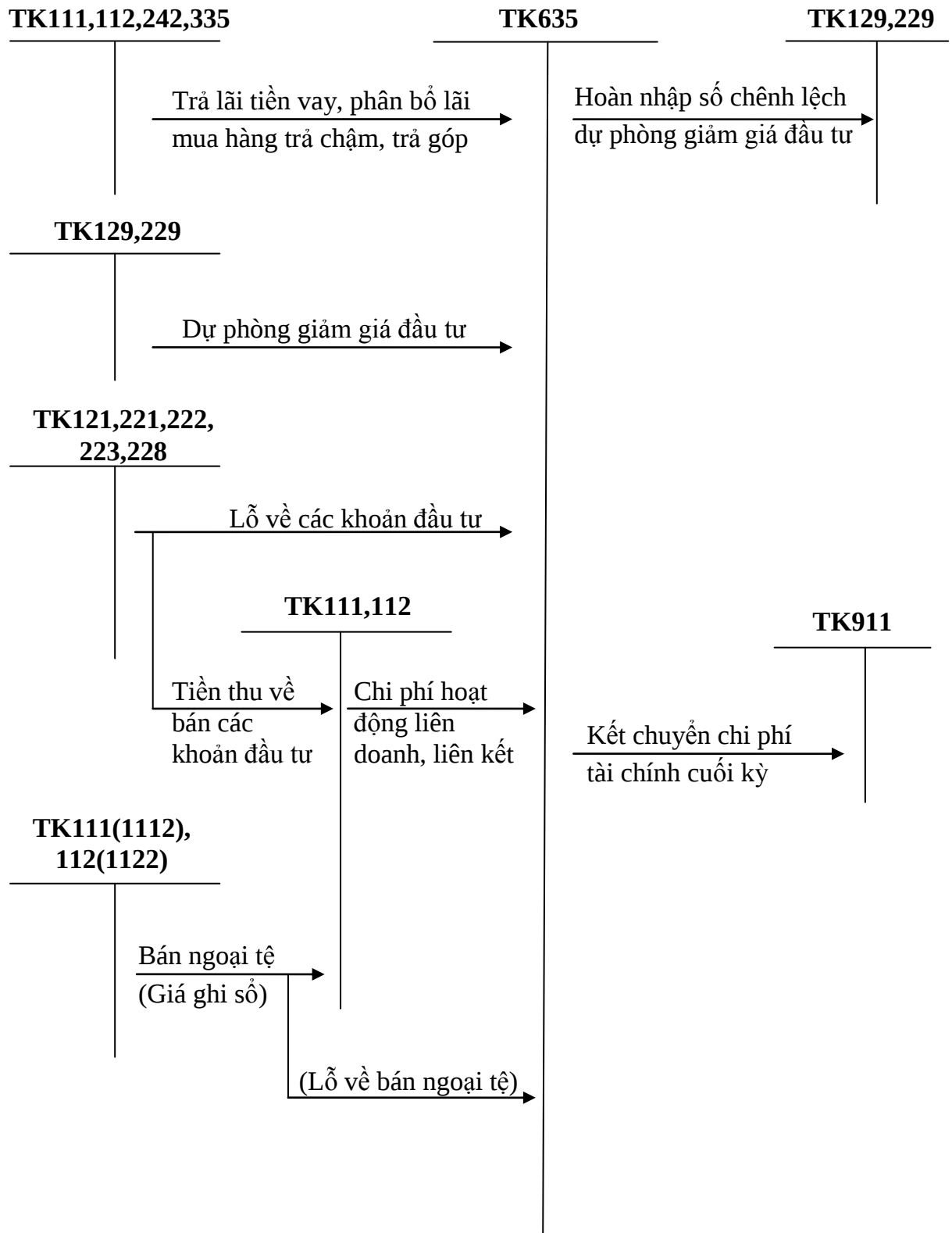


Tài khoản 635 không có số dư cuối kỳ

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Phương pháp hạch toán

Sơ đồ 1.14: Kế toán chi phí tài chính



KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

1.4.3. Kế toán hoạt động khác

1.4.3.1. Kế toán thu nhập khác



Chứng từ sử dụng

- Hóa đơn giá trị gia tăng
- Các chứng từ thanh toán: Phiếu thu, giấy báo Có ...
- Các chứng từ khác liên quan



Tài khoản sử dụng

➤ TK711 “Thu nhập khác”

- ✓ Kết cấu của TK711

Nợ	TK 711	Có
- Số thuế GTGT phải nộp (nếu có) tính theo phương pháp trực tiếp đối với các khoản thu nhập khác ở doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp ; - Cuối kỳ, kế toán kết chuyển các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ sang TK911– “Xác định kết quả kinh doanh”.		Các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ.
Tổng số phát sinh nợ		Tổng số phát sinh có

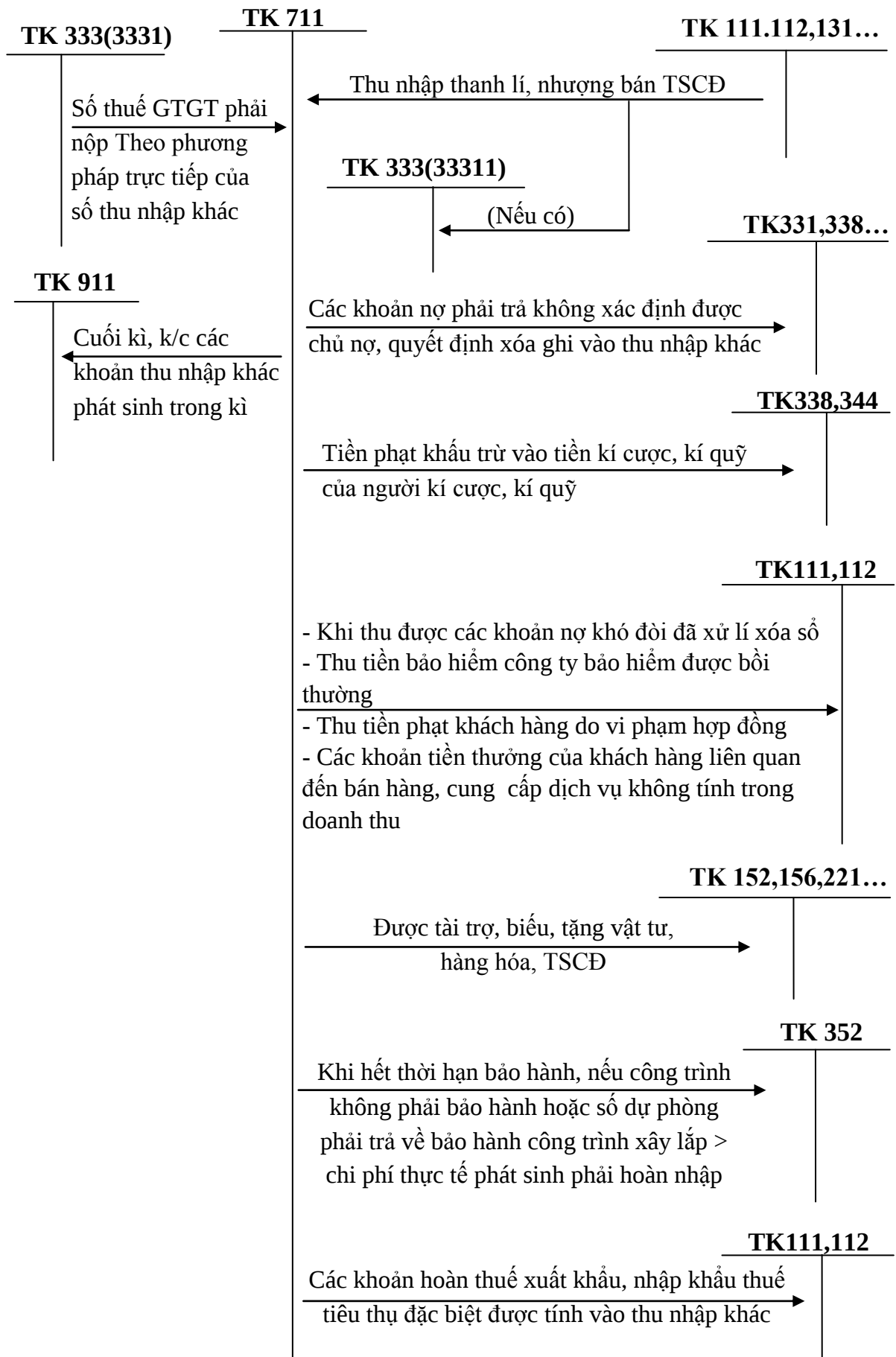
TK 711 không có số dư cuối kỳ



Phương pháp hạch toán

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Sơ đồ 1.15: Kế toán thu nhập khác



1.4.3.2. Kế toán chi phí khác



Chứng từ sử dụng

- Hóa đơn giá trị gia tăng
- Các chứng từ thanh toán: Phiếu chi, ủy nhiệm chi, giấy báo Nợ
- Phiếu kế toán
- Các chứng từ liên quan khác



Tài khoản sử dụng

➤ TK 811: Chi phí khác

- ✓ Kết cấu của TK811:

Nợ	TK 811	Có
- Tập hợp các khoản chi phí khác phát sinh trong kỳ	- Cuối kỳ, kết chuyển toàn bộ các khoản chi phí khác phát sinh trong kỳ sang Tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.	
Tổng số phát sinh nợ		Tổng số phát sinh có
X		

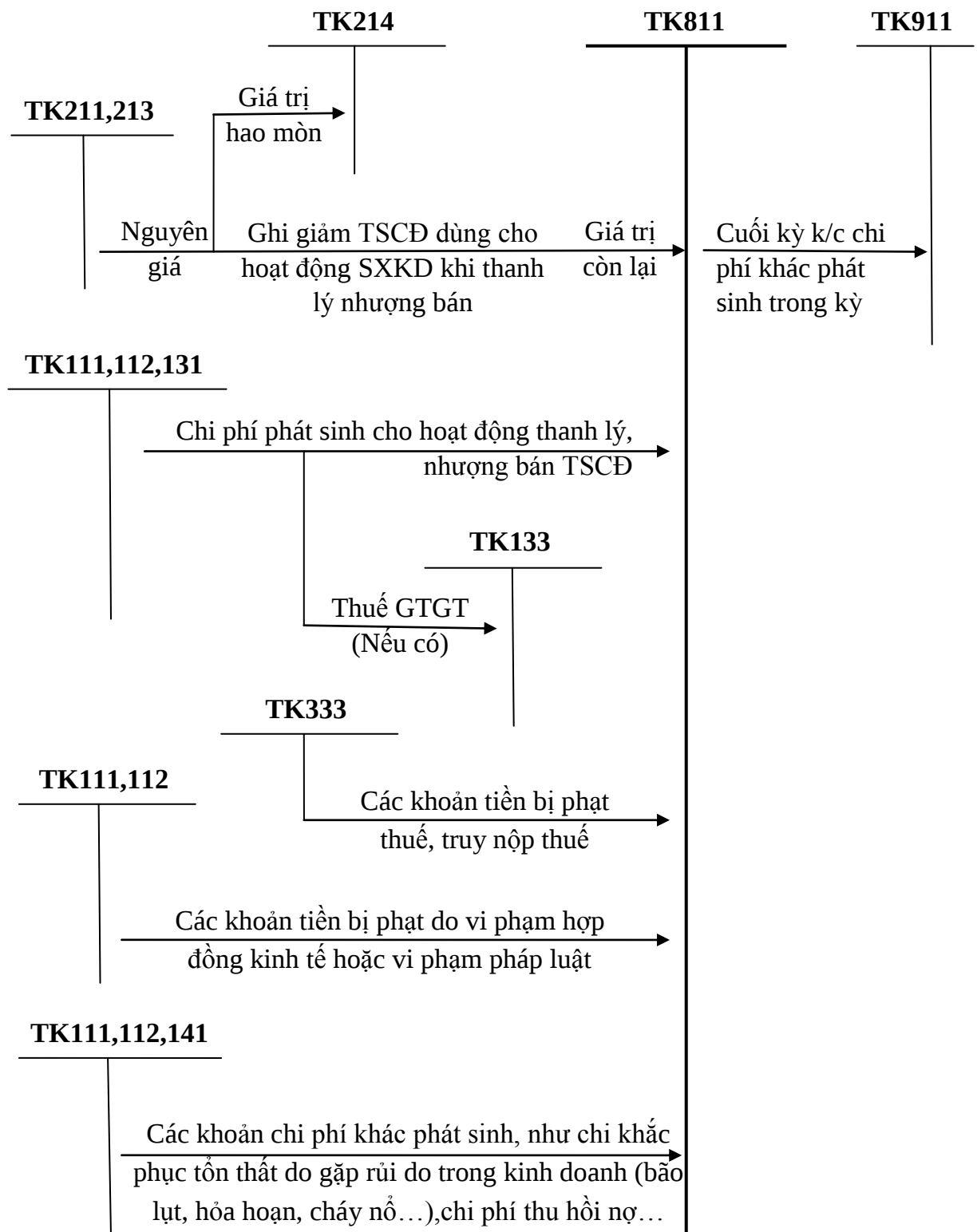
Tài khoản 811 không có số dư cuối kỳ



Phương pháp hạch toán

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Sơ đồ 1.16: Kế toán chi phí khác



1.4.4. *Kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp*



Chứng từ sử dụng

- Phiếu kế toán
- Các chứng từ liên quan khác



Tài khoản sử dụng

➤ **TK 821: Chi phí thuế TNDN**

✓ Tài khoản 821 – Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp, có 2 tài khoản cấp2:

- Tài khoản 8211 – Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành;
 - Tài khoản 8212 – Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại;
- ✓ Kết cấu của TK 821 như sau:

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

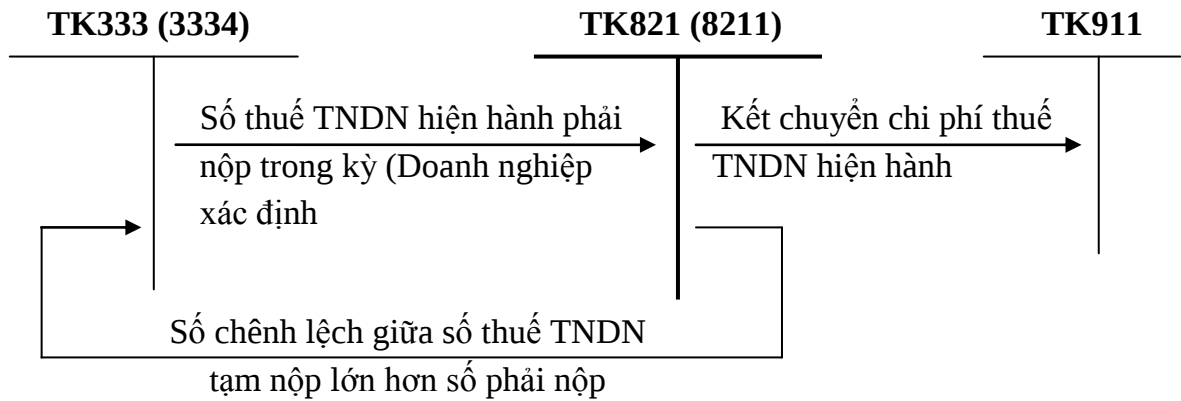
Nợ	TK821	Có
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phát sinh trong năm; - Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành của các năm trước phải nộp bổ sung do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước được ghi tăng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành của năm hiện tại; - Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh trong năm từ việc ghi nhận thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả (là số chênh lệch giữa thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả phát sinh trong năm lớn hơn thuế thu nhập hoãn lại phải trả được hoàn nhập trong năm); - Ghi nhận thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại (Số chênh lệch giữa tài sản thuế thu nhập hoãn lại được hoàn nhập trong năm lớn hơn tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh trong năm); - Kết chuyển chênh lệch giữa số phát sinh bên Có TK8212 -“Chi phí thuế TNDN hoãn lại” lớn hơn số phát sinh bên Nợ TK8212 phát sinh trong kỳ vào bên Có TK911	- Số thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành thực tế phải nộp trong năm nhỏ hơn số thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành tạm phải nộp được giảm trừ vào chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành đã ghi nhận trong năm; - Số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được ghi giảm do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước được ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành trong năm hiện tại; - Ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại và ghi nhận tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại; - Ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại (Số chênh lệch giữa thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả được hoàn nhập trong năm lớn hơn thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh trong năm); - Kết chuyển số chênh lệch giữa chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phát sinh trong năm lớn hơn khoản được ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành trong năm vào TK911; - Kết chuyển số chênh lệch giữa số phát sinh bên Nợ TK8212 lớn hơn số phát sinh bên Có TK8212 phát sinh trong kỳ vào bên Nợ TK911	
Tổng số phát sinh nợ		Tổng số phát sinh có

TK821 không có số dư cuối kỳ

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Phương pháp hạch toán

Sơ đồ 1.17: Hạch toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành



Sơ đồ 1.18: Hạch toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại



KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

1.4.5. Kế toán xác định kết quả kinh doanh



Chứng từ sử dụng:

- Phiếu kế toán



Tài khoản sử dụng

➤ TK911 “Xác định kết quả kinh doanh”

TK911 “Xác định kết quả kinh doanh” dùng để xác định kết quả hoạt động kinh doanh trong một kỳ hạch toán.

- ✓ Kết cấu của TK911 như sau:

Nợ	TK911	Có
- Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán; - Chi phí hoạt động tài chính, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp và chi phí khác; - Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp; - Kết chuyển lãi.		- Doanh thu thuần về số sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán trong kỳ; - Doanh thu hoạt động tài chính, các khoản thu nhập khác và khoản ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp; - Kết chuyển lỗ.
Tổng số phát sinh nợ		Tổng số phát sinh có

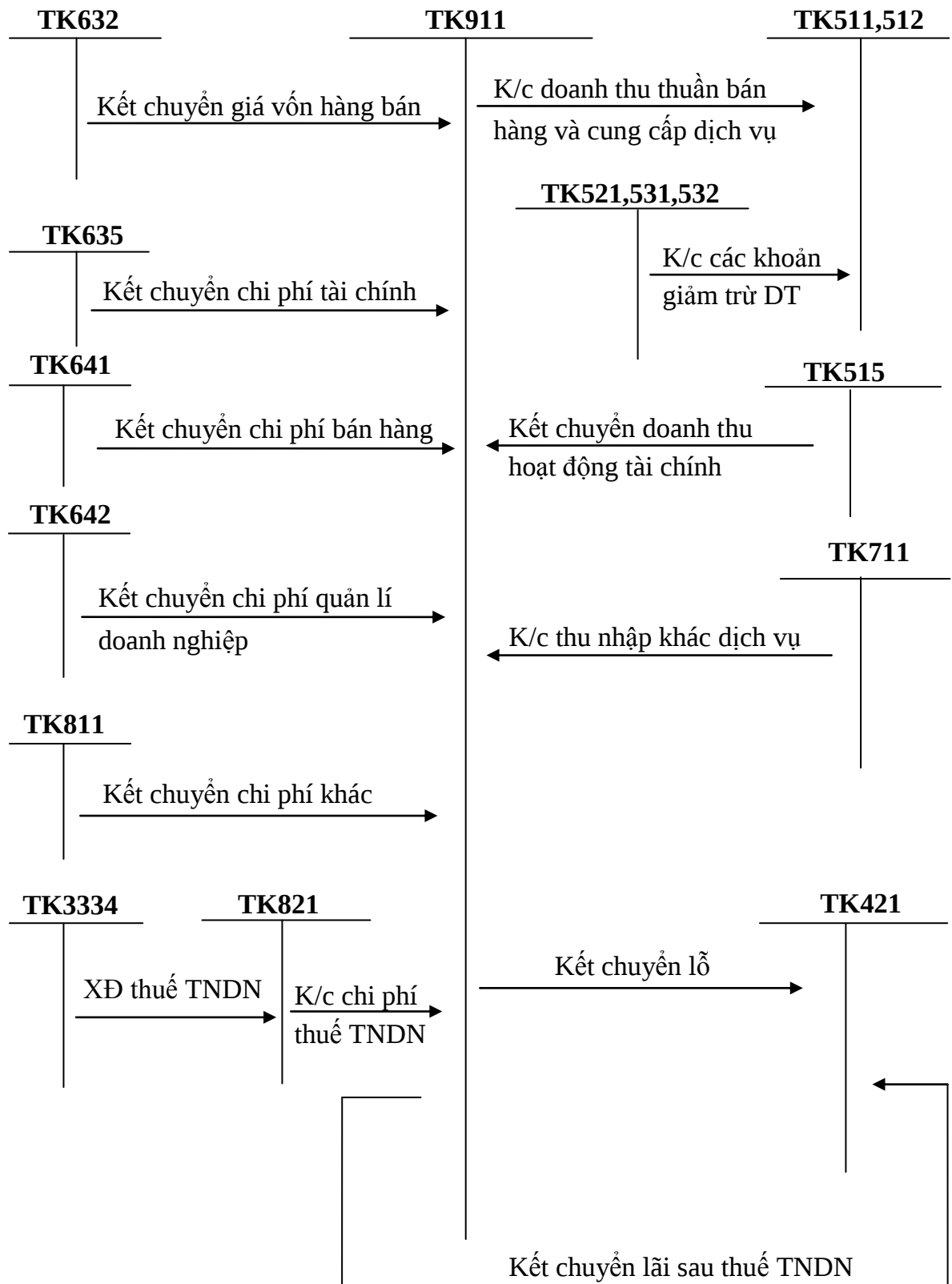
Tài khoản 911 không có số dư cuối kỳ



Phương pháp hạch toán

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Sơ đồ 1.19: Kế toán xác định kết quả kinh doanh



1.5. Tổ chức sổ sách kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

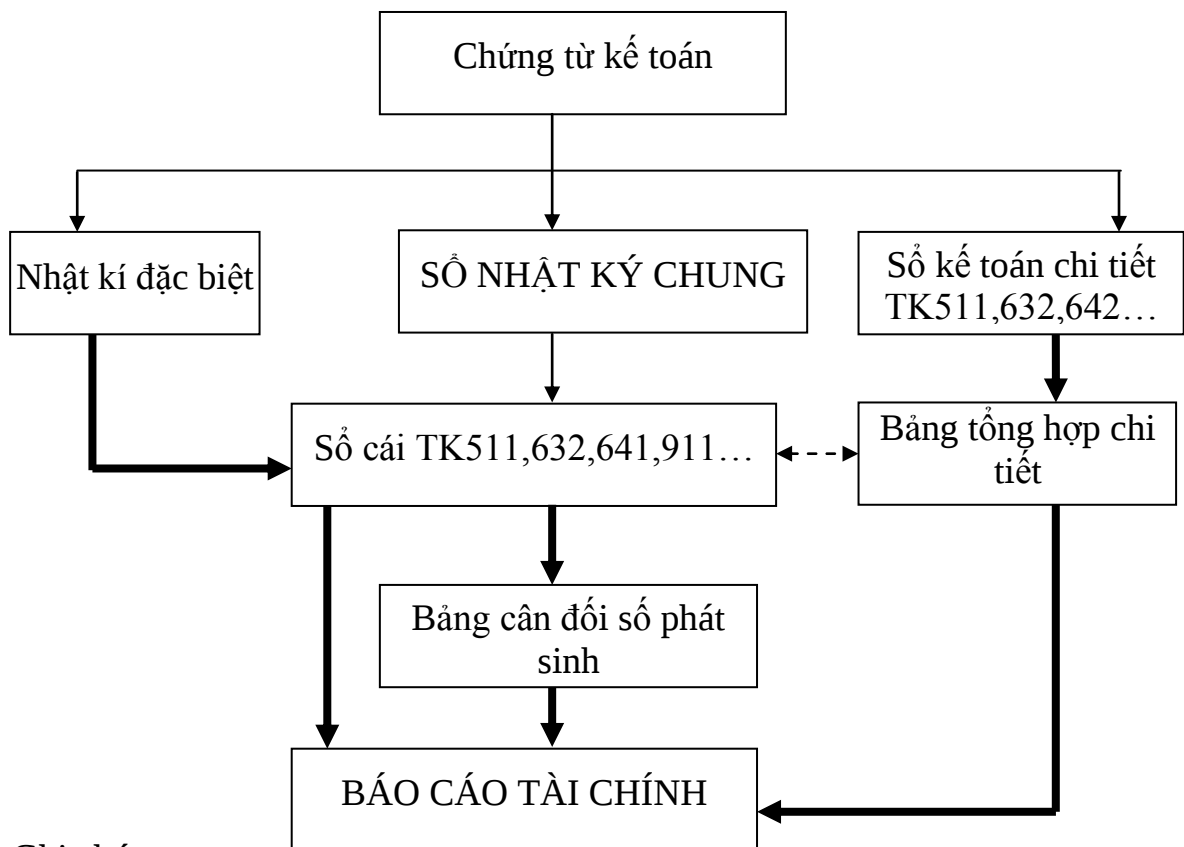
1.5.1. Hình thức Nhật ký chung

📌 **Đặc trưng cơ bản:** Tất cả các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh đều phải được ghi vào Sổ nhật ký, mà trọng tâm là sổ Nhật ký chung, theo trình tự thời gian phát sinh và theo nội dung kinh tế (định khoản kế toán) của nghiệp vụ đó. Sau đó lấy số liệu trên các sổ Nhật ký để ghi Sổ cái theo từng nghiệp vụ phát sinh.

📌 **Các loại sổ chủ yếu:**

- Sổ nhật ký chung, sổ nhật ký đặc biệt;
- Sổ cái;
- Các sổ, thẻ kế toán chi tiết;

Sơ đồ 1.20: Trình tự kế toán theo hình thức sau Nhật ký chung



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày
- Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ
- ←-----> Quan hệ đối chiếu, kiểm tra

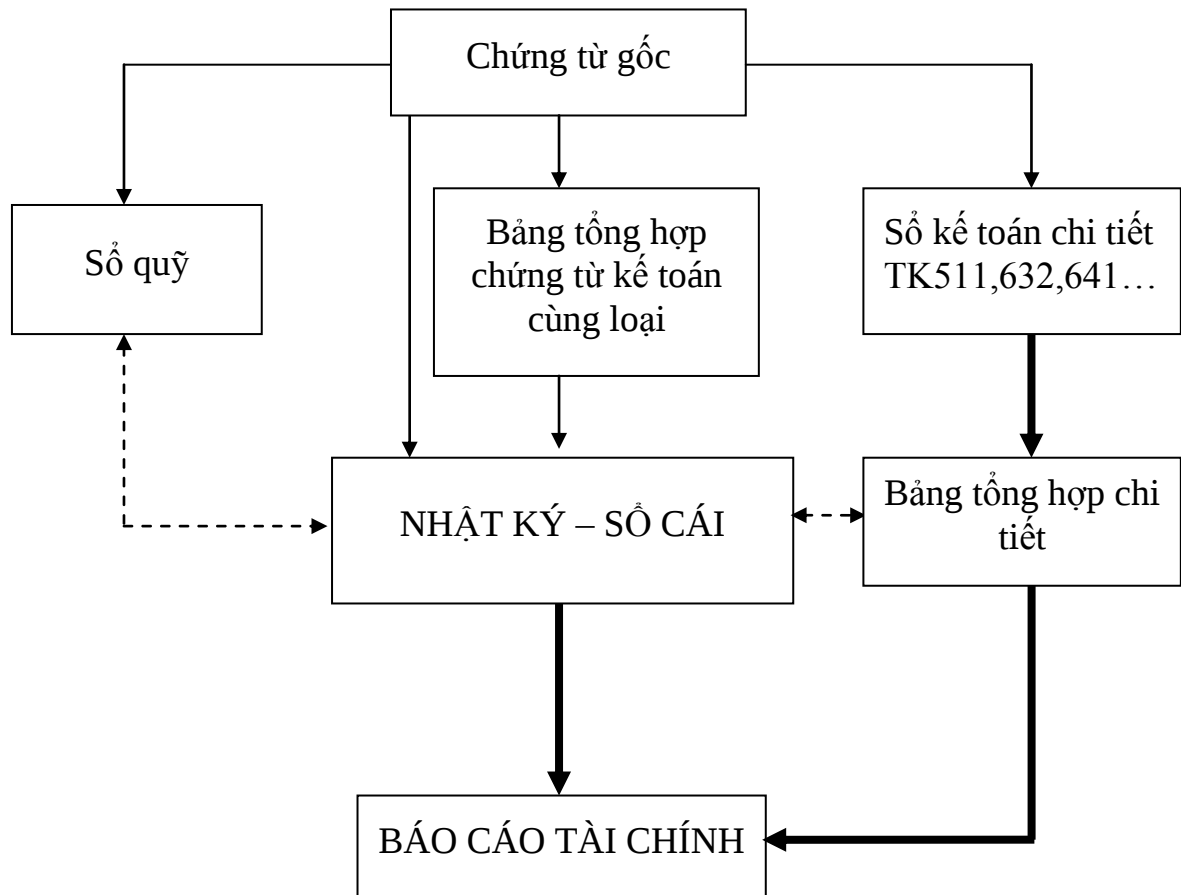
1.5.2. Hình thức Nhật ký – sổ cái

📌 **Đặc trưng cơ bản:** Các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh được kết hợp ghi chép theo trình tự thời gian và theo nội dung kinh tế (theo tài khoản kế toán) trên cùng một quyển sổ kế toán tổng hợp duy nhất là sổ Nhật ký – Sổ cái. Căn cứ để ghi vào sổ Nhật ký – Sổ cái là các chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại.

📌 **Các loại sổ chủ yếu:**

- Nhật ký – Sổ cái;
- Các sổ, thẻ kế toán chi tiết.

Sơ đồ 1.21: Trình tự kế toán theo Hình thức Nhật ký – Sổ cái



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày
- Ghi cuối tháng, hoặc định kì
- ← - - - - - → Quan hệ đối chiếu, kiểm tra

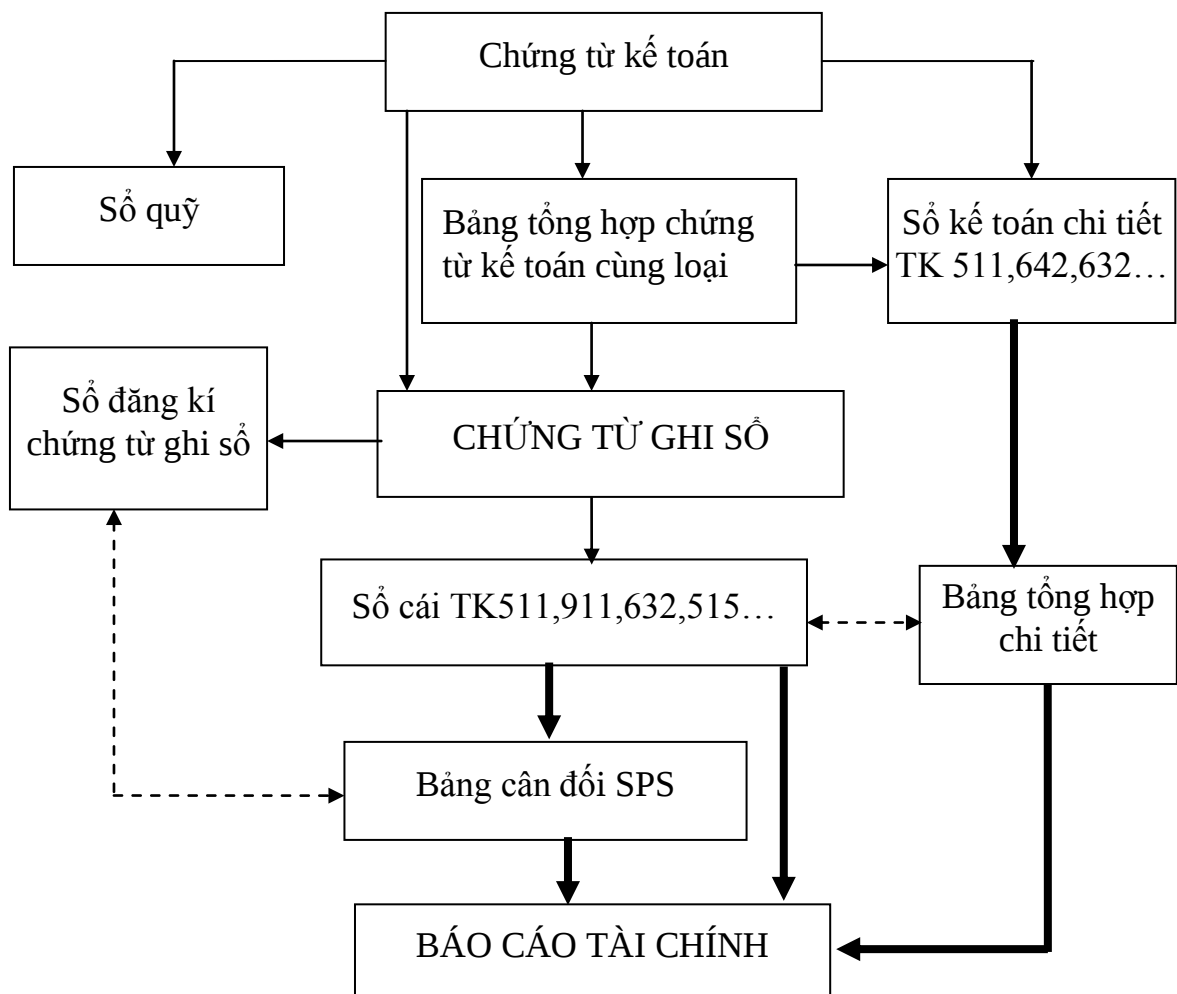
1.5.3. Hình thức Chứng từ ghi sổ

✚ **Đặc trưng cơ bản:** Căn cứ trực tiếp để ghi sổ kế toán tổng hợp là “Chứng từ ghi sổ”.

✚ **Các loại sổ chủ yếu:**

- Chứng từ ghi sổ;
- Sổ đăng chứng từ ghi sổ;
- Sổ cái;
- Các sổ kế toán chi tiết.

Sơ đồ 1.22: Trình tự kế toán theo Hình thức chứng từ ghi sổ



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày
- Ghi cuối tháng, hoặc định kì
- ←-----> Quan hệ đối chiếu, kiểm tra

1.5.4. Hình thức Nhật ký – chứng từ



Đặc trưng cơ bản:

- Tập hợp và hệ thống hóa các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo bên Có của tài khoản kết hợp với việc phân tích các nghiệp vụ kinh tế đó theo các tài khoản đối ứng Nợ.

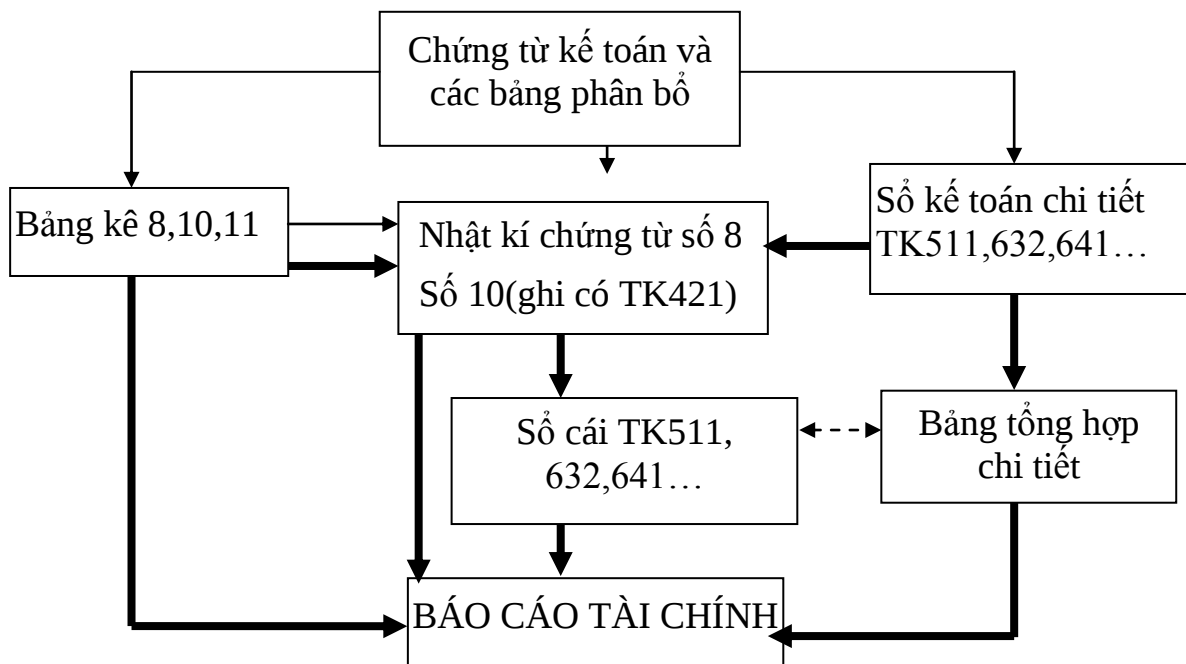
- Kết hợp chặt chẽ các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo trình tự thời gian với việc hệ thống hóa các nghiệp vụ theo nội dung kinh tế (theo tài khoản).



Các loại sổ chủ yếu:

- Nhật ký chứng từ;
- Bảng kê;
- Sổ cái;
- Sổ kế toán chi tiết.

Sơ đồ 1.23: Trình tự kế toán theo Hình thức Nhật ký – chứng từ



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày
- Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ
- ←-----> Quan hệ đối chiếu, kiểm tra

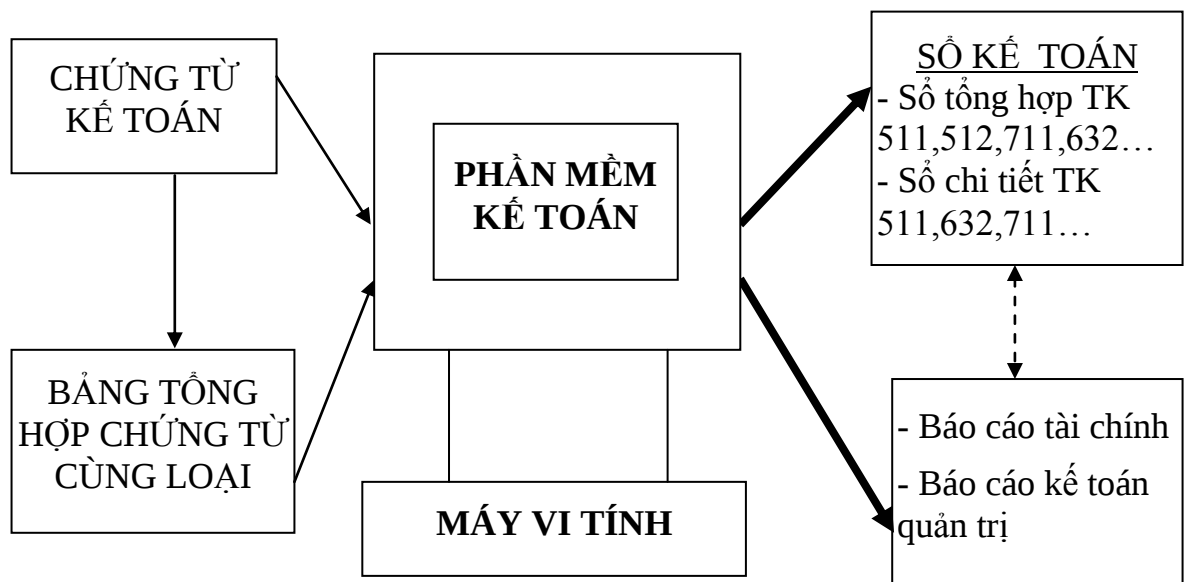
1.5.5. Hình thức Kế toán trên máy vi tính

🌈 **Đặc trưng cơ bản:** Phần mềm kế toán được thiết kế theo nguyên tắc của một trong bốn hình thức kế toán hoặc kết hợp các hình thức kế toán quy định trên đây.

🌈 Các loại sổ của hình thức kế toán trên máy vi tính:

Phần mềm kế toán được thiết kế theo Hình thức kế toán nào sẽ có các loại sổ của hình thức kế toán đó nhưng không hoàn toàn giống mẫu sổ kế toán ghi bằng tay.

Sơ đồ 1.24: Trình tự kế toán theo Hình thức kế toán trên máy vi tính



Ghi chú:

- Nhập số liệu hàng ngày
- In sổ, báo cáo cuối tháng, cuối năm
- ←-----> Quan hệ đối chiếu, kiểm tra

CHƯƠNG 2:

THỰC TRẠNG TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN HOÀNG ANH

2.1. Khái quát chung về công ty cổ phần vận tải biển Hoàng Anh

2.1.1. *Quá trình hình thành và phát triển của công ty*

+ Công ty cổ phần vận tải Hoàng Anh được thành lập theo giấy chứng nhận đăng kí kinh doanh số 0200861013 do Sở kế hoạch và đầu tư Hải Phòng cấp lần đầu ngày 20/09/2010

+ Trụ sở chính đặt tại : 41B - Hạ Đoạn II – Đông Hải – Hải An – Hải Phòng

+ Được thành lập và tổ chức theo mô hình công ty cổ phần, Công ty cổ phần Vận tải biển Hoàng Anh có bộ máy tổ chức gọn nhẹ, linh hoạt và hoạt động rất hiệu quả.

Là một công ty mới được thành lập từ năm 2009, khi thành lập công ty còn nhiều khó khăn về vốn, kinh nghiệm thị trường khai thác. Nhưng với những nỗ lực không ngừng và được sự ủng hộ giúp đỡ của các ban ngành địa phương, các đối tác và bạn bè trong lĩnh vực tài chính, tín dụng, đóng tàu , vận tải, Công ty cổ phần vận tải biển Hoàng Anh đã đạt được những kết quả đáng ghi nhận.

Hiện nay công ty đã tập trung khai thác 2 tàu Nasico Lion và Nasico Eagle tuyến nội địa chủ yếu Hải Phòng – Sài Gòn và tuyến quốc tế Đông Nam Á... mặt hàng chủ yếu là ngô, đất sét, quặng..., Doanh thu khai thác của tàu trên tuyến nội địa đạt từ 18-20 tỷ đồng/năm và sau khi khai thác tuyến quốc tế dự tính doanh thu đạt khoảng 2,5 triệu USD/năm. Công ty cũng đang làm đại lý vận tải với doanh thu đại lý 1 tỷ đồng/tháng. Công ty đang phấn đấu đưa trọng tải tàu của mình lên gấp 3 lần trong vòng 2 năm tới.

2.1.2. *Đặc điểm sản xuất kinh doanh của công ty*

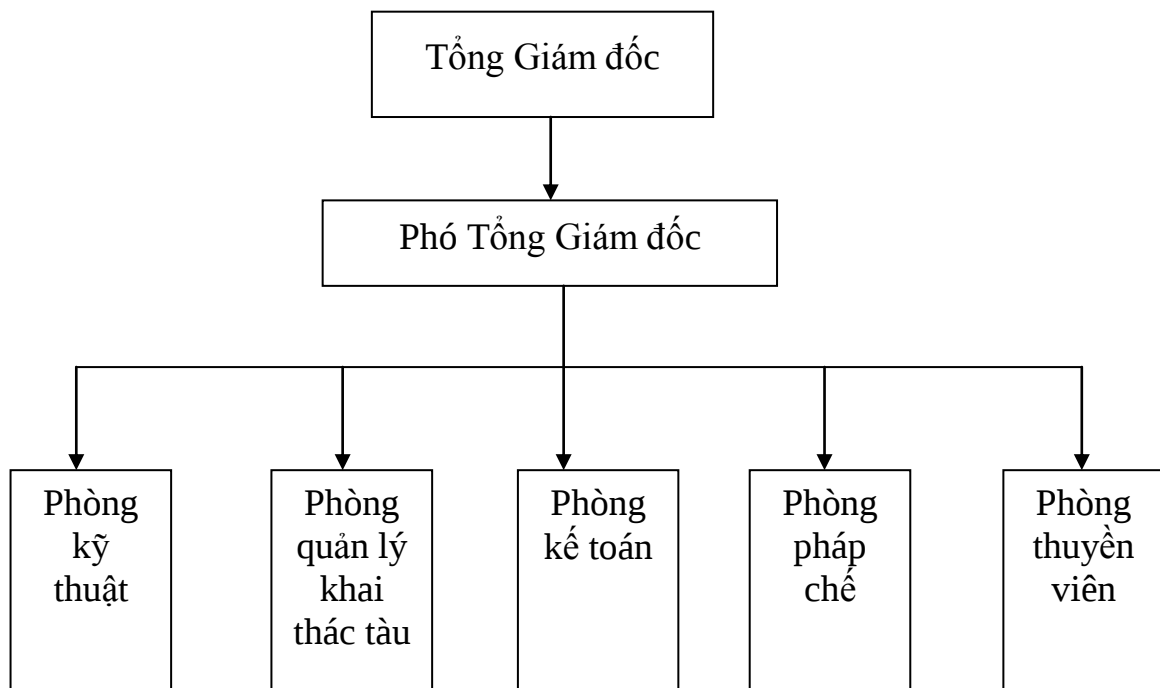
Công ty vận tải biển Hoàng Anh hoạt động với các ngành nghề kinh doanh sau:

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

- Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng đường biển trong nước và quốc tế
- Dịch vụ xuất nhập khẩu và giao nhận hàng hóa
- Đại lý vận tải thủy bộ trong nước và quốc tế
- Đại lý mua bán và ký gửi hàng hóa
- Dịch vụ cung ứng tàu biển, cung cấp nước ngọt cho tàu biển, và các dịch vụ liên quan đến tàu và thuyền viên
- Bồi dưỡng, huấn luyện và cung ứng thuyền viên
- Dịch vụ taxi

2.1.3. Đặc điểm cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý

Sơ đồ 2.1: Bộ máy quản lý của công ty



❖ Chức năng nhiệm vụ của từng bộ phận:

- **Tổng Giám đốc:** là người điều hành toàn bộ hoạt động của công ty theo luật doanh nghiệp Nhà nước và chịu mọi trách nhiệm về công ty trước Pháp luật.

- **Phó Tổng Giám đốc:** là người giúp Tổng giám đốc điều hành phần công việc mà Tổng giám đốc ủy quyền. Khi Tổng giám đốc đi vắng sẽ ủy quyền cho Phó tổng giám đốc thay mặt cho Tổng giám đốc điều hành công việc chung của công ty là giải quyết những việc được giao hoặc ủy quyền

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

phải báo cáo với Tổng giám đốc những công việc đã giải quyết khi Tổng giám đốc đi vắng trở về.

- **Phòng kỹ thuật:** Với chức năng trực tiếp quản lý và theo dõi vật tư hiện có ở trên tàu (số lượng, chủng loại đã cấp và sử dụng). Lên kế hoạch cung cấp vật tư khi tàu có order (số lượng, giá cả). Trực tiếp theo dõi hoạt động của các trang thiết bị máy móc trên tàu. Nếu có order sửa chữa của tàu hoặc tới kỳ bảo dưỡng thì phải có kế hoạch trước khi tàu về cảng (tìm thợ sửa chữa, theo dõi sửa chữa...). Kiểm tra giám sát các tàu đóng mới, kết hợp với phòng khai thác tính toán mức tiêu hao nhiên liệu dầu nhớt, theo dõi nhiên liệu dầu nhớt.

- **Phòng pháp chế:** Trực tiếp làm và gia hạn các chứng chỉ, sổ thuyền viên, hộ chiếu và các giấy tờ khác cho thuyền viên khi có yêu cầu. Xây dựng các quy chế cho tàu, xây dựng các tiêu chuẩn để tuyển dụng thuyền viên.

- **Phòng khai thác:** Quản lý và khai thác 2 tàu: Tàu Nasico Lion tải trọng 6.800 tấn, tàu Nasico Eagle trọng tải 6.800 tấn, phòng trực tiếp khai thác nguồn hàng cho các tàu, lên kế hoạch chuyển đi và các hướng dẫn khác cho tàu. Thường xuyên theo dõi các hoạt động của tàu và cập nhật các thông tin của tàu vào sổ theo dõi. Lên kế hoạch nhiên liệu dầu nhớt trước mỗi chuyến đi, theo dõi mức tiêu hao nhiên liệu hàng ngày và hàng tuần. Làm thông báo các vụ, điều độ cảng và chủ hàng đồng thời theo dõi thời hạn, các giấy chứng nhận của tàu.

- **Phòng kế toán:** tổ chức thực hiện công tác kế toán thống kê để phản ánh kịp thời và chính xác các diễn biến về kinh tế của công ty. Tổ chức hạch toán và giám sát việc thực hiện các chế độ kế toán thống kê do nhà nước quy định tại công ty, chịu trách nhiệm trước giám đốc và Nhà nước về các hoạt động của mình theo pháp lệnh của Nhà nước.

Tổ chức hệ thống ghi chép để thu thập các thông tin kinh tế chính xác ngay từ ban đầu để trên cơ sở đó phản ánh từng hoạt động của công ty, thanh toán quyết toán hàng tháng cho cán bộ công nhân viên, tổ chức luân chuyển kiểm tra chứng từ và thống kê, cập nhật số liệu hàng ngày để đảm bảo có số liệu kịp thời và chính xác về vật tư, tiền vốn, sử dụng vốn phục vụ cho thuyền

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

viên và công tác thanh toán quyết toán theo quý, năm đảm bảo thời gian và đạt hiệu quả trong công việc sử dụng vốn.

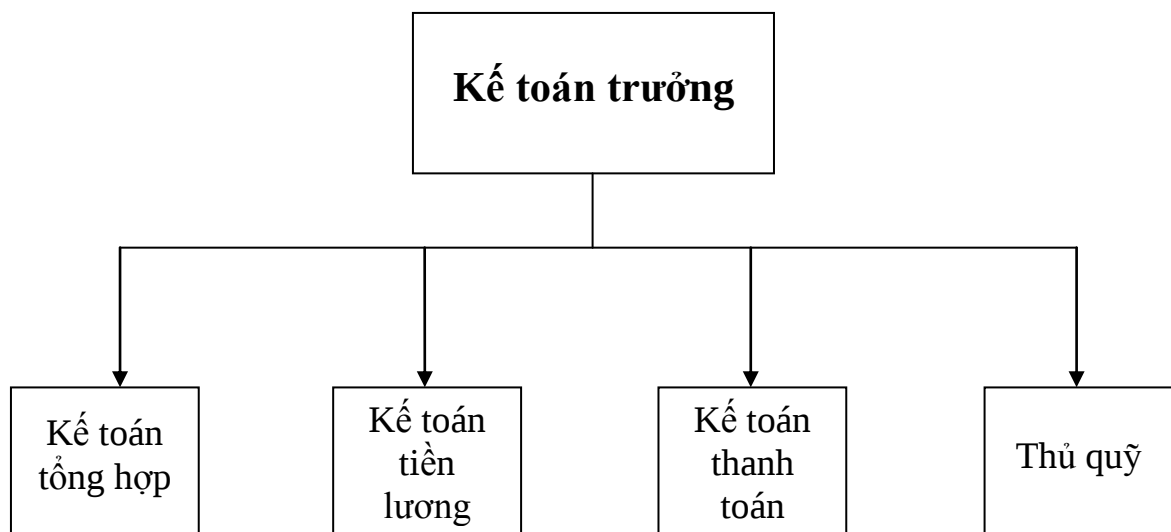
- **Phòng thuyền viên:** có trách nhiệm trực tiếp nhận, quản lý hồ sơ của thuyền viên và lái xe. Thiết lập các hợp đồng lao động, quyết định điều động cho thuyền viên và lái xe. Trực tiếp theo dõi và quản lý các chứng chỉ, bằng cấp, hợp đồng và các giấy tờ có liên quan khác.

2.1.4. Đặc điểm tổ chức công tác kế toán

2.1.4.1. Đặc điểm tổ chức bộ máy kế toán

Bộ máy kế toán được tổ chức theo mô hình tập trung. Theo hình thức này công ty chỉ có một phòng kế toán duy nhất để tập trung thực hiện toàn bộ công tác kế toán của doanh nghiệp. Hình thức kế toán tập trung có ưu điểm là phù hợp với những doanh nghiệp có quy mô vừa và nhỏ hoạt động trên địa bàn tập trung để đảm bảo luân chuyển chứng từ kịp thời.

Sơ đồ 2.2: Sơ đồ tổ chức bộ máy kế toán của công ty



- **Kế toán trưởng:** Theo dõi báo cáo khoản thuê tài chính của tàu, các khoản chi trả gốc và lãi vay ngân hàng, hạch toán lãi (lỗ) kinh doanh thực tế từng tháng báo cáo giám đốc, lưu trữ các giấy tờ, hồ sơ vay ngân hàng, thuê tài chính, bao quát tổng hợp tất cả các công việc của phòng.

- **Kế toán tổng hợp:** có nhiệm vụ theo dõi TSCĐ, tập hợp chi phí và lập báo cáo tài chính cuối kỳ.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

- **Kế toán tiền lương:** có nhiệm vụ theo dõi việc trả lương đối với cán bộ, thanh toán lương cho cán bộ công nhân viên và các khoản trích BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ.

- **Kế toán thanh toán:** có nhiệm vụ theo dõi các khoản doanh thu, chi phí liên quan đến công tác cung cấp dịch vụ, thanh toán với khách hàng về công nợ, thanh toán các khoản tạm ứng, phải thu, phải trả và theo dõi việc thanh toán với Ngân sách Nhà nước.

- **Thủ quỹ:** Là người quản lý số tiền mặt, rút tiền gửi ngân hàng về nhập quỹ

2.1.4.2. Đặc điểm tổ chức hệ thống sổ sách kế toán

- Niên độ kế toán ở công ty là một năm, bắt đầu từ ngày 01/01 kết thúc vào ngày 31/12

- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Việt Nam đồng

- Chế độ kế toán áp dụng: Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo quyết định 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC.

- Phương pháp khấu hao TSCĐ: TSCĐ được khấu hao theo phương pháp đường thẳng .

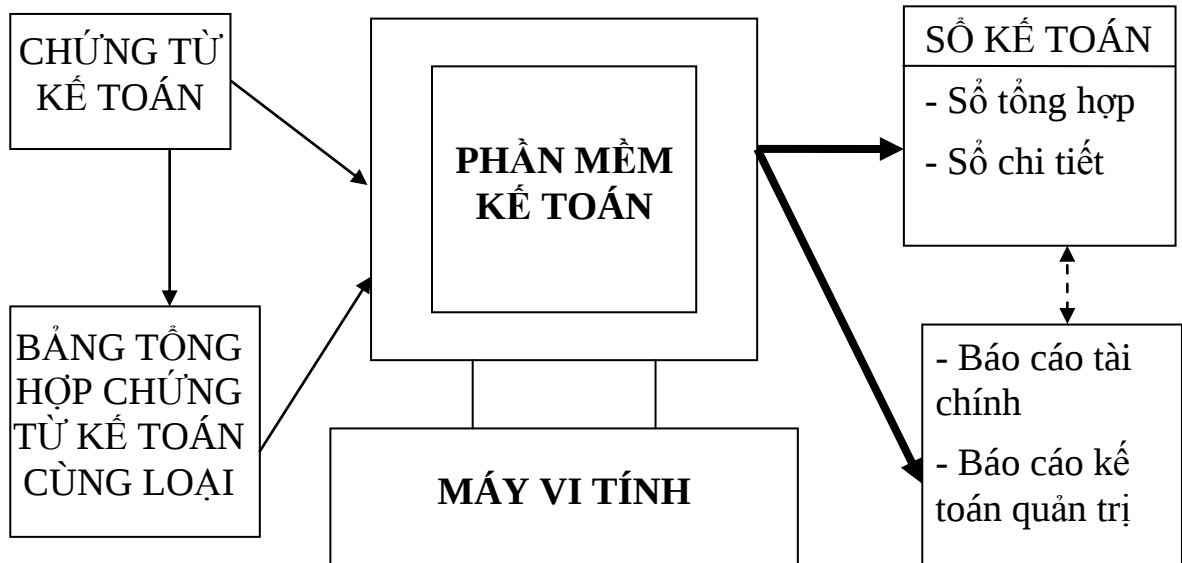
- Đối với hàng tồn kho: công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho. Giá vốn hàng xuất kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ dự trữ.

- Công ty thuộc đối tượng nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ.

- Căn cứ vào đặc điểm tổ chức kinh doanh, trình độ và khả năng của đội ngũ kế toán, công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính. Hiện nay, công ty sử dụng phần mềm CYBER ACCOUNTING 10.S do công ty cổ phần phần mềm quản lý doanh nghiệp CYBERSOFT cung cấp. Phần mềm kế toán được thiết kế theo nguyên tắc của hình thức kế toán Nhật ký chung.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Sơ đồ 2.3: Sơ đồ hạch toán kế toán trên máy vi tính



Ghi chú:

- In sổ, báo cáo cuối tháng, cuối quý, cuối năm
- Nhập số liệu hàng ngày
- ↔** Đối chiếu, kiểm tra

Hàng ngày, kế toán căn cứ vào chứng từ kế toán hoặc bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại đã được kiểm tra, được dùng làm căn cứ ghi sổ, xác định tài khoản ghi Nợ, tài khoản ghi Có để nhập số liệu vào máy vi tính theo các bảng, biểu được thiết kế sẵn trên phần mềm kế toán. Theo quy trình của phần mềm kế toán, các thông tin được tự động nhập vào sổ nhật ký chung, sổ cái, các sổ và thẻ kế toán chi tiết liên quan.

Cuối tháng (hoặc bất kỳ vào thời điểm cần thiết nào), kế toán thực hiện các thao tác khóa sổ và lập báo cáo tài chính. Việc đối chiếu giữa số liệu tổng hợp với số liệu chi tiết được thực hiện tự động và luôn đảm bảo chính xác, trung thực theo thông tin đã được nhập trong kỳ. Người làm kế toán có thể kiểm tra, đối chiếu số liệu giữa sổ kế toán với báo cáo tài chính sau khi đã in ra giấy.

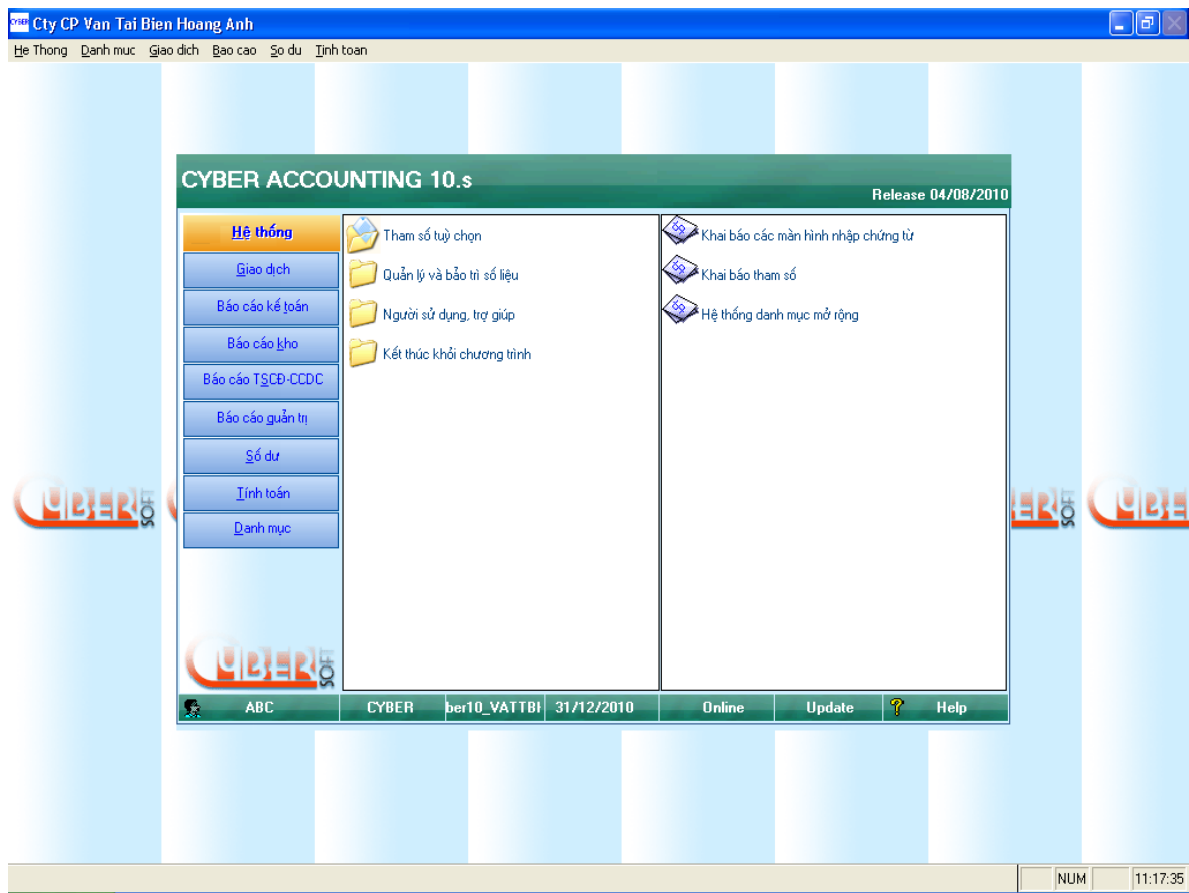
Thực hiện các thao tác để in báo cáo tài chính theo quy định.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Cuối tháng, cuối năm sổ kế toán tổng hợp và sổ kế toán chi tiết được in ra giấy, đóng thành quyển và thực hiện các thủ tục pháp lý theo quy định về sổ kế toán ghi bằng tay.

Từ màn hình nền Window, kích đúp chuột vào biểu tượng của phần mềm kế toán **Cyber Accounting**, nhập tên và mật khẩu của người sử dụng, giao diện màn hình sẽ hiện ra như sau:

Màn hình giao diện chính của phần mềm kế toán Cyber Accounting 10.s



2.2. Thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần vận tải biển Hoàng Anh

2.2.1. Thực trạng tổ chức kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, giá vốn bán hàng tại công ty

2.2.1.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

❖ Chứng sử dụng:

- Hợp đồng kinh tế
- Hóa đơn giá trị gia tăng
- Các chứng từ thanh toán: phiếu thu, giấy báo có
- Các chứng từ liên quan khác

❖ Tài khoản sử dụng:

➤ TK 511 “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ”

✓ Các tài khoản cấp 2, cấp 3

- TK 5113 Doanh thu cung cấp dịch vụ
 - + TK 51131 Doanh thu cung cấp dịch vụ (cước v/c tàu công ty)
 - + TK 51132 Doanh thu cung cấp dịch vụ (dịch vụ vận chuyển)
 - + TK 51133 Doanh thu cung cấp dịch vụ (cước taxi)
- TK 5118 Doanh thu khác

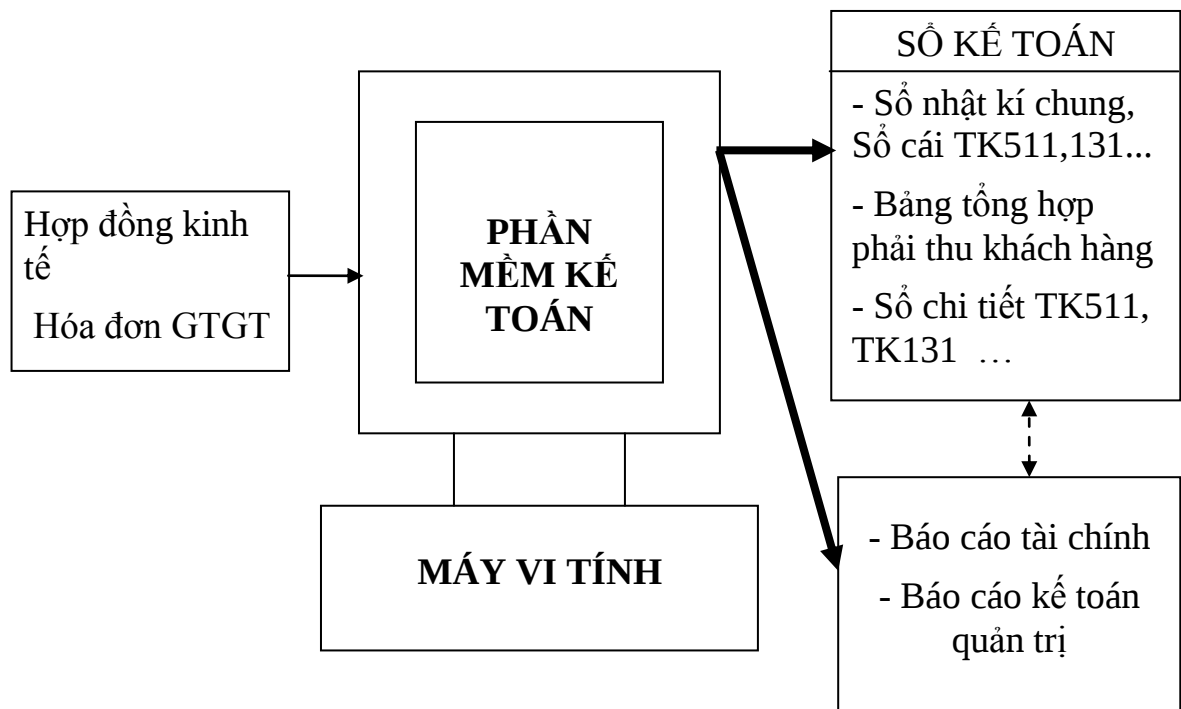
❖ Hình thức thanh toán

- Tiền mặt
- Chuyển khoản

❖ Quy trình hạch toán

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Sơ đồ 2.4: Quy trình hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tại công ty cổ phần vận tải biển Hoàng Anh



Ghi chú:

- >** In sổ, báo cáo cuối tháng, cuối quý, cuối năm
- >** Nhập số liệu hàng ngày
- ←----->** Đối chiếu, kiểm tra

❖ Ví dụ minh họa

Ngày 26/12/2012 , công ty cung cấp dịch vụ vận chuyên gạo bao từ HCM- Malaysia voy 8 tàu Star ký ngày 26/11/2012 với công ty TNHH Mạng Hoàn Cầu, số tiền 1.619.772.000 đồng, khách hàng chưa thanh toán .

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 1 : Hóa đơn giá trị gia tăng

	HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (Liên 3: Nội bộ) Ngày 26 tháng 12 năm 2012.	Mẫu số: 01GTKT3/001 Ký hiệu: AA/11P Số: 0000040			
Đơn vị bán hàng: CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN HOÀNG ANH Mã số thuế: 0200861013 Địa chỉ: 41B, Hạ Đoạn II, Đông Hải II, Hải An, Hải Phòng Điện thoại: 031.3686694 Số tài khoản: 12610000223344 - NH Đầu Tư Và Phát Triển - CN Ba Đình Hà Nội					
Họ tên người mua hàng: Tên đơn vị: Công ty TNHH Mạng Hoàn Cầu Mã số thuế: 0305314441 Địa chỉ: Lầu 4 số 425 Võ Văn Tần – P5 – Q3 – TP. HCM Hình thức thanh toán: CK Số tài khoản:					
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6
	Cước vận chuyển gạo bao từ	MT	3.756,1	20,5\$	77.000\$
	HCM- Malaysia voy 8 tàu Star				
	(tỷ giá 21.036 VND/USD)				
Cộng tiền hàng:					1.619.772.000
Thuế suất GTGT: 0%		Tiền thuế giá trị gia tăng:			0
Tổng cộng tiền thanh toán:					1.619.772.000
Số tiền viết bằng chữ: Một tỷ, sáu trăm mười chín triệu, bảy trăm bảy mươi hai nghìn đồng chẵn.					
Người mua hàng (Kí, ghi rõ họ tên)		Người bán hàng (Kí, ghi rõ họ tên)		Thủ trưởng đơn vị (Kí, đóng dấu ghi rõ họ tên)	
(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)					

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Căn cứ vào hóa đơn GTGT số 0000040, kế toán nhập số liệu vào máy tính theo trình tự sau:

- Từ màn hình nền của Window, kích đúp chuột vào biểu tượng của phần mềm CYBER ACCOUNTING, kế toán nhập tên và mật khẩu của mình để vào phần mềm. Chọn phân hệ *Giao dịch* → *Kế toán bán hàng* → Chọn *Hóa đơn dịch vụ* → Chọn “mới” để nhập số liệu từ hóa đơn giá trị gia tăng.

Màn hình giao diện hóa đơn dịch vụ

Hoa đơn dịch vụ

Khách hàng	KH0249	Công ty TNHH Mạng Hoàn Cầu	Ngày hoá	26/12/2012	
Địa chỉ	Lầu 4 Số 425 Võ Văn Tần - P5 - Q3		Ngày lập	26/12/2012	
Ng. mua hàng			Số hoá đơn	40	
Chi nợ	131	Bộ phận	Số seri	AA/11P	
Diễn giải	Cước vlc gao bao từ HCM – Malaysia voy 8 tàu Star			Ngoại tệ	USD 21.036,00
Nhóm hàng					

Tk có	Tên tài khoản	Tiền USD	Mã thuế	Thuế suất	Thuế USD	c. th
51131	Doanh thu cung cấp dịch vụ (Cước vlc)	77.000,00	00	0,00	0,000	

Tiền hàng: 77.000,00 | Tiền thuế: 1.619.772,00 | Sửa HT thuế: ☐
Tiền ck: 0 | Sửa tiền thuế: ☐
Tiền ck: 0 | Nhập tiền ck: ☐
Tổng TT: 77.000,00 | Hạn TT: 0
Hạch toán sổ cái

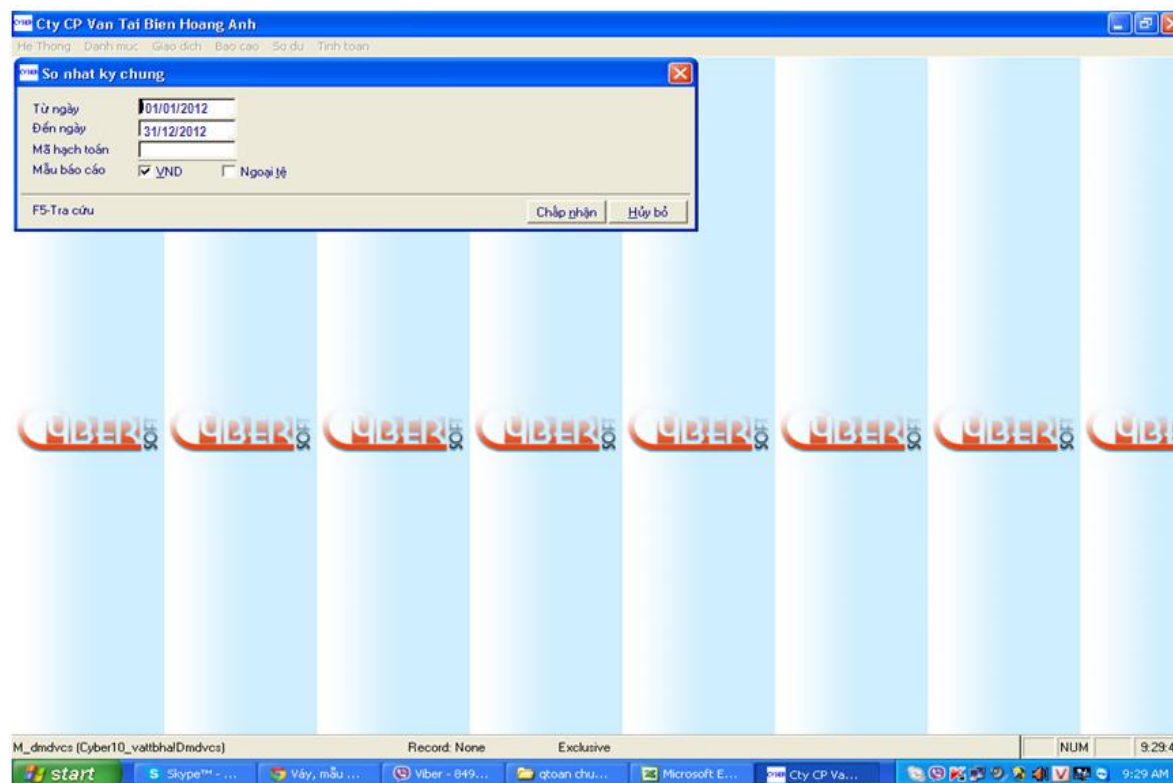
- Số liệu được cập nhật sẽ tự động chuyển vào sổ sách cơ liên quan: Sổ nhật ký chung, sổ cái TK511, Sổ chi tiết TK51131...

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Đề in Sổ nhật ký chung, chọn phân hệ *Báo cáo kế toán* → *Báo cáo kế toán - nhật ký chung* → *Sổ nhật ký chung*.



Tại mục “*từ ngày, đến ngày*” từ ngày 01/01/2012 đến ngày 31/12/2012, chọn “*chấp nhận*” để xem, F7 để in, ESC để thoát ra.



KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 2: Sổ nhật ký chung

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN
HOÀNG ANH

Mẫu số S03a - DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2012

Đơn vị tính: đồng

Chứng từ		Diễn giải	Tài khoản	Số phát sinh	
Ngày	Số			Nợ	Có
...	...				
14/12	PC48. 12/12	Chi trả tiền văn phòng phẩm các loại			
		Phải trả người bán	331	3.533.000	
		Tiền mặt Việt Nam	1111		3.533.000
14/12	PC49. 12/12	Chi trả tiền cấp nước ngọt cho tàu VL 06			
		Phải trả người bán	331	5.200.000	
		Tiền mặt Việt Nam	1111		5.200.000
...	...				
26/12	HD40	Cước v/c gạo bao HCM-Malaysia voy 8 tàu Star			
		Phải thu khách hàng	131	1.619.772.000	
		Doanh thu cung cấp dịch vụ	51131		1.619.772.000
...	...				
30/12	PC123 .12/12	Nộp tiền vào TK			
		Tiền Việt Nam (Ngân hàng TMCP Quân Đội CN Bắc Hải)	11212	35.000.000	
		Tiền mặt Việt Nam	1111		35.000.000
30/12	PC124 .12/12	Chi trả tiền mua máy in cho phòng kỹ thuật			
		Phải trả cho người bán (Công ty TNHH TM Tất Đạt)	331	2.870.000	
		Tiền mặt Việt Nam	1111		2.870.000
...	...				
		Tổng cộng SPS		1.239.026.023.628	1.239.026.023.628

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

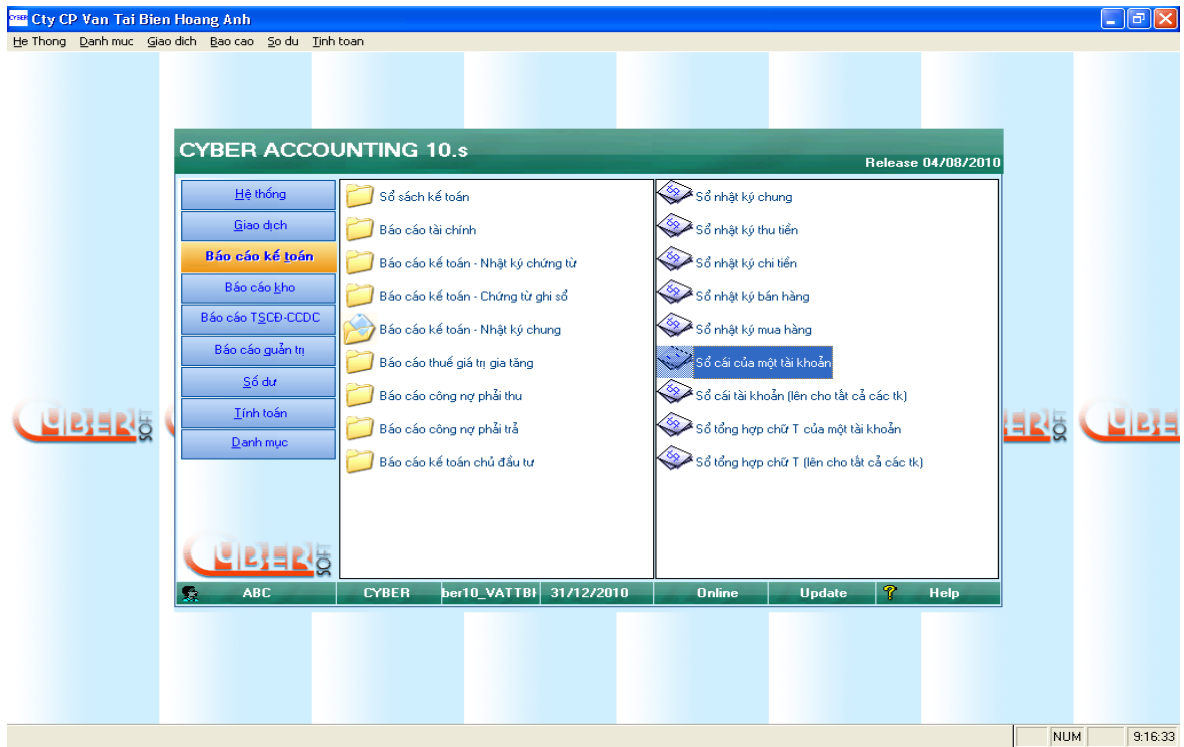
Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

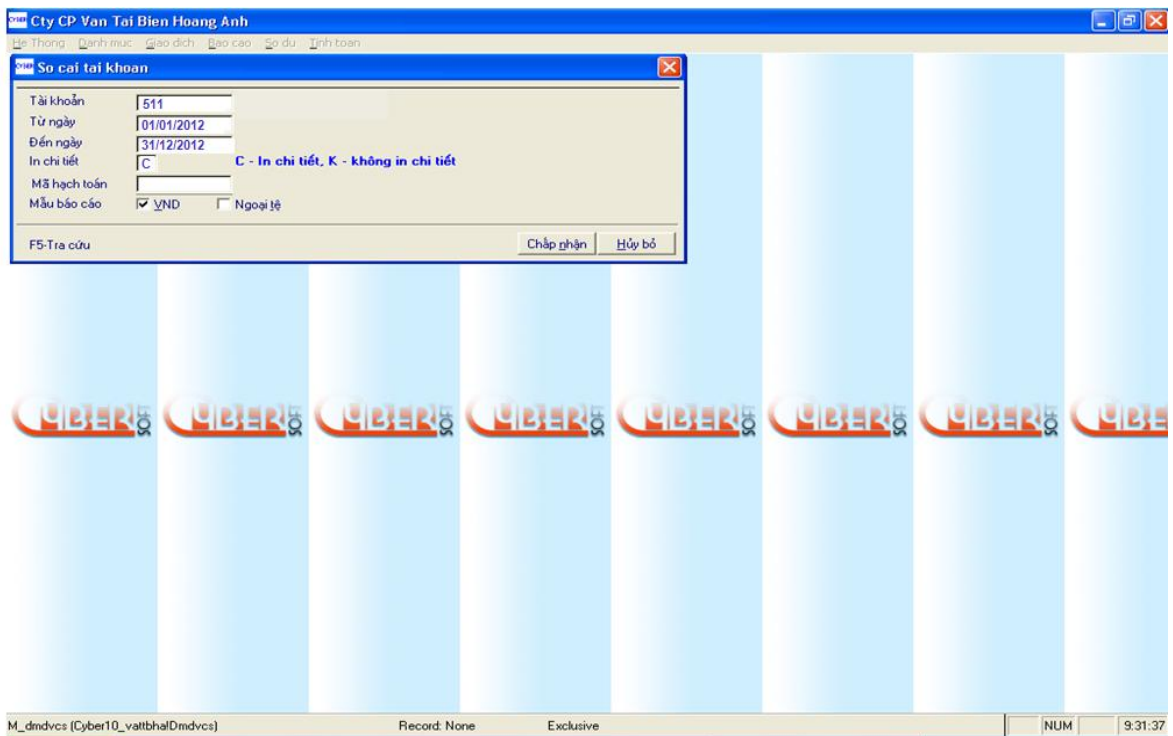
Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

❖ Để in sổ cái TK 511, kế toán chọn phân hệ *Báo cáo kế toán* → *Báo cáo kế toán - nhật ký chung* → *Sổ cái tài khoản*



Tại mục “*tài khoản*” chọn TK511, “*từ ngày, đến ngày*” chọn từ ngày 01/01/2012 đến ngày 31/12/2012, chọn “*chấp nhận*” để xem, F7 để in, ESC để quay ra.



KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 3: Sổ cái TK 511

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN
HOÀNG ANH

Mẫu số S03b- DN

*(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)*

SỔ CÁI TÀI KHOẢN

Tài khoản 511 – Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ
Năm 2012

Đơn vị tính: đồng

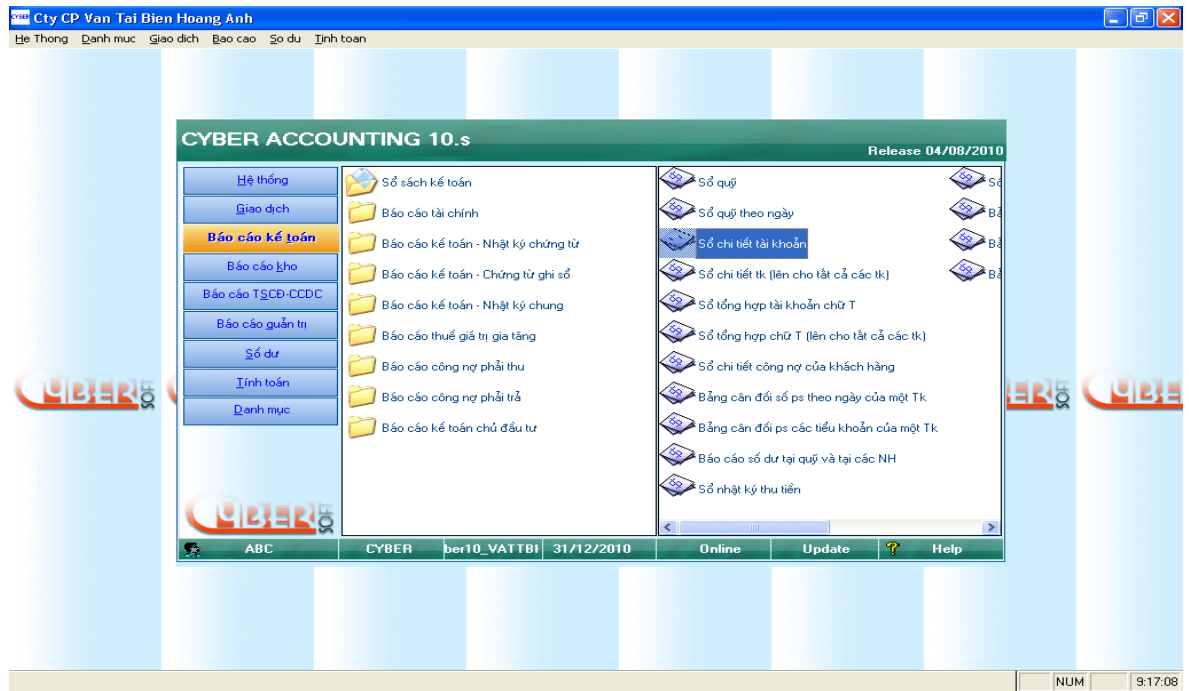
Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số phát sinh	
Ngày	Số			Nợ	Có
		Số dư đầu kỳ		-	-
....					
26/12	HD 40	Cước v/c gạo bao từ HCM - Malaysia voy 8 tàu Star	131		1.619.772.000
28/12	HD 41	Cước vận chuyển taxi	131		3.590.909
30/12	HD 43	Cước vận chuyển taxi	131		361.818
30/12	HD 44	Cước v/c gạo bao từ VN – Indonesia voy 15 tàu Eagle	131		4.235.817.600
30/12	HD 45	Cước vận chuyển taxi	131		1.072.727
30/12	HD 48	Cước vận chuyển taxi	131		9.659.090
31/12	PKT	K/c từ TK511 sang TK911	911	86.145.818.907	
31/12	PKT	K/c từ TK511 sang TK911	911	15.167.479.894	
31/12	PKT	K/c từ TK511 sang TK911	911	10.886.867.543	
31/12	PKT	K/c từ TK511 sang TK911	911	864.604.931	
		Tổng số phát sinh		113.064.771.275	113.064.771.275
		Số dư cuối kỳ		-	-

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

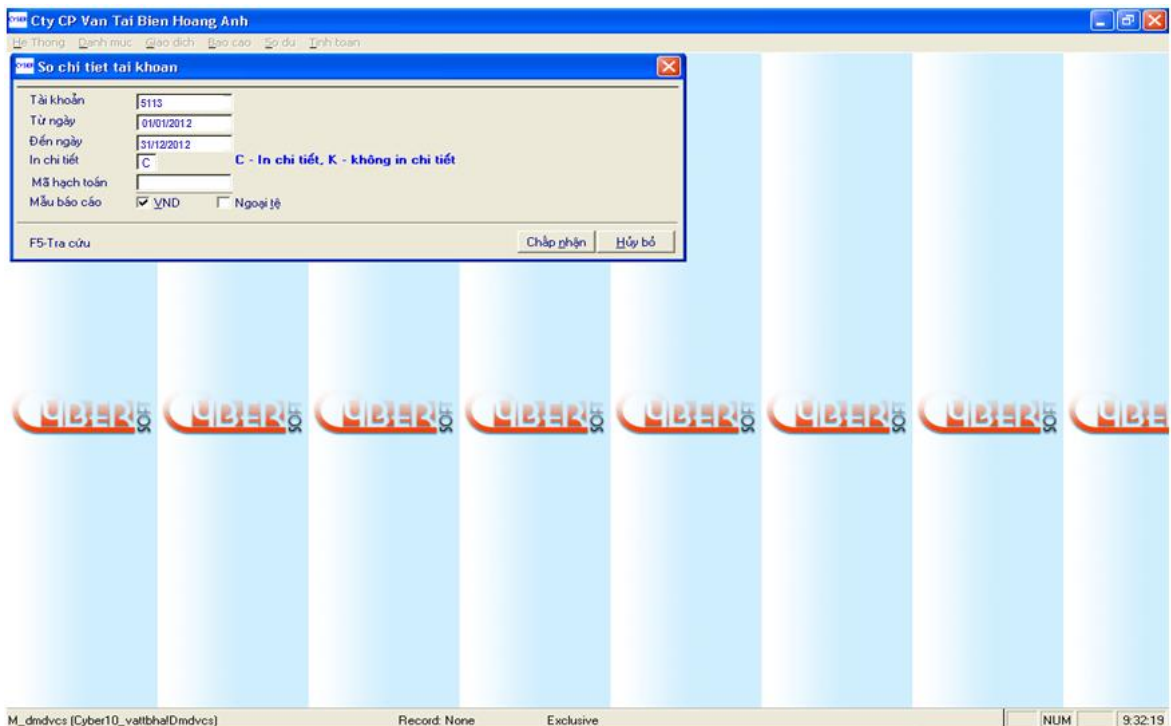
Ngày 31 tháng 12 năm 2012
Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

- ❖ Để in ra sổ chi tiết TK 511, Kế toán chọn *Báo cáo kế toán* → *Sổ sách kế toán* → *Sổ chi tiết tài khoản*



Tại mục “*tài khoản*” chọn TK5113, “*từ ngày, đến ngày*” chọn từ ngày 01/01/2012 đến ngày 31/12/2012 , chọn “*chấp nhận*” để xem, F7 để in, ESC để quay ra.



KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 4: Sổ chi tiết TK 5113

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN
HOÀNG ANH**

Mẫu số S038 - DN

*(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)*

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

Tài khoản 5113 – Doanh thu cung cấp dịch vụ
Năm 2012

Đơn vị tính: đồng

Số dư đầu kỳ: 0

Chứng từ		Khách hàng	Diễn giải	TK đối ứng	Số phát sinh	
Ngày	Số				Nợ	Có
....						
26/12	HD 40	Công ty TNHH Mạng Hoàn Cầu – KH0249	Cước v/c gạo bao từ HCM-Malaysia voy 8 tàu Star	131		1.619.772.000
28/12	HD 41	Công ty TNHH ĐT TM & DV Bảo Thắng – KH0312	Cước vc taxi	131		3.590.909
30/12	HD 43	CN Công ty TNHH Makita VN tại MB – KH0314	Cước vc taxi	131		361.818
....						
31/12	PKT		K/c từ TK511 sang TK911	911	86.145.818.907	
31/12	PKT		K/c từ TK511 sang TK911	911	15.167.479.894	
31/12	PKT		K/c từ TK511 sang TK911	911	10.886.867.543	
			Tổng số phát sinh		112.200.166.344	112.200.166.344

Số dư cuối kỳ: 0

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

2.2.1.2. Kế toán giá vốn bán hàng

❖ *Tài khoản sử dụng:*

➤ TK632 “Giá vốn bán hàng”

➤ TK154 “Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang”

Chi phí sản xuất kinh doanh – TK 154 bao gồm:

- TK 15401: Chi phí tại cảng xếp
- TK 15402: Chi phí tại cảng dỡ
- TK 15403: Chi phí hoa hồng môi giới
- TK 15404: Lương và phụ cấp theo lương
- TK 15407: Chi phí tiêu hao dầu
- TK 15408: Chi phí bảo hiểm
- TK 15411: Chi phí thuê tàu định hạn
- TK 15412: Chi phí cước vận chuyển hàng
- TK 15413: Chi phí tại cảng cấp dầu
- TK 15414: Chi phí khác phát sinh
- TK 15415: Lương taxi
- TK 15416: Tiêu hao dầu phục vụ taxi
- TK 15417: Chi phí thuê kho bãi taxi
- TK 15418: Chi phí khấu hao xe phục vụ taxi
- TK 15419: Chi phí đồ dùng phục vụ taxi
- TK 15420: Chi phí mua ngoài phục vụ taxi
- TK 15421: Chi phí khác phục vụ taxi
- TK 15423: Chi phí vật tư phục vụ taxi
- TK 15425: Chi phí sửa chữa nhỏ tàu

❖ *Chứng từ sử dụng:*

- Phiếu kế toán

❖ *Phương pháp tính giá vốn:*

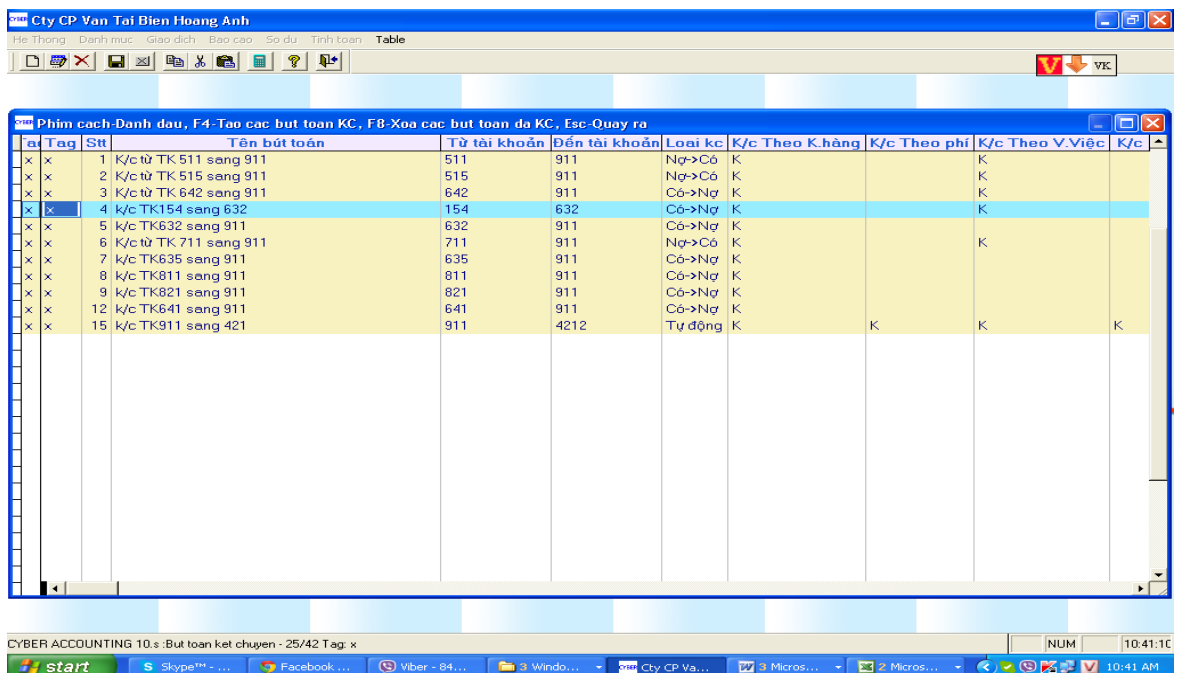
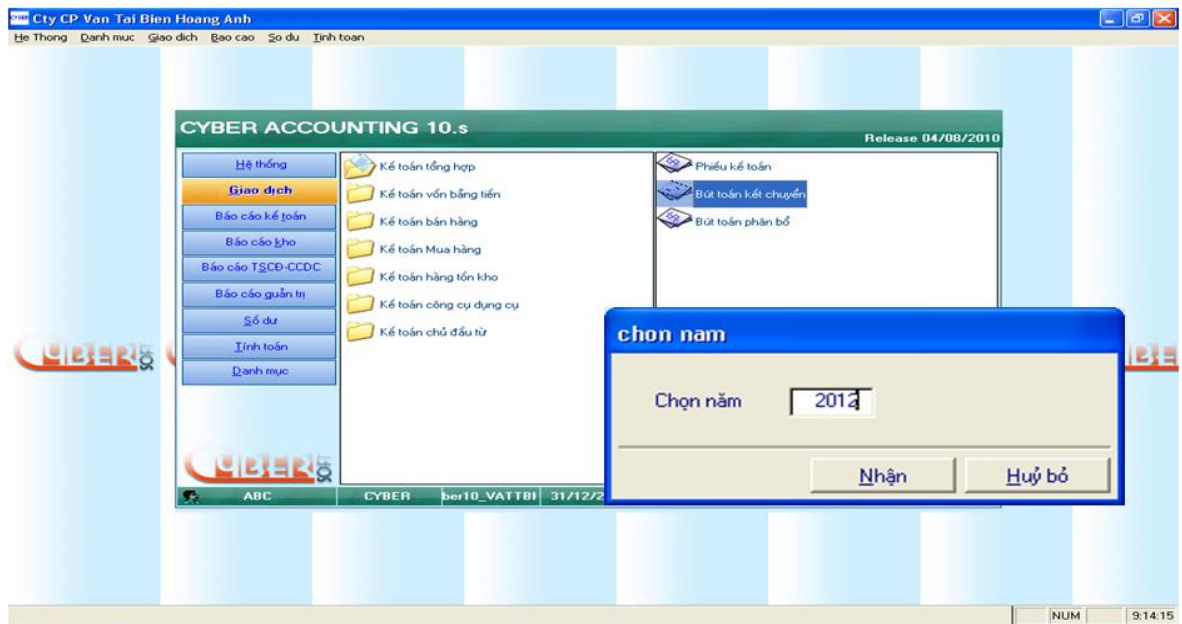
Cuối kỳ, kế toán thực hiện bút toán kết chuyển tự động để kết chuyển chi phí sản xuất kinh doanh dở dang – TK 154 sang TK 632 để xác định giá vốn trong kỳ.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

❖ Ví dụ minh họa:

Vào ngày 31/12/2012 kế toán thực hiện bút toán kết chuyển tự động để kết chuyển tài khoản 154 sang 632 để xác định giá vốn trong kỳ.

Kế toán vào phân hệ *Giao dịch* → *Kế toán tổng hợp* → *Bút toán kết chuyển* → Chọn năm “2012” → Chọn “*Nhận*” → Kế toán nhấn phím cách để đánh dấu các bút toán kết chuyển cần thiết → nhấn “F4” để thực hiện bút toán kết chuyển. Khi đó màn hình giao diện như sau:



Số liệu sẽ tự động chuyển vào sổ sách có liên quan: Sổ nhật ký chung; Sổ cái TK632, TK154

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 5: Sổ nhật ký chung

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN
HOÀNG ANH**

Mẫu số S03a - DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2012

Đơn vị tính: đồng

Chứng từ		Diễn giải	Tài khoản	Số phát sinh	
Ngày	Số			Nợ	Có
...	...				
06/12	PKT 252	Phí đại lý tại cảng cấp dầu tàu Eagle			
		Chi phí tại cảng cấp dầu	15413	106.727.495	
		Phải trả cho người bán	331		106.727.495
06/12	PKT 253	Phí kiểm đếm gạo bao tại cảng xếp voy 15 Eagle			
		Chi phí khác phát sinh	15414	14.319.900	
		Phải trả cho người bán	331		14.319.900
		Thuế GTGT được khấu trừ của hàng hóa dịch vụ	1331	1.431.990	
		Phải trả cho người bán	331		1.431.990
...	...				
31/12	PKT	Kết chuyển từ TK154 sang TK632			
		Giá vốn hàng bán	632	4.788.149.100	
		Chi phí tại cảng xếp	15401		4.788.149.100
		Giá vốn hàng bán	632	5.928.889.059	
		Chi phí tại cảng dỡ	15402		5.928.889.059
		Giá vốn hàng bán	632	1.758.546.222	
		Chi phí môi giới hoa hồng	15403		1.758.546.222
...	...				
31/12	PKT	Kết chuyển giá vốn bán hàng 632 sang 911			
		Xác định kết quả kinh doanh	911	107.520.366.809	
		Giá vốn bán hàng	632		107.520.366.809
...	...				
		Tổng cộng SPS		1.239.026.023.628	1.239.026.023.628

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 6: Sổ cái TK 632

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN
HOÀNG ANH

Mẫu số S03b- DN

*(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)*

SỔ CÁI TÀI KHOẢN

Tài khoản 632 – Giá vốn bán hàng
Năm 2012

Đơn vị tính: đồng

Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số phát sinh	
Ngày	Số			Nợ	Có
		<u>Số dư đầu kỳ</u>		-	-
31/12	PKT	Kết chuyển TK154 sang 632	15401	4.788.149.100	
31/12	PKT	Kết chuyển TK154 sang 632	15402	5.928.889.059	
31/12	PKT	Kết chuyển TK154 sang 632	15403	1.758.546.222	
31/12	PKT	Kết chuyển TK154 sang 632	15404	973.167.512	
31/12	PKT	Kết chuyển TK154 sang 632	15407	32.328.786.022	
31/12	PKT	Kết chuyển TK154 sang 632	15408	511.655.135	
31/12	PKT	Kết chuyển TK154 sang 632	15411	37.429.672.449	
31/12	PKT	Kết chuyển TK154 sang 632	15412	16.577.794.130	
31/12	PKT	Kết chuyển TK154 sang 632	15413	553.207.727	
31/12	PKT	Kết chuyển TK154 sang 632	15414	654.616.045	
31/12	PKT	Kết chuyển TK154 sang 632	15415	1.604.909.119	
31/12	PKT	Kết chuyển TK154 sang 632	15416	1.811.443.901	
31/12	PKT	Kết chuyển TK154 sang 632	15417	463.546.267	
31/12	PKT	Kết chuyển TK154 sang 632	15418	1.559.620.612	
31/12	PKT	Kết chuyển TK154 sang 632	15419	216.399.532	
31/12	PKT	Kết chuyển TK154 sang 632	15420	116.240.379	
31/12	PKT	Kết chuyển TK154 sang 632	15421	68.271.840	
31/12	PKT	Kết chuyển TK154 sang 632	15423	45.272.708	
31/12	PKT	Kết chuyển TK154 sang 632	15425	130.179.050	
31/12	PKT	K/c từ TK632 sang TK911	911		107.520.366.809
		Tổng số phát sinh		107.520.366.809	107.520.366.809
		<u>Số dư cuối kỳ</u>		-	-

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

2.2.2. Thực trạng tổ chức kế toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính

2.2.2.2. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính

❖ Chứng từ sử dụng:

- Phiếu báo có
- Phiếu thu và các chứng từ khác có liên quan

❖ Tài khoản sử dụng:

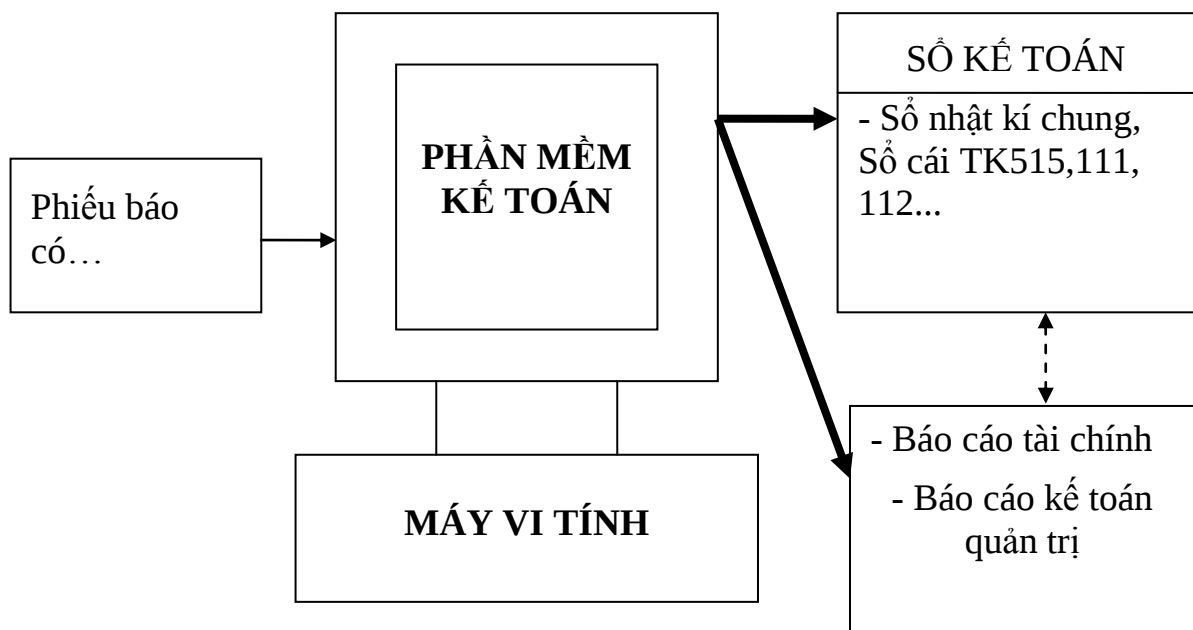
- TK 515 “Doanh thu hoạt động tài chính”

❖ Nội dung hoạt động tài chính:

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm: lãi tiền gửi và lãi chênh lệch tỷ giá ngoại tệ.

❖ Quy trình hạch toán

Sơ đồ 2.5: Quy trình hạch toán doanh thu hoạt động tài chính tại công ty cổ phần vận tải biển Hoàng Anh



Ghi chú:

- ➡ In sổ, báo cáo cuối tháng, cuối quý, cuối năm
- Nhập số liệu hàng ngày
- ↔ Đối chiếu, kiểm tra

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

❖ Ví dụ minh họa

Ngày 24/12 công ty nhận được lãi tiền gửi ngân hàng tháng 12 của ngân hàng TMCP Quân Đội Bắc Hải, số tiền 352.954đ.

Biểu số 7: Phiếu báo có

NGÂN HÀNG TMCP QUÂN ĐỘI Bac Hai		MST KH: 0200861013 MST NH: 0100283873-020
PHIẾU BÁO CÓ		
Ngày : 24/12/2012	Nguyên tệ: VND	
Mã GD: FT120956684684/BNK	GDV: 26338_HOFIA1.37_OFS_FASTPATH	
Tài khoản/ khách hàng:	Số tiền	
Tài khoản Có: 2631100362005		
HOANG ANH SHIPPING JOINT STOCK COMPANY		
Viết bằng chữ: Ba trăm năm mươi hai nghìn, chín trăm năm mươi tư đồng chẵn.	Số tiền: 352.954	
Diễn giải: Lãi nhập vốn		
Kế toán viên	Kiểm soát	Kế toán trưởng

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Căn cứ vào phiếu báo có của ngân hàng TMCP Quân Đội CN Bắc Hải, kế toán vào phân hệ *Giao dịch* → *Kế toán vốn bằng tiền* → *Giấy báo có ngân hàng* → Chọn “*mới*” để nhập số liệu từ phiếu báo có của ngân hàng.

Màn hình giao diện giấy báo có ngân hàng

Giấy báo có ngân hàng

Loại phiếu	2	Thu khác: của 1 khách	Ngày h toán	24/12/2012
Khách hàng	CTY	Công ty Cổ phần VTB Hoàng Anh	Ngày lập	24/12/2012
Địa chỉ	Hà Đoàn II – Đồng Hải – Hải An - HP		Số phiếu	51
Ng. nộp tiền			Ngoại tệ: VND	1,00
Về khoản	Lãi nhập vốn			
Ghi nợ	11212	Tiền Việt Nam (Ngân hàng TMCP Quân Đội CN Bắc Hải)		

Tk có	Tên tài khoản	Nguyên tệ	Thành tiền	Diễn giải
515	Doanh thu tài chính	352 954,000	352 954	Lãi nhập vốn

Trạng thái chứng từ: 352 954

9 Hạch toán sổ cái

Thanh toán cho các hoá đơn

start K_phtmlp [c:\cyber\tmp2010.sql\cyber10_vattbha\95\k_phtmlp.dbf] Record: 1/128 Exclusive NUM 11:18:07

Số liệu được cập nhật tự động chuyển vào sổ sách có liên quan: Sổ nhật ký chung, Sổ cái TK515, Sổ cái TK112...

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 8: Sổ nhật ký chung

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN
HOÀNG ANH

Mẫu số S03a - DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2012

Đơn vị tính: đồng

Chứng từ		Diễn giải	Tài khoản	Số phát sinh	
Ngày	Số			Nợ	Có
...	...				
14/12	PC48. 12/12	Chi trả tiền văn phòng phẩm các loại			
		Phải trả người bán	331	3.533.000	
		Tiền mặt Việt Nam	1111		3.533.000
14/12	PC49. 12/12	Chi trả tiền cấp nước ngọt cho tàu VL 06			
		Phải trả người bán	331	5.200.000	
		Tiền mặt Việt Nam	1111		5.200.000
...	...				
24/12	BC51	Lãi nhập vốn			
		Tiền Việt Nam(Ngân hàng TMCP Quân Đội CN Bắc Hải)	11212	352.954	
		Doanh thu tài chính	515		352.954
...	...				
30/12	PC123. .12/12	Nộp tiền vào TK			
		Tiền Việt Nam (Ngân hàng TMCP Quân Đội CN Bắc Hải)	11212	35.000.000	
		Tiền mặt Việt Nam	1111		35.000.000
30/12	PC124. 12/12	Chi trả tiền mua máy in cho phòng kỹ thuật			
		Phải trả cho người bán (Công ty TNHH TM Tất Đạt)	331	2.870.000	
		Tiền mặt Việt Nam	1111		2.870.000
...	...				
		Tổng cộng SPS		1.239.026.023.628	1.239.026.023.628

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 9: Sổ cái TK 515

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN
HOÀNG ANH

Mẫu số S03b - DN

*(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)*

SỔ CÁI TÀI KHOẢN

Tài khoản 515 – Doanh thu hoạt động tài chính
Năm 2012

Đơn vị tính: đồng

Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số phát sinh	
Ngày	Số			Nợ	Có
		<u>Số dư đầu kỳ</u>		-	-
....					
24/12	BC51	Lãi nhập vốn	11212		352.954
25/12	BC52	Lãi nhập vốn	11213		21.942
25/12	BC79	Lãi nhập vốn	112211		420
25/12	BC80	Lãi nhập vốn	11211		5.811
....					
31/12	PKT	K/c từ TK515 sang TK911	911	94.641.031	
		Tổng số phát sinh		94.641.031	94.641.031
		<u>Số dư cuối kỳ</u>		-	-

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

2.2.2.2. Kế toán chi phí tài chính

❖ Chứng từ sử dụng:

- Phiếu báo nợ
- Phiếu chi và các chứng từ khác có liên quan

❖ Tài khoản sử dụng:

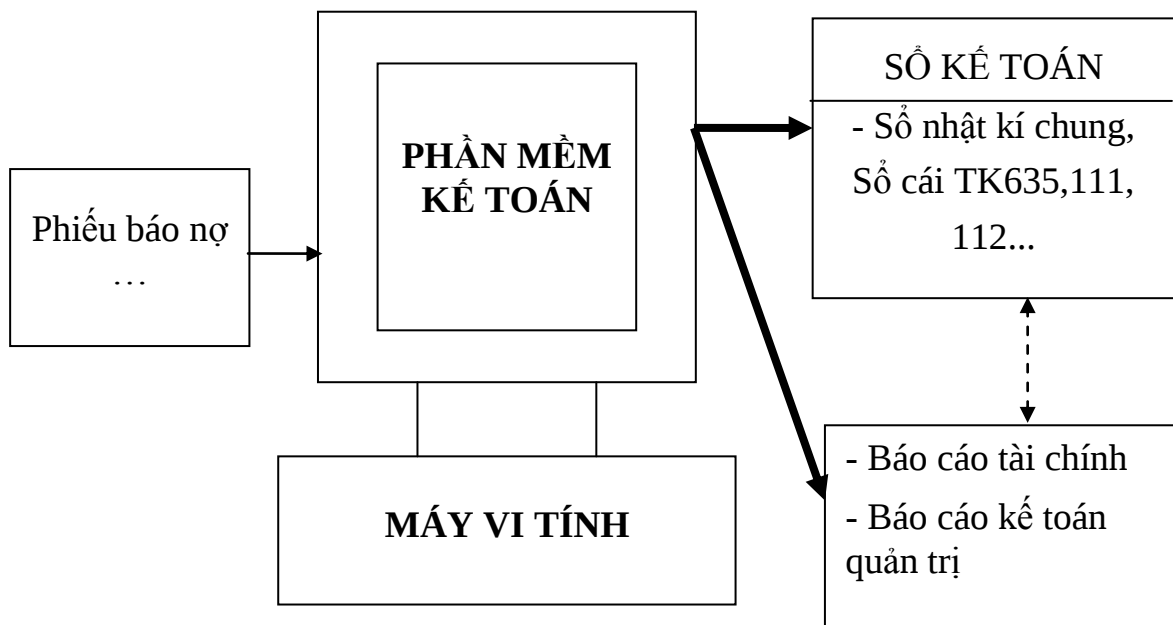
- TK 635 “ Chi phí tài chính”

❖ Nội dung chi phí tài chính:

Chi phí tài chính bao gồm: lãi vay phải trả ngân hàng và lỗ chênh lệch tỷ giá ngoại tệ.

❖ Quy trình hạch toán chi phí tài chính

Sơ đồ 2.6: Quy trình hạch toán chi phí tài chính tại công ty cổ phần vận tải biển Hoàng Anh



Ghi chú:

- In sổ, báo cáo cuối tháng, cuối quý, cuối năm
- Nhập số liệu hàng ngày
- ←-----→ Đối chiếu, kiểm tra

❖ **Ví dụ minh họa:** Ngày 03/12 công ty nhận được phiếu báo nợ của Ngân hàng TMCP Quân Đội chi nhánh Bắc Hải về việc trả lãi khoản vay 1.064.829.600đồng, số tiền 5.442.462đ.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 10: Phiếu báo nợ

NGÂN HÀNG TMCP QUÂN ĐỘI Bac Hai	MST KH: 0200861013 MST NH: 0100283873-020	
PHIẾU BÁO NỢ		
Ngày: 03/12/2012	Nguyên tệ: VND	
Mã GD: FT12092739038710	GDV: 26338_HOFA1.37_OFS_FASTPATH	
Tài khoản/ Khách hàng	Số tiền	
Tài khoản Nợ: 2631100562003	Dư đầu: 9.234.816	
HOANG ANH SHIPPING JOINT STOCK COMPANY	Dư cuối: 3.792.354	
Viết bằng chữ: Năm triệu, bốn trăm bốn mươi hai nghìn, bốn trăm sáu mươi hai đồng chẵn.	Số tiền:	5.442.462
	Phí:	
	VAT:	
	Tổng tiền:	5.442.462
Diễn giải: Trả lãi khoản vay 1.064.829.600đ		
Kế toán viên	Kiểm soát	Kế toán trưởng

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Căn cứ vào Phiếu báo nợ của Ngân hàng TMCP Quân Đội Chi nhánh Bắc Hải kê toán vào phân hệ *Giao dịch* → *Kế toán vốn bằng tiền* → *Giấy báo nợ ngân hàng* → Chọn “ *mới* ” để nhập số liệu từ phiếu báo nợ của ngân hàng. Số liệu được cập nhật tự động chuyển vào sổ sách có liên quan: Sổ nhật ký chung, Sổ cái TK 635, TK112

Màn hình giao diện phiếu báo nợ ngân hàng

Giấy báo nợ ngân hàng

Loại phiếu: 2 | Chỉ khác: cho 1 khách | Ngày h.toán: 03/12/2012
Khách hàng: KH0065 | Ngân hàng TMCP Quân Đội Chi nhánh Bắc Hải | Ngày lập: 03/12/2012
Địa chỉ: Số 57 Điện Biên Phủ, Hồng Bàng | Số phiếu: 111
Ng. nhận tiền: | Ngoại tệ: VND 1,00
Về khoản: Trả lãi khoản vay 1.064.829.600đ
Ghi có: 11212 | Tiền Việt Nam (Ngân hàng TMCP Quân Đội CN Bắc Hải)

Tk nợ	Tên tài khoản	Nguyên tệ	Thành tiền	Diễn giải
635	Chi phí tài chính	5 442 462,000	5 442 462	Trả lãi khoản vay 1.064.829.600đ

Thanh toán cho các hoá đơn
HĐ GTGT: 0 | Tk thuế: | Tổng tiền: 5 442 462
Trạng thái chứng từ: | Tiền thuế: | Tổng TT: 5 442 462
9 | Hạch toán sổ cái

Buttons: Lưu, Mới, In, Sửa, Xóa, Xem, Tìm, Thoát

K_phntmp (c:\cyber\ntmp2010.sql\cyber10_vattbha\1154\k_phntmp.dbf) Record: 10/124 Exclusive NUM 10:19:17

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 11: Sổ nhật ký chung

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN
HOÀNG ANH

Mẫu số S03a - DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2012

Đơn vị tính: đồng

Chứng từ		Diễn giải	Tài khoản	Số phát sinh	
Ngày	Số			Nợ	Có
...	...				
03/12	BN 111	Trả lãi khoản vay:			
		1.064.829.600đ			
		Chi phí tài chính	635	5.442.462	
		Tiền Việt Nam	11212		5.442.462
...	...				
24/12	BC 51	Lãi nhập vốn			
		Tiền Việt Nam (Ngân hàng TMCP Quân Đội CN Bắc Hải)	11212	352.954	
		Doanh thu tài chính	515		352.954
...	...				
30/12	PC123 .12/12	Nộp tiền vào TK			
		Tiền Việt Nam (Ngân hàng TMCP Quân Đội CN Bắc Hải)	11212	35.000.000	
		Tiền mặt Việt Nam	1111		35.000.000
30/12	PC124 .12/12	Chi trả tiền mua máy in cho phòng kỹ thuật			
		Phải trả cho người bán (Công ty TNHH TM Tất Đạt)	331	2.870.000	
		Tiền mặt Việt Nam	1111		2.870.000
30/12	UNC 227	Thanh toán tiền cước sử dụng chuyển phát nhanh			
		Phải trả cho người bán	331	18.412.992	
		Tiền Việt Nam	11213		18.412.992
...	...				
		Tổng cộng SPS		1.239.026.023.628	1.239.026.023.628

Ngày 31 tháng 12 năm/2012

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 12: Sổ cái TK 635

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN
HOÀNG ANH

Mẫu số S03b - DN

*(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)*

SỔ CÁI TÀI KHOẢN

Tài khoản 635 – Chi phí tài chính
Năm 2012

Đơn vị tính: đồng

Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số phát sinh	
Ngày	Số			Nợ	Có
		<u>Số dư đầu kỳ</u>			
....					
03/12	BN 111	Trả lãi khoản vay: 1.064.829.600đ	11212	5.442.462	
05/12	BN 113	Trả lãi khoản vay: 1.928.137.115đ	11212	9.860.209	
05/12	PKT 240	Chênh lệch lỗ tỷ giá ngoại tệ khi thanh toán tiền phí đại lý tàu Eagle	331	78.450	
05/12	PKT 241	Chênh lệch lỗ tỷ giá ngoại tệ khi thanh toán tiền phí đại lý tàu Star	331	27.250	
07/12	PKT 257	Chênh lệch lỗ tỷ giá ngoại tệ khi thanh toán tiền phí đại lý tàu Hoàng Anh	331	35.099	
....					
31/12	PKT	K/c từ TK635 sang TK911	911		2.050.145.543
		Tổng số phát sinh		2.050.145.543	2.050.145.543
		<u>Số dư cuối kỳ</u>		-	-

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

2.2.3. *Thực trạng tổ chức kế chi phí quản lý doanh nghiệp*

❖ **Chứng từ sử dụng:**

- Phiếu chi
- Giấy đề nghị thanh toán
- Hóa đơn giá trị gia tăng
- Bảng thanh toán lương
- Bảng tính và phân bổ khấu hao, bảng phân bổ công cụ dụng cụ
- Các chứng từ khác có liên quan

❖ **Tài khoản sử dụng:**

➤ **TK 642 “ Chi phí quản lý doanh nghiệp”**

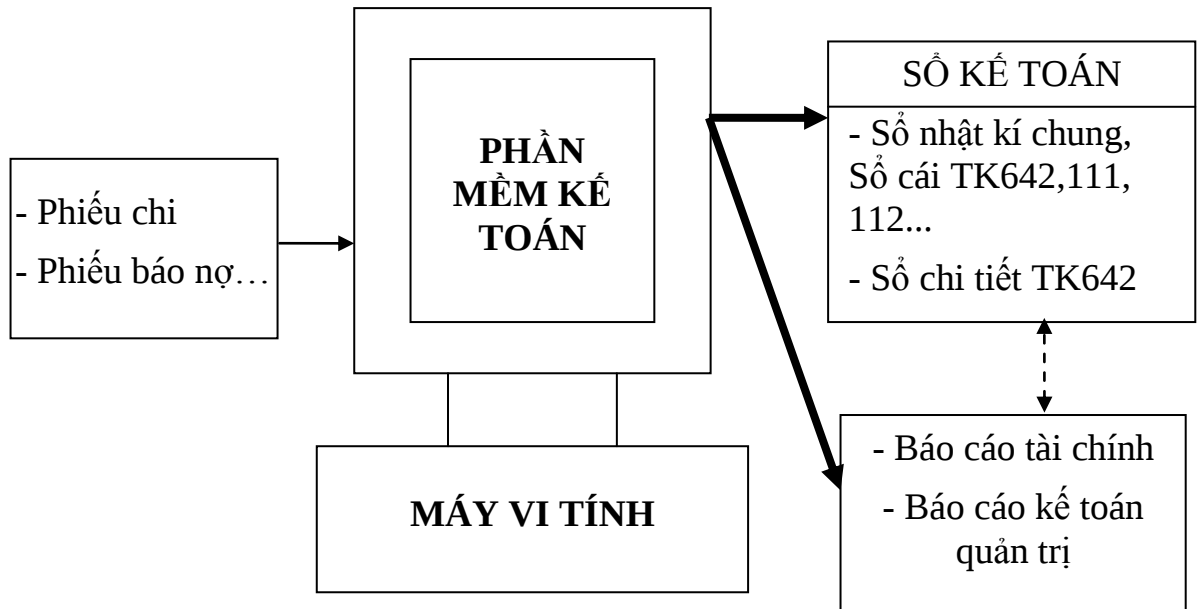
✓ Các TK cấp 2, cấp 3

- TK6421: Chi phí nhân viên quản lý
- TK6423: Chi phí đồ dùng văn phòng
 - + TK64231: Chi phí đồ dùng văn phòng (Taxi)
 - + TK64232: Chi phí đồ dùng văn phòng (vận tải biển)
- TK6424: Chi phí khấu hao TSCĐ
- TK6425: Thuế, phí và lệ phí
- TK6427: Chi phí dịch vụ mua ngoài
- TK6428: Chi phí bằng tiền khác

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

❖ Quy trình hạch toán

Sơ đồ 2.7: Quy trình hạch toán chi phí quản lý doanh nghiệp tại công ty cổ phần vận tải biển Hoàng Anh



Ghi chú:

- In sổ, báo cáo cuối tháng, cuối quý, cuối năm
- Nhập số liệu hàng ngày
- ←-----→** Đối chiếu, kiểm tra

❖ Ví dụ minh họa

Ngày 24/12 Công ty chi tiền mua mực in cho văn phòng VTB của công ty TNHH thương mại Tất Đạt bằng tiền mặt, số tiền 396.000đ (bao gồm cả VAT 10%).

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 13: Hóa đơn giá trị gia tăng

	HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG	Mẫu số: 01GTKT3/001			
	(Liên 2: Giao cho khách hàng)	Ký hiệu: AA/12P			
	Ngày 24 tháng 12 năm 2012	Số: 0000034			
Đơn vị bán hàng: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI TẤT ĐẠT					
Mã số thuế: 0200732360					
Địa chỉ: Số 54 cụm 9, P.Đằng Hải, Q.Hải An, TP.Hải Phòng					
Điện thoại: 031.3718556					
Số tài khoản: 893167 – Ngân Hàng Vietbank PGD Trần Nguyên Hãn					
Họ tên người mua hàng:					
Tên đơn vị: CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN HOÀNG ANH					
Mã số thuế: 0200861013					
Địa chỉ: 41B, Hạ Đoạn II, Đông Hải II, Hải An, Hải Phòng					
Hình thức thanh toán: Tiền mặt					
Số tài khoản					
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6
	Mực in laser	Lọ	4	90.000	360.000
Cộng tiền hàng:					360.000
Thuế suất GTGT: 10%					Tiền thuế giá trị gia tăng: 36.000
Tổng cộng tiền thanh toán:					396.000
Số tiền viết bằng chữ: Ba trăm chín mươi sáu nghìn đồng chẵn					
Người mua hàng (Kí, ghi rõ họ tên)		Người bán hàng (Kí, ghi rõ họ tên)		Thủ trưởng đơn vị (Kí, đóng dấu ghi rõ họ tên)	
(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)					

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Căn cứ vào hóa đơn giá trị gia tăng, kế toán vào phân hệ *Giao dịch* → *Kế toán vốn bằng tiền* → *Phiếu chi tiền mặt* → Chọn “ *mới* ” để nhập số liệu từ phiếu chi. Số liệu được cập nhật tự động chuyển vào sổ sách có liên quan: Sổ nhật ký chung, Sổ cái TK 642, Sổ chi tiết TK6423

Màn hình giao diện phiếu chi tiền mặt

Phiếu chi tiền mặt

Loại phiếu	2	Chi khác: cho 1 khách	Ngày h toán	24/12/2012
Khách hàng	KH0005	Công ty TNHH thương mại Tân Đạt	Ngày lập	24/12/2012
Địa chỉ	Số 54, cụm 9, P.Đông Hải, Q.Hải An, TP.Hải Phòng		Số phiếu	92.12/12
Ng. nhận tiền	Nguyễn Đình Nhu		Ngoại tệ:	VND 1,00
Về khoản	Chi trả tiền mua mực in cho văn phòng VTB			
Ghi có	Tiền mặt Việt Nam			

Tk nợ	Tên tài khoản	Nguyên tệ	Thành tiền	Diễn giải
64232	Chi phí đồ dùng văn phòng	360 000,000	360 000	Chi trả tiền mua mực in cho văn phòng VTB

Thanh toán cho các hoá đơn
HD GTGT 1 Tk thuế 1331

Trạng thái chứng từ
9 Hạch toán sổ cái

Tổng tiền 360 000
Tiền thuế 36 000
Tổng TT 396 000

Buttons: Lưu, Mới, In, Sửa, Xóa, Xem, Tìm, Thoát

Footer: K_phimp (c:\cyber\lmp2010.sql\cyber10_vattbha\95V_k_phimp.dbf) Record: 1/5 Exclusive NUM 11:22:07

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 14: Phiếu chi

CTY CP VẬN TẢI BIỂN HOÀNG ANH
Khu Hạ Đoạn 2, P.Đông Hải, Q.Hải An, TP.Hải Phòng

Số phiếu: 92.12/12
TK nợ : 64232,1331
TK có: 1111

PHIẾU CHI

Ngày 24/12/2012

Người nhận tiền: Nguyễn Đình Nhu

Địa chỉ: Kế toán

Về khoản: Chi tiền mua mực in cho VP VTB

Số tiền: 396.000đ

Bằng chữ: Ba trăm chín mươi sáu nghìn đồng chẵn

Kèm theo: 01 chứng từ gốc

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ KẾ TOÁN TRƯỞNG KẾ TOÁN THANH TOÁN

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ): Ba trăm chín mươi sáu nghìn đồng chẵn

Ngày 24 tháng 12 năm 2012

THỦ QUỸ

NGƯỜI NHẬN TIỀN

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 15: Sổ nhật ký chung

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN
HOÀNG ANH

Mẫu số S03a - DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2012

Đơn vị tính: đồng

Chứng từ		Diễn giải	Tài khoản	Số phát sinh	
Ngày	Số			Nợ	Có
...	...				
01/12	PC04. 12/12	Thanh toán tiền vé máy bay			
		Phải trả cho người bán (Công ty cổ phần du lịch Hải phòng)	331	2.494.000	
		Tiền mặt Việt Nam	1111		2.494.000
...	...				
24/12	PC92. 12/12	Chi trả tiền mua mực in cho văn phòng VTB			
		Chi phí đồ dùng văn phòng	64232	360.000	
		Tiền mặt Việt Nam	1111		360.000
		Thuế GTGT được khấu trừ của hàng hóa dịch vụ	1331	36.000	
		Tiền mặt Việt Nam	1111		36.000
...	...				
30/12	PC123. 12/12	Nộp tiền vào TK			
		Tiền Việt Nam (Ngân hàng TMCP Quân Đội CN Bắc Hải)	11212	35.000.000	
		Tiền mặt Việt Nam	1111		35.000.000
30/12	PC124. 12/12	Chi trả tiền mua máy in cho phòng kỹ thuật			
		Phải trả cho người bán (Công ty TNHH TM Tất Đạt)	331	2.870.000	
		Tiền mặt Việt Nam	1111		2.870.000
30/12	UNC 227	Thanh toán tiền cước sử dụng chuyển phát nhanh			
		Phải trả cho người bán	331	18.412.992	
		Tiền Việt Nam	11213		18.412.992
...	...				
		Tổng cộng SPS		1.239.026.023.628	1.239.026.023.628

Ngày 31 tháng 12 năm/2012

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 16: Sổ cái TK 642

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN
HOÀNG ANH

Mẫu số S03b - DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI TÀI KHOẢN

Tài khoản 642 – Chi phí quản lý doanh nghiệp
Năm 2012

Đơn vị tính: đồng

Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số phát sinh	
Ngày	Số			Nợ	Có
		<u>Số dư đầu kỳ</u>		-	-
....					
01/12	PC03. 12/12	Chi trả tiền mua đài catset cho bảo vệ VP VTB	1111	1.454.545	
01/12	UNC 95	Thanh toán phí chuyển khoản món: 30.000.000đ	11212	22.000	
01/12	UNC 96	Thanh toán phí chuyển khoản món: 1.066.308đ	11212	22.000	
....					
24/12	PC92. 12/12	Chi trả tiền mua mực in cho văn phòng VTB	1111	360.000	
....					
31/12	PKT	K/c từ TK642 sang TK911	911		2.547.292.500
31/12	PKT	K/c từ TK642 sang TK911	911		60.183.954
31/12	PKT	K/c từ TK642 sang TK911	911		71.149.728
31/12	PKT	K/c từ TK642 sang TK911	911		79.444.113
31/12	PKT	K/c từ TK642 sang TK911	911		8.986.364
31/12	PKT	K/c từ TK642 sang TK911	911		523.470.305
31/12	PKT	K/c từ TK642 sang TK911	911		243.044.041
		Tổng số phát sinh		3.533.571.005	3.533.571.005
		<u>Số dư cuối kỳ</u>		-	-

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 17: Sổ chi tiết TK 6423

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN
HOÀNG ANH**

Mẫu số S038 - DN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

Tài khoản 6423 – Chi phí đồ dùng văn phòng
Năm 2012

Đơn vị tính: đồng

Số dư đầu kỳ: 0

Chứng từ		Khách hàng	Diễn giải	TK đối ứng	Số phát sinh	
Ngày	Số				Nợ	Có
....				...		
06/12	PC17. 12/12	Công ty CP Bảo Hộ Lao Động Trọng Hưng	Chi tiền mua ủng cao su + áo mưa cho bảo vệ taxi	1111	792.000	
14/12	PKT 292	Công ty CP TM và xây lắp điện Hoàng Nhật	Vật tư điện cho khối taxi	331	1.777.000	
....				...		
24/12	PC92. 12/12	Công ty TNHH thương mại Tất Đạt	Chi trả tiền mua mực in cho VTB	1111	360.000	
....				...		
31/12	PKT		K/c từ TK642 sang TK911	911		60.183.954
31/12	PKT		K/c từ TK642 sang TK911	911		71.149.728
			Tổng số phát sinh		131.333.682	131.333.682

Số dư cuối kỳ: 0

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

2.2.4. Thực trạng tổ chức kế toán thu nhập khác và chi phí khác

2.2.4.1. Kế toán thu nhập khác

❖ Chứng từ sử dụng:

- Phiếu thu, giấy báo có
- Hóa đơn giá trị gia tăng
- Các chứng từ khác có liên quan

❖ Tài khoản sử dụng:

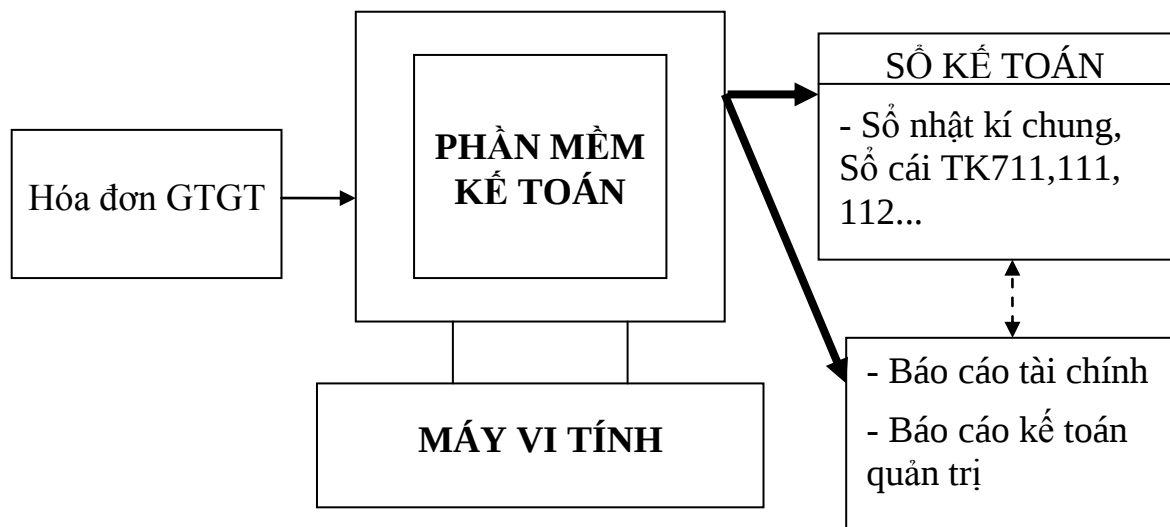
- TK 711 “Thu nhập khác”

❖ Nội dung thu nhập khác:

Thu nhập khác bao gồm: các khoản thu từ tiền đền bù bảo hiểm xe taxi và khoản tiền thưởng phạt xếp dỡ hàng.

❖ Quy trình hạch toán

Sơ đồ 2.8: Quy trình hạch toán thu nhập khác tại công ty cổ phần vận tải biển Hoàng Anh



Ghi chú:

- ➡ In sổ, báo cáo cuối tháng, cuối quý, cuối năm
- Nhập số liệu hàng ngày
- ↔ Đối chiếu, kiểm tra

❖ Ví dụ minh họa:

Ngày 30/12 Công ty thu tiền đền bù bảo hiểm xe taxi (xe Kia BKS 15A-041.48) của công ty Bảo Minh Hải Phòng, số tiền 4.400.000 đồng (đã bao gồm VAT 10%). Khách hàng chưa thanh toán.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 18: Hóa đơn giá trị gia tăng



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Mẫu số: 01GTKT3/001

(Liên 3: Nội bộ)

Ký hiệu: AA/11P

Ngày 30 tháng 12 năm 2012.

Số: 0000046

Đơn vị bán hàng: CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN HOÀNG ANH

Mã số thuế: 0200861013

Địa chỉ: 41B, Hạ Đoạn II, Đông Hải II, Hải An, Hải Phòng

Điện thoại: 031.3686694

Số tài khoản: 12610000223344 – NH Đầu Tư và Phát Triển – Cn Ba Đình Hà Nội

Họ tên người mua hàng:

Tên đơn vị: Công ty Bảo Minh Hải Phòng

Mã số thuế: 0300446973

Địa chỉ: Số 1 Hoàng Diệu – Hồng Bàng – Hải Phòng

Hình thức thanh toán CK

Số tài khoản

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6
	Thu tiền đền bù bảo hiểm xe Kia BKS 15A-041.48				4.000.000

Cộng tiền hàng: 4.000.000

Thuế suất GTGT: 10%

Tiền thuế giá trị gia tăng: 400.000

Tổng cộng tiền thanh toán: 4.400.000

Số tiền viết bằng chữ: Bốn triệu, bốn trăm nghìn đồng chẵn.

Người mua hàng

(Kí, ghi rõ họ tên)

Người bán hàng

(Kí, ghi rõ họ tên)

Thủ trưởng đơn vị

(Kí, đóng dấu ghi rõ họ tên)

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Căn cứ vào hóa đơn GTGT số 0000046, kế toán nhập số liệu vào máy tính theo trình tự sau:

- Từ màn hình nền của Window, kích đúp chuột vào biểu tượng của phần mềm CYBER ACCOUNTING, kế toán nhập tên và mật khẩu của mình để vào phần mềm. Chọn phân hệ *Giao dịch* → *Kế toán bán hàng* → Chọn *Hóa đơn dịch vụ* → Chọn “mới” để nhập số liệu từ hóa đơn giá trị gia tăng. Số liệu được cập nhật tự động chuyển vào sổ sách có liên quan: Sổ nhật ký chung, Sổ cái TK 711, ...

Màn hình giao diện hóa đơn dịch vụ

Hóa đơn dịch vụ

Khách hàng	KH0212	Công ty Bảo Minh Hải Phòng	Ngày hoá	30/12/2012
Địa chỉ	Số 1 Hoàng Diệu – Hồng Bàng		Ngày lập	30/12/2012
Ng. mua hàng			Số hoá đơn	46
Chi nq	13883	Bộ phận	Số seri	AA/11P
Diễn giải	Thu tiền đền bù bảo hiểm xe Kia BKS 15A-041.48)		Ngoại tệ	VND 1,00
Nhóm hàng				

Tk có	Tên tài khoản	Tiền VND	Mã thuế	Thuế suất	Thuế VND	c. th
711	Thu nhập khác	4 000 000,00	10	10,00	400 000,00	33

Tiền hàng: 4 000 000
Tiền thuế: 400 000
Tiền ck:
Tổng TT: 4 400 000

Tk đ/ú với tk thuế: 13883
Trạng thái chứng từ: 9
Hạch toán sổ cái

Sửa HT thuế
Sửa tiền thuế
Nhập tiền ck
Hạn TT: 0

Lưu Mới In Sửa Xóa Xem Tìm Thoát

K_phmp [c:\cyber\mp2010.sql\cyber10_vattbha\154\k_phmp.dbf] Record: 10/124 Exclusive NUM 10:19:17

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 19: Sổ nhật ký chung

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN
HOÀNG ANH**

Mẫu số S03a - DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2012

Đơn vị tính: đồng

Chứng từ		Diễn giải	Tài khoản	Số phát sinh	
Ngày	Số			Nợ	Có
...	...				
14/12	PC48. 12/12	Chi trả tiền văn phòng phẩm các loại			
		Phải trả người bán(Văn phòng phẩm Thanh Thủy)	331	3.533.000	
		Tiền mặt Việt Nam	1111		3.533.000
14/12	PC49. 12/12	Chi trả tiền cấp nước ngọt cho tàu VL 06			
		Phải trả người bán	331	5.200.000	
		Tiền mặt Việt Nam	1111		5.200.000
...	...				
30/12	HD46	Thu tiền đền bù bảo hiểm xe Kia BKS 15A-041.48			
		Phải thu khác (các khoản thu khác)	13883	4.000.000	
		Thu nhập khác	711		4.000.000
		Phải thu khác (các khoản thu khác)	13883	400.000	
		Thuế GTGT đầu ra phải nộp	33311		400.000
...	...				
30/12	PC123. .12/12	Nộp tiền vào TK			
		Tiền Việt Nam (Ngân hàng TMCP Quân Đội CN Bắc Hải)	11212	35.000.000	
		Tiền mặt Việt Nam	1111		35.000.000
...	...				
		Tổng cộng SPS		1.239.026.023.628	1.239.026.023.628

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 20: Sổ cái TK 711

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN

Mẫu số S03b - DN

HOÀNG ANH

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC

ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI TÀI KHOẢN

Tài khoản 711 – Thu nhập khác

Năm 2012

Đơn vị tính: đồng

Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số phát sinh	
Ngày	Số			Nợ	Có
		<u>Số dư đầu kỳ</u>		-	-
....					
28/12	HD42	Tiền chậm dỡ hàng voy 10 tàu Eagle	131		72.259.688
30/12	HD46	Thu tiền đền bù bảo hiểm xe taxi	13883		4.000.000
30/12	HD47	Thu tiền đền bù bảo hiểm xe taxi	13883		2.750.000
30/12	HD51	Thu tiền đền bù bảo hiểm xe taxi	13883		2.915.000
30/12	HD52	Thu tiền đền bù bảo hiểm xe taxi	13883		3.050.000
....					
31/12	PKT	K/c từ TK711 sang TK911	911	2.868.627.724	
		Tổng số phát sinh		2.868.627.724	2.868.627.724
		<u>Số dư cuối kỳ</u>		-	-

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

2.2.4.2. Kế toán chi phí khác

❖ Chứng từ sử dụng:

- Phiếu chi, giấy báo nợ
- Các chứng từ khác có liên quan

❖ Tài khoản sử dụng:

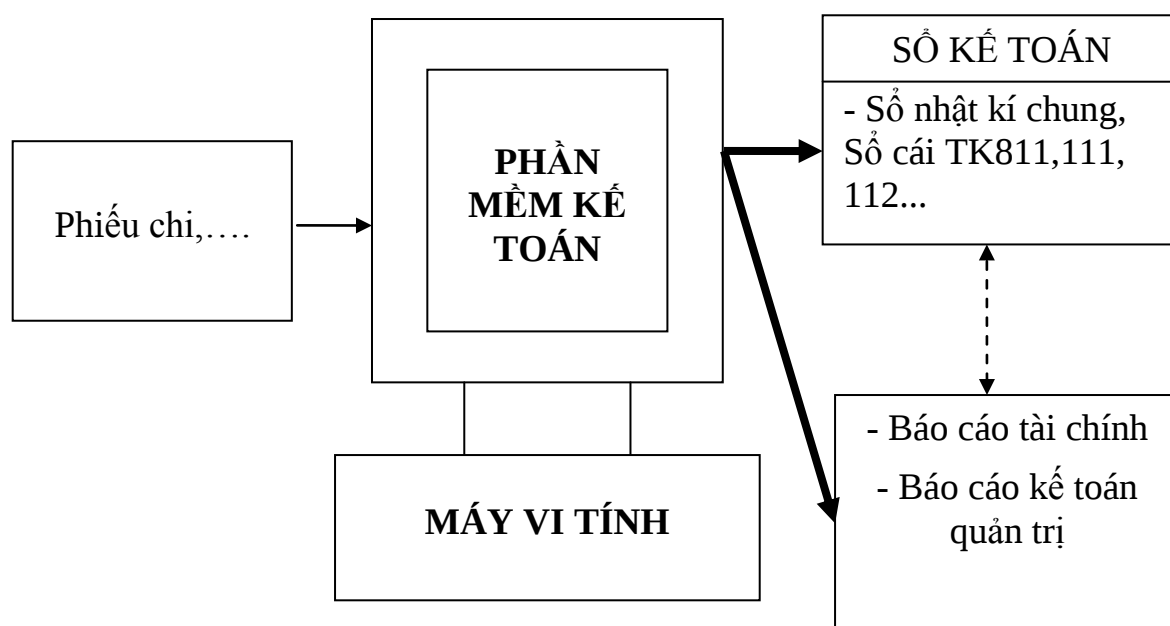
- TK 811 “Chi phí khác”

❖ Nội dung chi phí khác

Chi phí khác bao gồm: các khoản tiền thưởng phạt xếp dỡ hàng

❖ Quy trình hạch toán

Sơ đồ 2.9: Quy trình hạch toán chi phí khác tại công ty cổ phần vận tải biển Hoàng Anh



Ghi chú:

- ➡ In sổ, báo cáo cuối tháng, cuối quý, cuối năm
- Nhập số liệu hàng ngày
- ↔ Đối chiếu, kiểm tra

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

❖ Ví dụ minh họa

Ngày 06/12 Công ty phải trả cho công ty Grand East Metal SDN BHD một khoản tiền thưởng do xếp dỡ hàng nhanh voy 6/12 tàu Vĩnh Long 06, số tiền 17.973.166 đồng.

LAYTIME CALCULAYTION SHEET					
VINH LONG 06					
LOADING PORT: BANGKOK, THAILAND; VSL TENDERED NOR AT 0245LT 25 TH NOV, 2012, LAYTIME SHALL BE COUNTED FROM 1445LT 25 TH NOV, 2012 AS PER C/P					
DATE	TIME		DESCRIPTION	LAYTIME USE (HH/MM)	
25 th .Nov	Sun	1445- 2400	LAYTIME	9	15
26 th .Nov	Mon	0000 - 0515	LAYTIME	5	15
		0515 - 0740	POB AND SHIFTING TO BERTH NO.11	0	0
		0740 – 0900	LAYTIME	1	20
		0900 – 1000	INITIAL DRAFT SURVEY	0	0
		1000 - 1200	LAYTIME	2	0
		1200 - 2400	COMMENCED LDG CARGO AND CONTINUED.	12	0
27 th .Nov	Tue	0000 – 2400	CONTINUED LDG CARGO.	24	0
28 th .Nov	Wed	0000 - 0400	CONTINUED LDG CARGO AND COMPLETED	4	0
TOTAL TIME				57	50
ACTUAL LAYTIME USED (DAYS)				2.410	
LAYTIME ALLOW (DAYS)				3.100	
DES RATE (USD)				1250	
TIME OF DES				0.690	
VSL ON DES AT LDG PORT (USD)				862.847	

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Căn cứ vào Laytime calculation sheet Vinh Long 06, kế toán chọn phân hệ *Giao dịch* → Chọn *Kế toán tổng hợp* → Chọn *Phiếu kế toán* → Chọn “mới” để nhập số liệu vào phiếu kế toán. Các số liệu sẽ tự động được chuyển vào sổ nhật ký chung, sổ cái TK138, TK811.

Màn hình giao diện phiếu kế toán

Phiếu kế toán

Ngày h. toán: 06/12/2012 Ngày lập: 06/12/2012 Ngoại tệ: USD 20 830,00
Số phiếu: 255

Tk Nợ	Tk có	Khách nợ	khách có	Nguyên tệ	Thành tiền	Diễn giải
811	13882	KH0833	KH0833	862,850	17 973 166	Phí thưởng phạt xếp dỡ tàu VL06 voy 6/12

☐ Thuế GTGT đầu vào
Trạng thái chứng từ: 862,850 17 973 166
9 Hạch toán sổ cái

Lưu Mới Copy In Sửa Xóa Xem Tìm Thoát

K_phntmp (c:\cyber\lmp2010.sql\cyber10_vat\bha\154\k_phntmp.dbf) Record: 10/124 Exclusive NUM 10:19:17

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 21: Sổ nhật ký chung

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN
HOÀNG ANH**

Mẫu số S03a - DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2012

Đơn vị tính: đồng

Chứng từ		Diễn giải	Tài khoản	Số phát sinh	
Ngày	Số			Nợ	Có
...	...				
06/12	PKT 255	Phí thưởng phạt xếp dỡ tàu VL06 voy 6/12			
		Chi phí khác	811	17.973.166	
		Phải thu khác	13882		17.973.166
...	...				
14/12	PC48. 12/12	Chi trả tiền văn phòng phẩm các loại			
		Phải trả người bán	331	3.533.000	
		Tiền mặt Việt Nam	1111		3.533.000
14/12	PC49. 12/12	Chi trả tiền cấp nước ngọt cho tàu VL 06			
		Phải trả người bán	331	5.200.000	
		Tiền mặt Việt Nam	1111		5.200.000
...	...				
30/12	PC123 .12/12	Nộp tiền vào TK			
		Tiền Việt Nam (Ngân hàng TMCP Quân Đội CN Bắc Hải)	11212	35.000.000	
		Tiền mặt Việt Nam	1111		35.000.000
30/12	PC124 .12/12	Chi trả tiền mua máy in cho phòng kỹ thuật			
		Phải trả cho người bán(Công ty TNHH TM Tất Đạt)	331	2.870.000	
		Tiền mặt Việt Nam	1111		2.870.000
...	...				
		Tổng cộng SPS		1.239.026.023.628	1.239.026.023.628

Ngày 31 tháng 12 năm/2012

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 22: Sổ cái TK 811

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN

Mẫu số S03b - DN

HOÀNG ANH

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC

ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI TÀI KHOẢN

Tài khoản 811 – Chi phí khác

Năm 2012

Đơn vị tính: đồng

Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số phát sinh	
Ngày	Số			Nợ	Có
		<u>Số dư đầu kỳ</u>		-	-
....					
06/12	PKT 255	Phí thưởng phạt xếp dỡ tàu VL06 voy 6/12	13882	17.973.166	
....					
14/12	PKT 120	Phí phạt dỡ hàng chậm voy 2/12 tàu Eagle	13882	22.821.094	
15/12	PKT 125	Tiền phí phạt xếp dỡ hàng chậm voy 4/12 tàu Nasico	131	53.573.947	
31/12	PKT	K/c từ TK811 sang TK911	911		1.185.865.172
		Tổng số phát sinh		1.185.865.172	1.185.865.172
		<u>Số dư cuối kỳ</u>		-	-

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

2.2.5. Kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp và xác định kết quả kinh doanh

2.2.5.1. Kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

❖ **Chứng từ sử dụng:**

- Phiếu kế toán
- Các chứng từ khác có liên quan

❖ **Tài khoản sử dụng:**

- TK 821 “Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp”

❖ **Quy trình hạch toán**

Cuối mỗi quý, kế toán lấy doanh thu tạm tính trừ chi phí tạm tính để tính thuế thu nhập doanh nghiệp tạm tính. Kế toán vào phân hệ *Giao dịch* → *Kế toán tổng hợp* → *Phiếu kế toán* → Chọn “mới” để nhập thuế TNDN tạm tính vào *phiếu kế toán*, phần mềm sẽ tự động chuyển sang các sổ sách có liên quan: Sổ nhật ký chung, sổ cái TK821.

Cuối năm, kế toán vào phân hệ *Giao dịch* → *Kế toán tổng hợp* → *Bút toán kết chuyển* → Chọn năm “2012” → Chọn “Nhận” → nhấn phím cách để đánh dấu các bút toán kết chuyển cần thiết → nhấn “F4” để thực hiện bút toán kết chuyển. Sau đó kế toán chọn phân hệ *Báo cáo kế toán* → *Báo cáo tài chính* → *Báo cáo kết quả kinh doanh (QĐ 15/2006)* để lập báo cáo kết quả kinh doanh trên phần mềm kế toán máy. Kế toán sẽ lấy số liệu của chỉ tiêu “tổng lợi nhuận kế toán trước thuế” trên báo cáo kết quả kinh doanh của năm để tiến hành xác định số thuế TNDN phải nộp theo quy định

❖ Ví dụ minh họa

Ngày 31/12, công ty xác định số thuế TNDN tạm tính của quý 4, với thuế suất 25%. Ta có:

$$\begin{aligned}\text{Thuế TNDN tạm tính quý 4} &= (\text{Doanh thu tạm tính} - \text{Chi phí tạm tính}) * 25\% \\ &= (32.928.244.220 - 32.900.000.000) * 25\% \\ &= 7.061.055\text{đ}\end{aligned}$$

Sau khi tính được thuế TNDN tạm tính quý 4 kế toán vào phân hệ *Giao dịch* → *Kế toán tổng hợp* → *Phiếu kế toán* để lập một phiếu kế toán mới phản ánh nghiệp vụ tạm tính thuế TNDN.

Màn hình giao diện phiếu kế toán

The screenshot shows a software window titled 'Cty CP Vạn Tài Biên Hoàng Anh' with a menu bar (Hệ thống, Danh mục, Giao dịch, Báo cáo, Số dư, Tính toán). The main window is 'Phiếu kế toán' (Accounting Voucher) with the following fields and data:

- Ngày h. toán: 31/12/2012
- Ngày lập: 31/12/2012
- Ngoại tệ: VND, 1,00
- Số phiếu: 484

Tk Nợ	Tk có	Khách nợ	khách có	Nguyên tệ	Thành tiền	Diễn giải
8211	3334			7 061 055,000	7 061 055	Thuế TNDN tạm tính quý 4

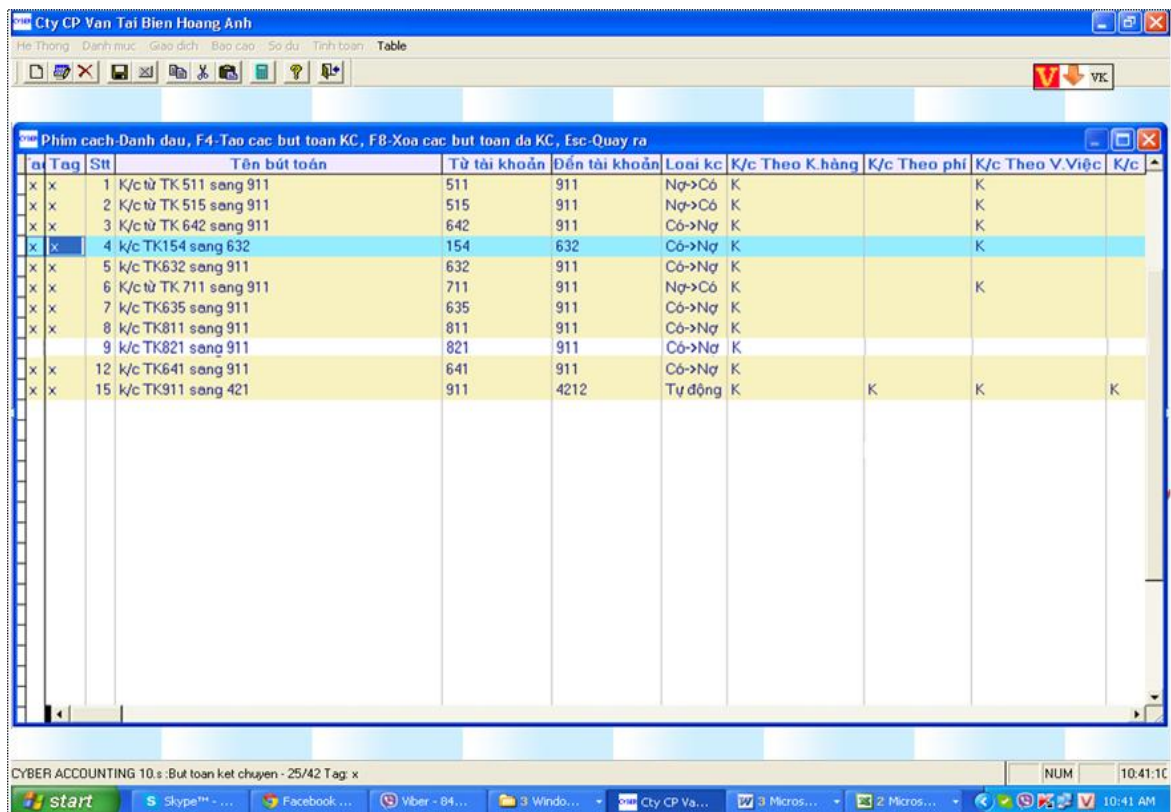
Below the table, there are checkboxes for 'Thuế GTGT đầu vào' and 'Trạng thái chứng từ' (set to 7 061 055). At the bottom, there is a 'Hạch toán sổ cái' section with a dropdown menu showing '9'. The bottom status bar indicates the file path 'K_phltmp [c:\cyber\mp2010.sql\cyber10_vattbha\95\k_phltmp.dbl]', 'Record: 1/18', 'Exclusive', and the time '11:21:49'.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Tại ngày 31/12/2012, Kế toán tổng hợp vào phân hệ *Giao dịch* → *Kế toán tổng hợp* → *Bút toán kết chuyển* → Chọn năm “2012” → Chọn “*Nhận*”

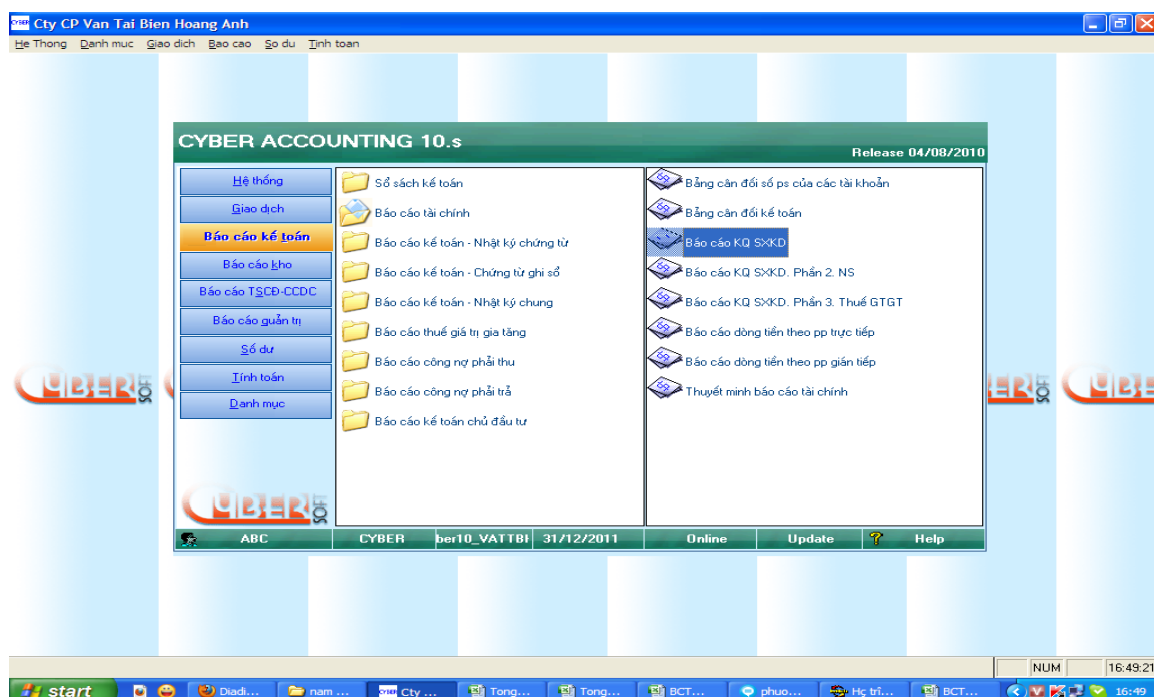


Nhấn phím cách để đánh dấu các bút toán kết chuyển và để lại bút toán kết chuyển “k/c từ TK821 sang 911” → nhấn “F4” để thực hiện bút toán kết chuyển. Khi đó màn hình giao diện như sau:

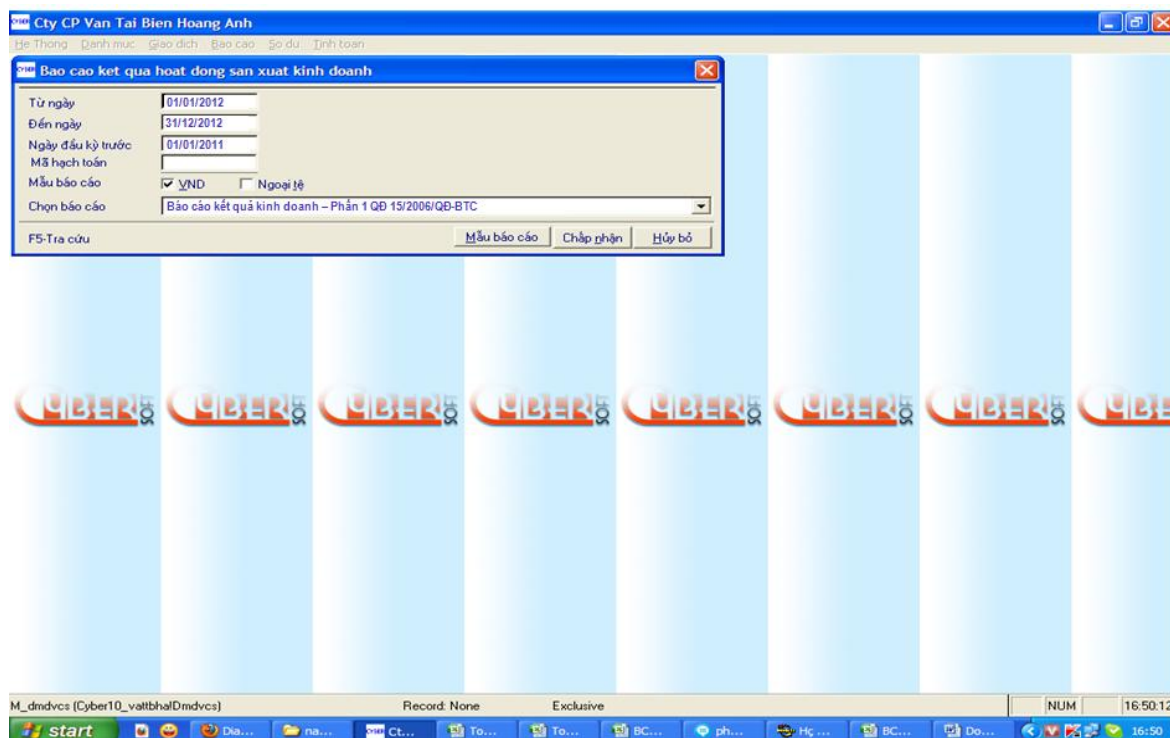


KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Sau đó, Kế toán tổng hợp vào phân hệ *Báo cáo kế toán* → *Báo cáo tài chính* → *Báo cáo KQ SXKD*



Tại mục “*từ ngày, đến ngày*” chọn từ ngày 01/01/2012 đến ngày 31/12/2012, “*ngày đầu kỳ trước*” chọn ngày 01/01/2011 chọn “*chấp nhận*” để xem.



KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN
HOÀNG ANH

Mẫu số B02 - DNN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SXKD

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.25	113.064.771.275	28.085.849.291
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02			
3. DT thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 -02)	10		113.064.771.275	28.085.849.291
4. Giá vốn bán hàng	11	VI.27	107.520.366.809	27.457.075.041
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		5.544.404.466	628.774.250
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.26	94.641.031	49.431.453
7. Chi phí tài chính	22	VI.28	2.050.145.543	47.251.297
– Trong đó: Chi phí lãi vay	23		1.746.409.983	
8. Chi phí bán hàng	24			
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		3.533.571.005	135.676.479
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25))	30		55.328.949	495.277.927
11. Thu nhập khác	31		2.868.627.724	917.747
12. Chi phí khác	32		1.185.865.172	
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 -32)	40		1.682.762.552	917.747
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		1.738.091.501	496.195.674
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.30		124.048.919
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.30		
17.. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60			372.146.756
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70			

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, họ tên)

KẾ TOÁN TRƯỞNG
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2012
GIÁM ĐỐC
(Ký, họ tên, đóng dấu)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Căn cứ vào Báo cáo kết quả kinh doanh năm 2012, tổng lợi nhuận kế toán trước thuế bằng 1.738.091.501 đồng.

Thuế TNDN phải nộp năm 2012 = 1.738.091.501 * 25% = 434.522.875

Kế toán xác định số tiền chênh lệch giữa thuế TNDN phải nộp với thuế TNDN tạm tính của năm 2012 :

$$434.522.875 - 4.714.433 - 5.453.050 - 7.262.696 - 7.061.055 \\ = 410.031.641$$

Sau khi tính được chênh lệch giữa thuế TNDN phải nộp với thuế TNDN tạm tính của năm 2012 kế toán vào phân hệ *Giao dịch* → *Kế toán tổng hợp* → *Phiếu kế toán* để lập một phiếu kế toán mới phản ánh số chênh lệch.

Số liệu được cập nhật tự động chuyển vào sổ sách có liên quan: Sổ nhật ký chung, Sổ cái TK 821...

Màn hình giao diện phiếu kế toán

Phiếu kế toán

Ngày h toán: 31/12/2012 Ngày lập: 31/12/2012 Ngoại tệ: VND 1,00

Số phiếu: 485

Tk Nợ	Tk có	Chức vụ khách có	Nguyên tệ	Thành tiền	Diễn giải
8211	3334		410 031 641,000	410 031 641	Chênh lệch thuế TNDN phải nộp lớn hơn số thuế tạm tính

☐ Thuế GTGT đầu vào

Trạng thái chứng từ: 410 031 641

9 Hạch toán sổ cái

K_phntmp (c:\cyber\ntmp2010.sql\cyber10_vattbha\154\k_phntmp.dbf) Record: 10/124 Exclusive NUM 10:19:17

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 23: Sổ nhật ký chung

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN
HOÀNG ANH

Mẫu số S03a - DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2012

Đơn vị tính: đồng

Chứng từ		Diễn giải	Tài khoản	Số phát sinh	
Ngày	Số			Nợ	Có
...	...				
14/12	PC48. 12/12	Chi trả tiền văn phòng phẩm các loại			
		Phải trả người bán	331	3.533.000	
		Tiền mặt Việt Nam	1111		3.533.000
14/12	PC49. 12/12	Chi trả tiền cấp nước ngọt cho tàu VL 06			
		Phải trả người bán	331	5.200.000	
		Tiền mặt Việt Nam	1111		5.200.000
...	...				
31/12	PKT 484	Thuế TNDN tạm tính quý 4			
		Chi phí thuế TNDN hiện hành	8211	7.061.055	
		Thuế TNDN	3334		7.061.055
31/12	PKT 485	Chênh lệch thuế TNDN phải nộp lớn hơn số thuế tạm tính			
		Chi phí thuế TNDN hiện hành	8211	410.031.641	
		Thuế TNDN	3334		410.031.641
31/12	PKT	Kết chuyển chi phí thuế TNDN 8211 sang 911			
		Xác định kết quả kinh doanh	911	434.522.875	
		Chi phí thuế TNDN hiện hành	8211		434.522.875
31/12	PKT	Kết chuyển lợi nhuận sau thuế			
		Xác định kết quả kinh doanh	911	1.303.568.626	
		Lãi năm nay	4211		1.303.568.626
...	...				
		Tổng cộng SPS		1.239.026.023.628	1.239.026.023.628

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 24: Sổ cái TK 821

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN

Mẫu số S03b - DN

HOÀNG ANH

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC

ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI TÀI KHOẢN

Tài khoản 821 – Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

Năm 2012

Đơn vị tính : đồng

Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số phát sinh	
Ngày	Số			Nợ	Có
		<u>Số dư đầu kỳ</u>		-	-
31/12	PKT 72	Thuế TNDN tạm tính quý 1	3334	4.714.433	
31/12	PKT 157	Thuế TNDN tạm tính quý 2	3334	5.453.050	
31/12	PKT 235	Thuế TNDN tạm tính quý 3	3334	7.262.696	
31/12	PKT 484	Thuế TNDN tạm tính quý 4	3334	7.061.055	
31/12	PKT 485	Chênh lệch thuế TNDN phải nộp lớn hơn số thuế tạm tính năm 2012	3334	410.031.641	
31/12	PKT	Kết chuyển chi phí thuế TNDN 8211 sang 911	911		434.522.875
		Tổng số phát sinh		434.522.875	434.522.875
		<u>Số dư cuối kỳ</u>		-	-

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

2.2.5.2. Kế toán xác định kết quả kinh doanh

❖ Chứng từ sử dụng:

- Phiếu kế toán
- Các chứng từ khác có liên quan

❖ Tài khoản sử dụng:

- TK 911 “Xác định kết quả kinh doanh”
- TK 421 “Lãi chưa phân phối”

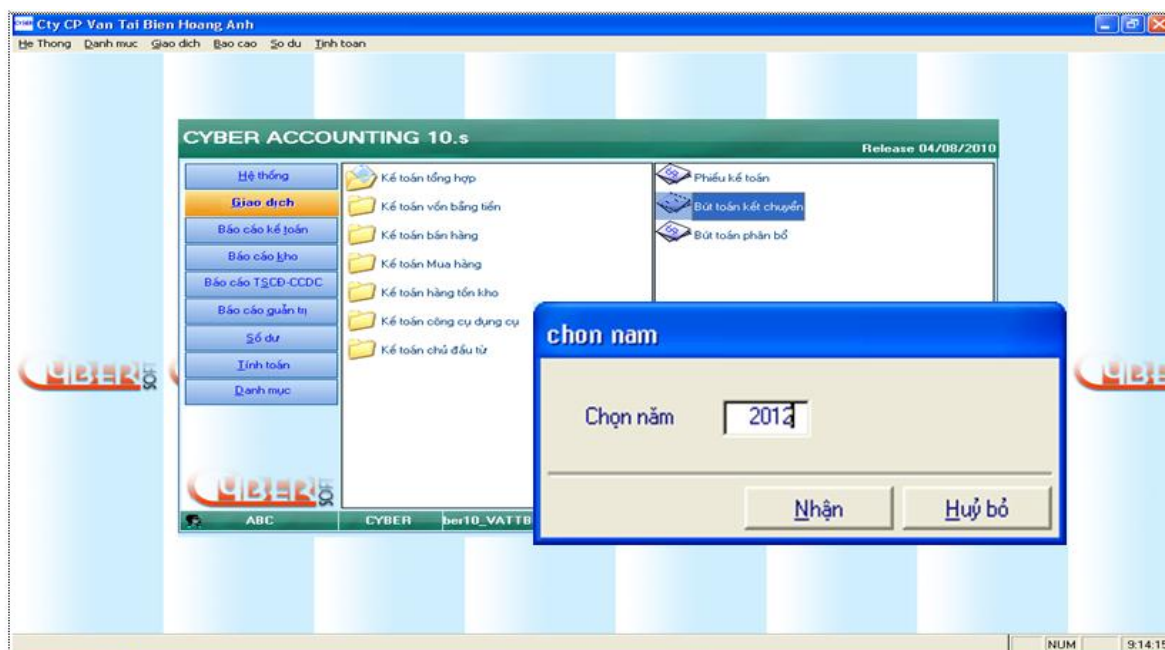
❖ Quy trình hạch toán

Tại công ty cổ phần vận tải biển Hoàng Anh, việc xác định kết quả kinh doanh được thực hiện theo năm. Cuối năm, kế toán tổng hợp vào phân hệ *Giao dịch* → *Kế toán tổng hợp* → *Bút toán kết chuyển* để kết chuyển tổng số phát sinh năm của từng tài khoản từ loại 5 đến loại 9, từ đó xác định kết quả kinh doanh lãi lỗ của năm. Phần mềm sẽ tự động chuyển sang các sổ sách có liên quan: Sổ nhật ký chung, sổ cái các tài khoản từ loại 5 đến loại 9.

❖ Ví dụ minh họa

Ngày 31/12, kế toán xác định kết quả kinh doanh của công ty cổ phần vận tải biển Hoàng Anh.

Kế toán tổng hợp vào phân hệ *Giao dịch* → *Kế toán tổng hợp* → *Bút toán kết chuyển* → Chọn năm “2012” → Chọn “*Nhận*”.



KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Chọn toàn bộ bằng cách ấn Ctrl+ A để đánh dấu các bút toán kết chuyển cần thiết → nhấn “F4” để thực hiện bút toán kết chuyển. Tuy nhiên, phần mềm chỉ kết chuyển những bút toán chưa kết chuyển, những bút toán đã kết chuyển rồi phần mềm sẽ không kết chuyển nữa. Khi đó màn hình giao diện như sau:

Tag	St	Tên bút toán	Từ tài khoản	Đến tài khoản	Loại kc	K/c Theo K.hàng	K/c Theo phí	K/c Theo V.Việc	K/c
x x	1	K/c từ TK 511 sang 911	511	911	Nợ->Có	K		K	
x x	2	K/c từ TK 515 sang 911	515	911	Nợ->Có	K		K	
x x	3	K/c từ TK 642 sang 911	642	911	Có->Nợ	K		K	
x x	4	K/c TK154 sang 632	154	632	Có->Nợ	K		K	
x x	5	K/c TK632 sang 911	632	911	Có->Nợ	K			
x x	6	K/c từ TK 711 sang 911	711	911	Nợ->Có	K		K	
x x	7	K/c TK635 sang 911	635	911	Có->Nợ	K			
x x	8	K/c TK811 sang 911	811	911	Có->Nợ	K			
x x	9	K/c TK821 sang 911	821	911	Có->Nợ	K			
x x	12	K/c TK641 sang 911	641	911	Có->Nợ	K			
x x	15	K/c TK911 sang 421	911	4212	Tự động	K	K	K	K

Sau khi chương trình đã thực hiện xong, các bút toán kết chuyển doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh sẽ tự động chuyển vào các sổ sách có liên quan: sổ nhật ký chung, sổ cái TK911, sổ cái TK421.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 25: Sổ nhật ký chung

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN
HOÀNG ANH**

Mẫu số S03a - DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2012

Đơn vị tính: đồng

Chứng từ		Diễn giải	Tài khoản	Số phát sinh	
Ngày	Số			Nợ	Có
...	...				
31/12	PKT	K/c từ TK511 sang 911			
		Doanh thu cung cấp dịch vụ (cước v/c tàu công ty)	51131	86.145.818.907	
		Xác định kết quả kinh doanh	911		86.145.818.907
		Doanh thu cung cấp dịch vụ (dịch vụ vận chuyển)	51132	15.167.479.894	
		Xác định kết quả kinh doanh	911		15.167.479.894
		Doanh thu cung cấp dịch vụ (cước taxi)	51133	10.886.867.543	
		Xác định kết quả kinh doanh	911		10.886.867.543
		Doanh thu khác	5118	864.604.931	
		Xác định kết quả kinh doanh	911		864.604.931
31/12	PKT	K/c TK 632 sang 911			
		Xác định kết quả kinh doanh	911	107.520.366.809	
		Giá vốn bán hàng	632		107.520.366.809
31/12	PKT	K/c từ TK 642 sang 911			
		Xác định kết quả kinh doanh	911	2.547.292.500	
		Chi phí nhân viên quản lý	6421		2.547.292.500
		Xác định kết quả kinh doanh	911	60.183.954	
		Chi phí đồ dùng văn phòng (taxi)	64231		60.183.954
		Xác định kết quả kinh doanh	911	71.149.728	
		Chi phí đồ dùng văn phòng (Vận tải biển)	64232		71.149.728
		Xác định kết quả kinh doanh	911	79.444.113	
		Chi phí khấu hao TSCĐ	6424		79.444.113
		Xác định kết quả kinh doanh	911	8.986.364	
		Thuế, phí, lệ phí	6425		8.986.364
		Xác định kết quả kinh doanh	911	523.470.305	
		Chi phí dịch vụ mua ngoài	6427		523.470.305

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

		Xác định kết quả kinh doanh	911	243.044.041	
		Chi phí bằng tiền khác	6428		243.044.041
31/12	PKT	K/c từ TK 515 sang 911			
		Doanh thu tài chính	515	94.641.031	
		Xác định kết quả kinh doanh	911		94.641.031
31/12	PKT	K/c TK 635 sang 911			
		Xác định kết quả kinh doanh	911	2.050.145.543	
		Chi phí tài chính	635		2.050.145.543
31/12	PKT	K/c từ TK 711 sang 911			
		Thu nhập khác	711	2.868.627.724	
		Xác định kết quả kinh doanh	911		2.868.627.724
31/12	PKT	K/c TK 811 sang 911			
		Xác định kết quả kinh doanh	911	1.185.865.172	
		Chi phí khác	811		1.185.865.172
31/12	PKT	K/c TK 8211 sang 911			
		Xác định kết quả kinh doanh	911	434.522.875	
		Chi phí thuế TNDN hiện hành	8211		434.522.875
31/12	PKT	K/c TK 911 sang 421			
		Xác định kết quả kinh doanh	911	1.303.568.626	
		Lãi năm nay	4212		1.303.568.626
		Tổng cộng SPS		1.239.026.023.628	1.239.026.023.628

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 26: Sổ cái TK 911

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN

Mẫu số S03b - DN

HOÀNG ANH

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC

ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI TÀI KHOẢN

Tài khoản 911 – Xác định kết quả kinh doanh

Năm 2012

Đơn vị tính: đồng

Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số phát sinh	
Ngày	Số			Nợ	Có
		<u>Số dư đầu kỳ</u>		-	-
31/12	PKT	K/c từ TK511 sang 911	51131		86.145.818.907
31/12	PKT	K/c từ TK511 sang 911	51132		15.167.479.894
31/12	PKT	K/c từ TK511 sang 911	51133		10.886.867.543
31/12	PKT	K/c từ TK511 sang 911	5118		864.604.931
31/12	PKT	K/c từ TK 632 sang 911	632	107.520.366.809	
31/12	PKT	K/c từ TK 642 sang 911	6421	2.547.292.500	
31/12	PKT	K/c từ TK 642 sang 911	64231	60.183.954	
31/12	PKT	K/c từ TK 642 sang 911	64232	71.149.728	
31/12	PKT	K/c từ TK 642 sang 911	6424	79.444.113	
31/12	PKT	K/c từ TK 642 sang 911	6425	8.986.364	
31/12	PKT	K/c từ TK 642 sang 911	6427	523.470.305	
31/12	PKT	K/c từ TK 642 sang 911	6428	243.044.041	
31/12	PKT	K/c từ TK 515 sang 911	515		94.641.031
31/12	PKT	K/c TK 635 sang 911	635	2.050.145.543	
31/12	PKT	K/c từ TK 711 sang 911	711		2.868.627.724
31/12	PKT	K/c TK 811 sang 911	811	1.185.865.172	
31/12	PKT	K/c TK 821 sang 911	8211	434.522.875	
31/12	PKT	K/c TK 911 sang 421	4212	1.303.568.626	
		Tổng số phát sinh		116.028.040.030	116.028.040.030
		<u>Số dư cuối kỳ</u>		-	-

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 27: Sổ cái TK 421

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN

Mẫu số S03b - DN

HOÀNG ANH

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC)

ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI TÀI KHOẢN

Tài khoản 421 – Lãi chưa phân phối

Năm 2012

Đơn vị tính: đồng

Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số phát sinh	
Ngày	Số			Nợ	Có
		<u>Số dư đầu kỳ</u>			<u>372.146.756</u>
31/12	PKT	K/c TK 911 sang 421	911		1.303.568.626
		Tổng số phát sinh			1.303.568.626
		<u>Số dư cuối kỳ</u>			<u>1.675.715.382</u>

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

CHƯƠNG 3:

GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN HOÀNG ANH

3.1. Đánh giá thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần vận tải biển Hoàng Anh

3.1.1. Kết quả đạt được:

Qua thời gian thực tập tại công ty cổ phần vận tải biển Hoàng Anh, em nhận thấy tổ chức công tác kế toán nói chung và tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng tại công ty đã đạt được những kết quả sau:

3.1.1.1. Về tổ chức bộ máy kế toán

- Bộ máy kế toán của công ty được tổ chức theo mô hình tập trung là phù hợp với tình hình sản xuất kinh doanh và yêu cầu quản lý của công ty. Mỗi kế toán viên sẽ đảm nhận chức năng nhiệm vụ của mình dưới sự chỉ đạo tập trung thống nhất của kế toán trưởng, đảm bảo sự chuyên môn hóa của các kế toán, đồng thời phát huy được trình độ của mỗi nhân viên.

- Về nhân sự, bộ phận kế toán có kế toán trưởng và các kế toán viên, đội ngũ kế toán có kinh nghiệm và trình độ chuyên môn cao (trình độ từ đại học trở lên) giúp cho công tác kế toán tại công ty được thực hiện chính xác và kịp thời.

- Thông tin do bộ phận kế toán cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời nên việc đối chiếu kiểm tra số liệu và lập báo cáo được thuận lợi, dễ dàng. Đồng thời giúp cho công tác quản lý doanh nghiệp đạt hiệu quả cao.

3.1.1.2. Về việc tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

 Về chứng từ kế toán và tài khoản kế toán sử dụng:

- Các chứng từ sử dụng cho việc hạch toán đều phù hợp với yêu cầu kinh tế và pháp lý của nghiệp vụ kế toán phát sinh, đúng với mẫu do Bộ tài chính quy định. Quy trình luân chuyển chứng từ khá nhanh chóng, kịp thời.

- Công ty áp dụng hệ thống tài khoản thống nhất theo chế độ báo kế toán doanh nghiệp ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC của Bộ trưởng Bộ tài chính. Hệ thống tài khoản kế toán sử dụng tương đối đầy đủ, có sử dụng tài khoản chi tiết.

Về tổ chức hệ thống sổ kế toán:

Công ty áp dụng hình thức kế toán nhật ký chung, ưu điểm của hình thức này là khá đơn giản từ mẫu sổ sách cho đến cách thức vào sổ, thuận tiện cho phân công công việc, ngoài ra nó còn là hình thức phù hợp nhất và được sử dụng nhiều nhất cho các phần mềm kế toán trên máy vi tính.

Công ty sử dụng đầy đủ các loại sổ sách từ chi tiết cho đến tổng hợp:

- Sổ chi tiết doanh thu theo dõi riêng biệt cho: doanh thu cung cấp dịch vụ vận chuyển (cước v/c tàu công ty), doanh thu cung cấp dịch vụ vận chuyển (dịch vụ vận chuyển), doanh thu cung cấp dịch vụ vận chuyển (cước taxi).

- Ngoài ra, kế toán còn mở các sổ chi tiết khác như sổ chi tiết chi phí quản lý doanh nghiệp, sổ chi tiết công nợ cho từng đối tượng khách hàng giúp theo dõi việc thanh toán, chi trả của khách hàng trở nên dễ dàng thuận tiện hơn.

- Các bảng tổng hợp và sổ cái tài khoản được phản ánh một cách đầy đủ, khoa học đảm bảo được yêu cầu về đối chiếu, kiểm tra từ đó tránh được những sai sót trong quá trình hạch toán.

Về việc hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty

+ **Về kế toán doanh thu:** Mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh về cung cấp dịch vụ đều được kế toán ghi nhận một cách chi tiết, đầy đủ và kịp thời.

+ **Về kế toán chi phí:** Các chi phí phát sinh như chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí tài chính và chi phí khác được cập nhật nhanh chóng, chi tiết vào máy vi tính. Công ty hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê

khai thường xuyên, tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ và tính trị giá hàng xuất kho theo phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ là phù hợp với loại hình kinh doanh của công ty.

+ **Về kế toán xác định kết quả kinh doanh:** Cuối năm, kế toán tiến hành tập hợp doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh, lập báo cáo về tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh của công ty để trình lên ban giám đốc.

3.1.1.3 Về ứng dụng công nghệ thông tin:

Nhận thức được tầm quan trọng của việc ứng dụng công nghệ thông tin vào tổ chức công tác kế toán, công ty đã mua bản quyền sử dụng phần mềm kế toán Cyber Accounting 10.S do công ty cổ phần phần mềm quản lý doanh nghiệp CYBERSOFT cung cấp. Phần mềm kế toán Cyber Accounting 10.S có nhiều tính năng mạnh và nhiều tiện ích giúp cho việc sử dụng chương trình có hiệu quả. Khi sử dụng phần mềm này, kế toán chỉ việc cập nhật số liệu đầu vào, phần mềm sẽ tự động tính toán và đưa ra các sổ sách, báo cáo kế toán. Ngoài ra phần mềm được thiết kế đảm bảo có thể cung cấp các báo cáo kế toán tổng hợp và chi tiết theo nhiều chiều phục vụ tối đa công tác quản trị điều hành. Việc sử dụng phần mềm kế toán đã đem lại những lợi ích thiết thực trong tổ chức kế toán tại công ty nói chung cũng như tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng như giúp tiết kiệm thời gian, giảm bớt được đáng kể khối lượng công việc so với kế toán ghi sổ nhưng vẫn đảm bảo tính chính xác trong tính toán.

3.1.2. Hạn chế:

Bên cạnh những kết quả đạt được thì tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần vận tải biển Hoàng Anh còn một số mặt hạn chế sau:

3.1.2.1. Về tài khoản sử dụng

Hiện nay doanh thu hoạt động tài chính của công ty chủ yếu là lãi tiền gửi ngân hàng và lãi chênh lệch tỷ giá. Tuy nhiên công ty chưa mở tài khoản

cấp 2 cho TK515 để theo dõi chi tiết cho từng loại doanh thu hoạt động tài chính.

Tương tự đối với chi phí tài chính của công ty chủ yếu là lãi vay phải trả ngân hàng và lỗ chênh lệch tỷ giá. Tuy nhiên, công ty chưa mở tài khoản cấp 2 cho TK635 để theo dõi chi tiết cho từng loại chi phí tài chính.

3.1.2.2. Về sổ sách sử dụng

Công ty chưa mở sổ chi tiết cho TK515 và TK635 dẫn đến khó theo dõi chi tiết từng loại doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính phát sinh trong kỳ.

3.1.2.3 Chưa áp dụng chính sách chiết khấu thanh toán

Chiết khấu thanh toán là khoản tiền doanh nghiệp bán giảm trừ cho người mua, do người mua thanh toán tiền mua hàng trước thời hạn trong hợp đồng. Khi công ty không áp dụng chiết khấu thanh toán cho những khách hàng thanh toán sớm so với thời gian ghi trong hợp đồng sẽ không kích thích được khách hàng thanh toán trước hạn. Điều này sẽ làm chậm khả năng thu hồi vốn của doanh nghiệp.

3.1.2.4. Chưa lập dự phòng phải thu khó đòi

Hiện nay công ty chưa trích lập dự phòng phải thu khó đòi dẫn đến không quản lý tốt các khoản vốn bị chiếm dụng. Khi xem xét bảng cân đối kế toán của doanh nghiệp ta thấy khoản mục phải thu khách hàng của doanh nghiệp là một khoản mục quan trọng, chiếm một tỷ trọng lớn trong cơ cấu tài sản của doanh nghiệp. Tuy nhiên, trong công tác hạch toán thanh toán với khách hàng thì doanh nghiệp lại không thực hiện việc đánh giá và lập dự phòng các khoản phải thu khó đòi.

3.2. Giải pháp hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần vận tải biển Hoàng Anh

3.2.1. Nguyên tắc của việc hoàn thiện

Phương hướng hoàn thiện tổ chức kế toán nói chung, tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng muốn có tính khả thi cần đáp ứng những nguyên tắc sau:

- Hoàn thiện phải dựa trên cơ sở tôn trọng cơ chế tài chính, chế độ tài chính và các chuẩn mực kế toán của nhà nước nhưng không cứng nhắc mà linh hoạt. Nhà nước xây dựng và ban hành hệ thống kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế nên việc hoàn thiện phải xem xét sao cho việc hoàn thiện không vi phạm chế độ.

- Hoàn thiện phải phù hợp với các đặc điểm doanh nghiệp nhằm tạo điều kiện sản xuất kinh doanh hiệu quả, do đó cần vận dụng chế độ kế toán một cách sáng tạo, phù hợp với đặc điểm kinh doanh của ngành mình.

- Hoàn thiện phải đáp ứng yêu cầu thông tin kịp thời, chính xác, phù hợp với yêu cầu quản lý vì chức năng của kế toán là cung cấp thông tin chính xác, cần thiết, kịp thời cho việc ra quyết định các phương án kinh doanh tối ưu cho doanh nghiệp.

- Việc xác định kết quả kinh doanh phải đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa thu nhập và chi phí, một yêu cầu cần thiết và luôn đúng trong mọi trường hợp đó là tiết kiệm và nâng cao hiệu quả sao cho chi phí bỏ ra là thấp nhất và lợi nhuận đạt được là cao nhất.

3.2.2. Giải pháp hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần vận tải biển Hoàng Anh

3.2.2.1 Giải pháp hoàn thiện tài khoản sử dụng

➤ Công ty nên mở tài khoản cấp 2 cho TK515 để theo dõi chi tiết cho từng loại doanh thu hoạt động tài chính.

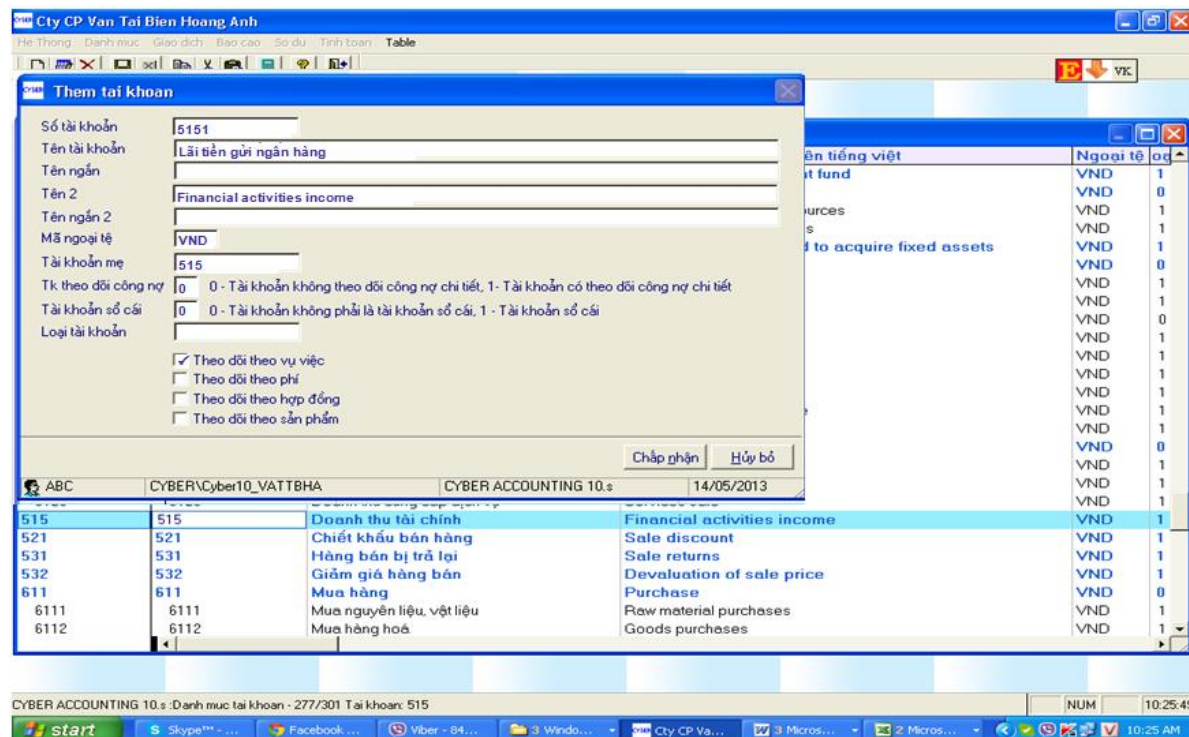
- TK 5151: Lãi tiền gửi ngân hàng
- TK 5152: Lãi chênh lệch tỷ giá ngoại tệ

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

+ Để mở tài khoản 5151 “lãi tiền gửi ngân hàng”: kế toán chọn *Danh mục* → *Danh mục kế toán* → *Danh mục tài khoản* → nhấn “F4” để thêm tài khoản.



Khi đó xuất hiện hộp thoại thêm tài khoản, kế toán nhập thông tin vào các mục “Số tài khoản, tên tài khoản, tài khoản mẹ”, sau đó chọn “chấp nhận” để tạo tài khoản mới.

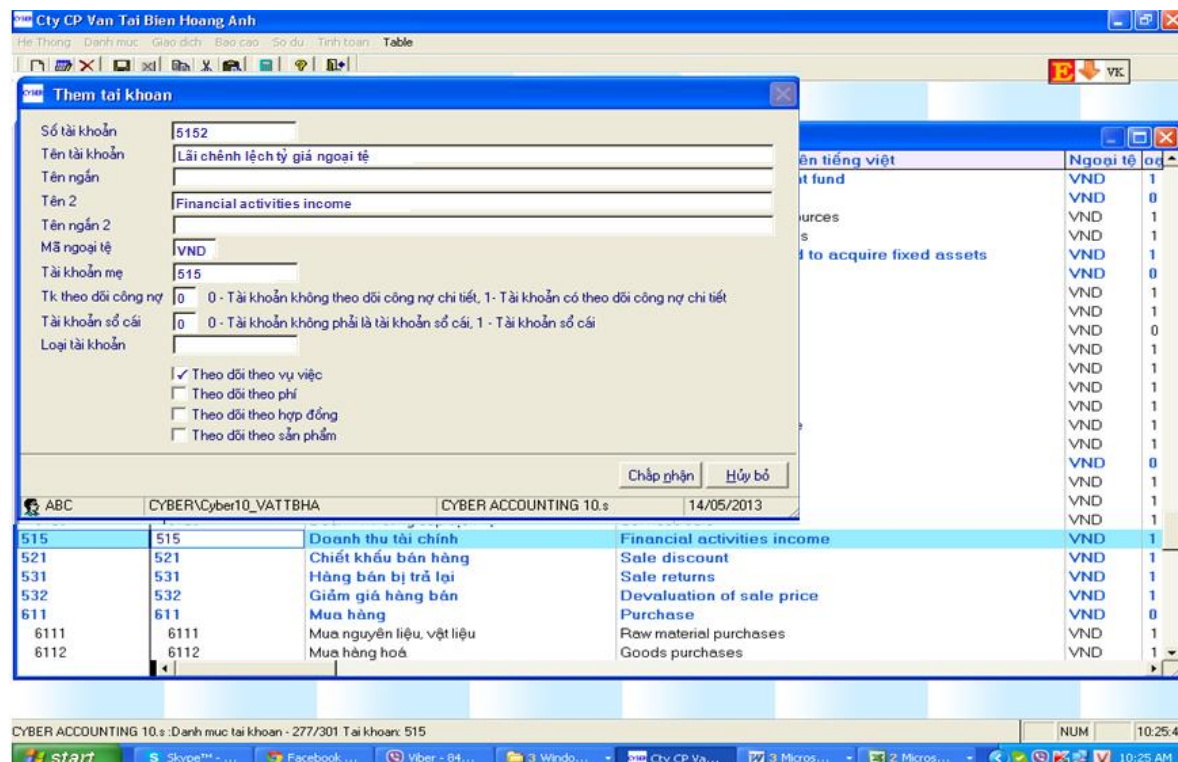


KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

+ Để mở tài khoản 5152 “lãi chênh lệch tỷ giá ngoại tệ” : kế toán chọn *Danh mục* → *Danh mục kế toán* → *Danh mục tài khoản* → nhấn “F4” để thêm tài khoản.



Khi đó xuất hiện hộp thoại thêm tài khoản, kế toán nhập thông tin vào các mục “Số tài khoản, tên tài khoản, tài khoản mẹ”, sau đó chọn “chấp nhận” để tạo tài khoản mới.



KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

➤ Công ty nên mở tài khoản cấp 2 cho TK635 để theo dõi chi tiết cho từng loại chi phí tài chính.

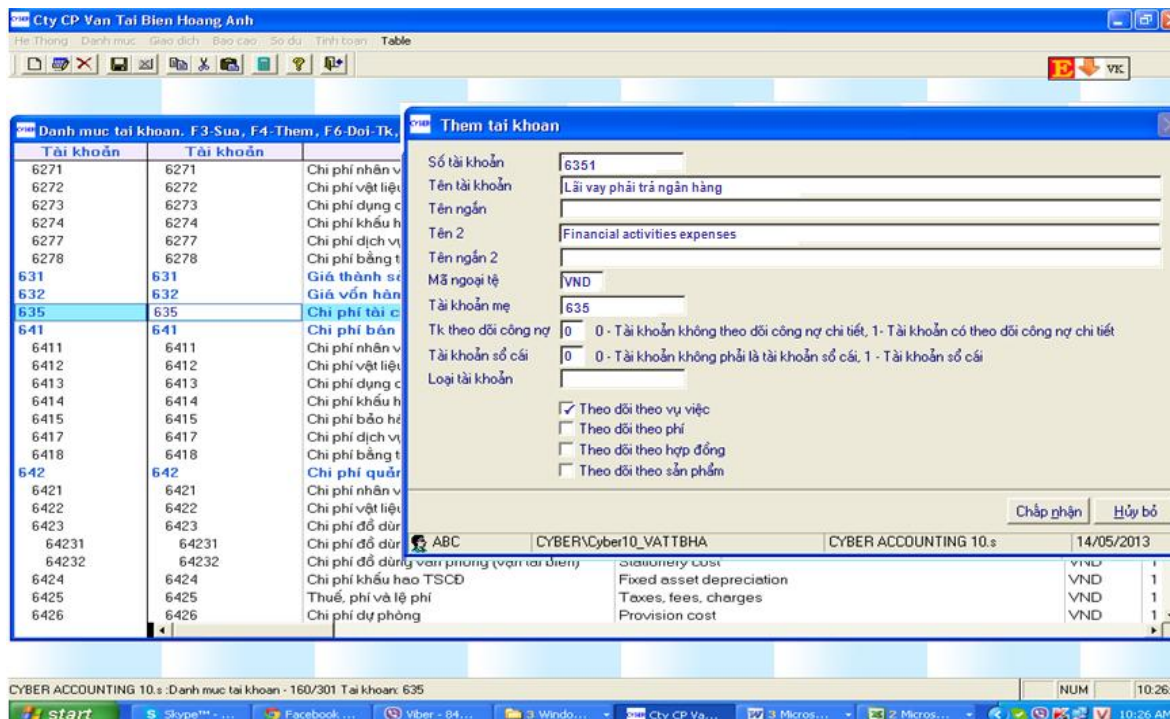
- TK 6351: Lãi vay phải trả ngân hàng
- TK 6352: Lỗ chênh lệch tỷ giá ngoại tệ

+ Để mở tài khoản 6351 “lãi vay phải trả ngân hàng”: kế toán chọn *Danh mục* → *Danh mục kế toán* → *Danh mục tài khoản* → nhấn “F4” để thêm tài khoản.



KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Khi đó xuất hiện hộp hội thoại thêm tài khoản, kế toán nhập thông tin vào các mục “ Số tài khoản, tên tài khoản, tài khoản mẹ”, sau đó chọn “ chấp nhận” để tạo tài khoản mới.

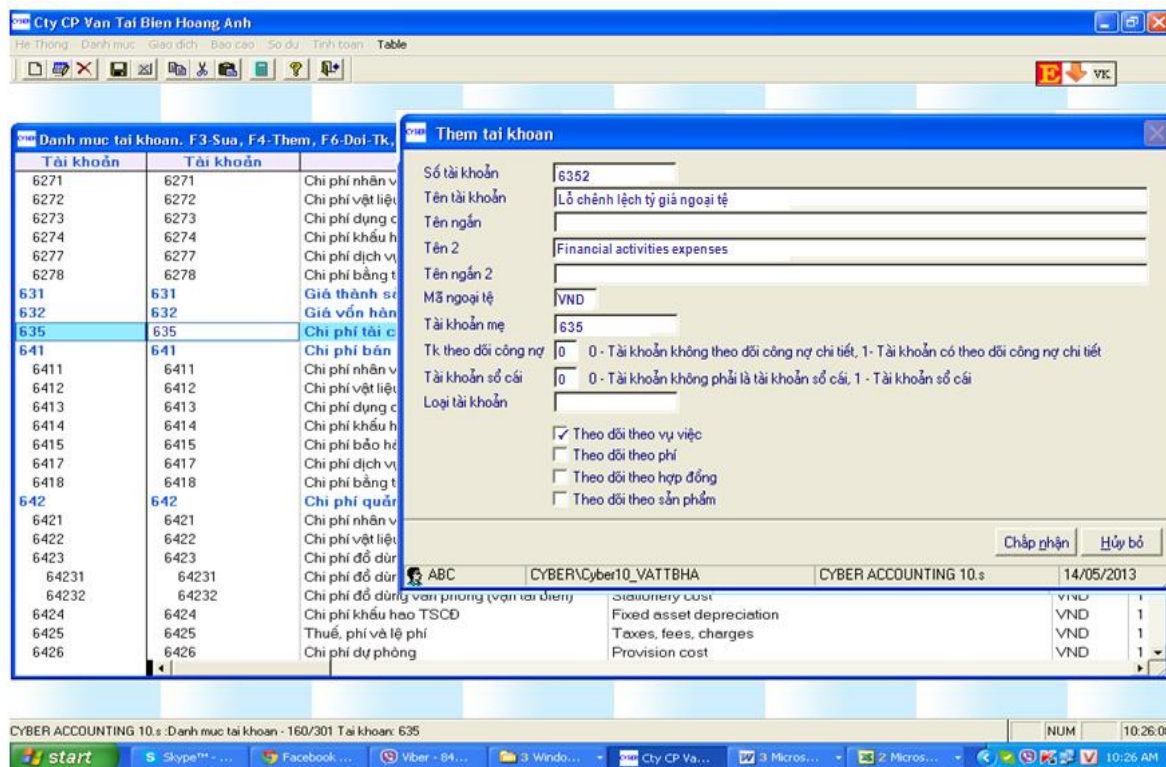


+ Để mở tài khoản chi tiết 6352 “lỗi chênh lệch tỷ giá ngoại tệ”: kế toán chọn *Danh mục* → *Danh mục kế toán* → *Danh mục tài khoản* → nhấn “F4” để thêm tài khoản.



KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Khi đó xuất hiện hộp hội thoại thêm tài khoản, kế toán nhập thông tin vào các mục “ Số tài khoản, tên tài khoản, tài khoản mẹ”, sau đó chọn “ chấp nhận” để tạo tài khoản mới.



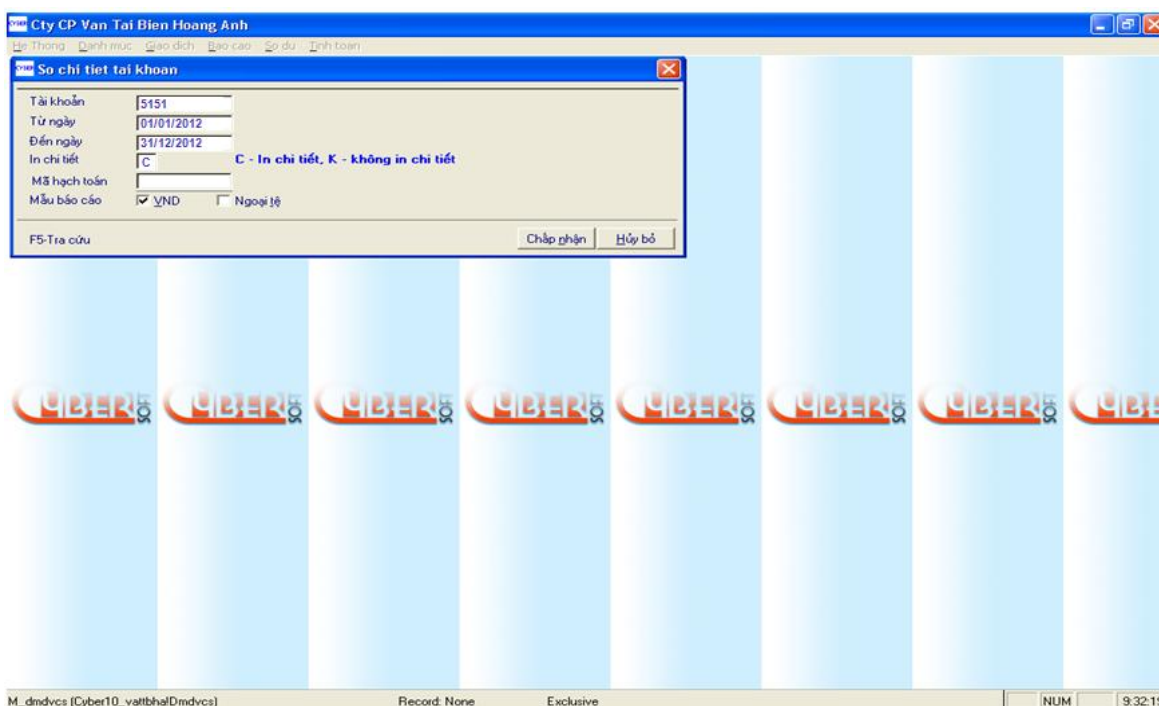
3.2.2.2 Giải pháp hoàn thiện sổ sách sử dụng

➤ Mở sổ chi tiết cho TK 515:

Để mở sổ chi tiết TK 5151, Kế toán chọn Báo cáo kế toán → Sổ sách kế toán → Sổ chi tiết tài khoản



Tại mục “tài khoản” chọn TK5151, “từ ngày, đến ngày” chọn từ ngày 01/01/2012 đến ngày 31/12/2012 , chọn “ chấp nhận” để xem, F7 để in, ESC để quay ra.



KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 1: Sổ chi tiết TK 5151

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN
HOÀNG ANH**

Mẫu số S038 - DN

*(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)*

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

Tài khoản 5151 – Lãi tiền gửi ngân hàng
Năm 2012

Đơn vị tính: đồng
Số dư đầu kỳ: 0

Chứng từ		Khách hàng	Diễn giải	TK đối ứng	Số phát sinh	
Ngày	Số				Nợ	Có
....						
24/12	BC51	Công ty Cổ phần VTB Hoàng Anh - CTY	Lãi nhập vốn	11212		352.954
25/12	BC52	Công ty Cổ phần VTB Hoàng Anh - CTY	Lãi nhập vốn	11213		21.942
25/12	BC79	Công ty Cổ phần VTB Hoàng Anh - CTY	Lãi nhập vốn	112211		420
25/12	BC80	Công ty Cổ phần VTB Hoàng Anh - CTY	Lãi nhập vốn	11211		5.811
31/12	PKT		K/c từ TK515 sang TK911	911	5.841.031	
			Tổng số phát sinh		5.841.031	5.841.031

Số dư cuối kỳ: 0

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

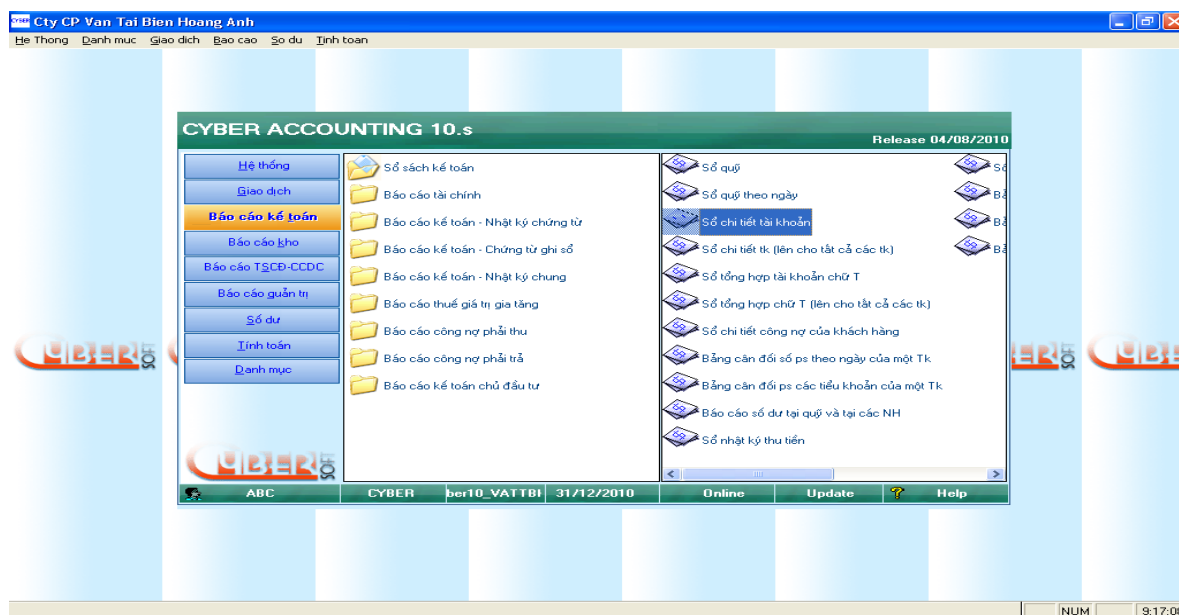
Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

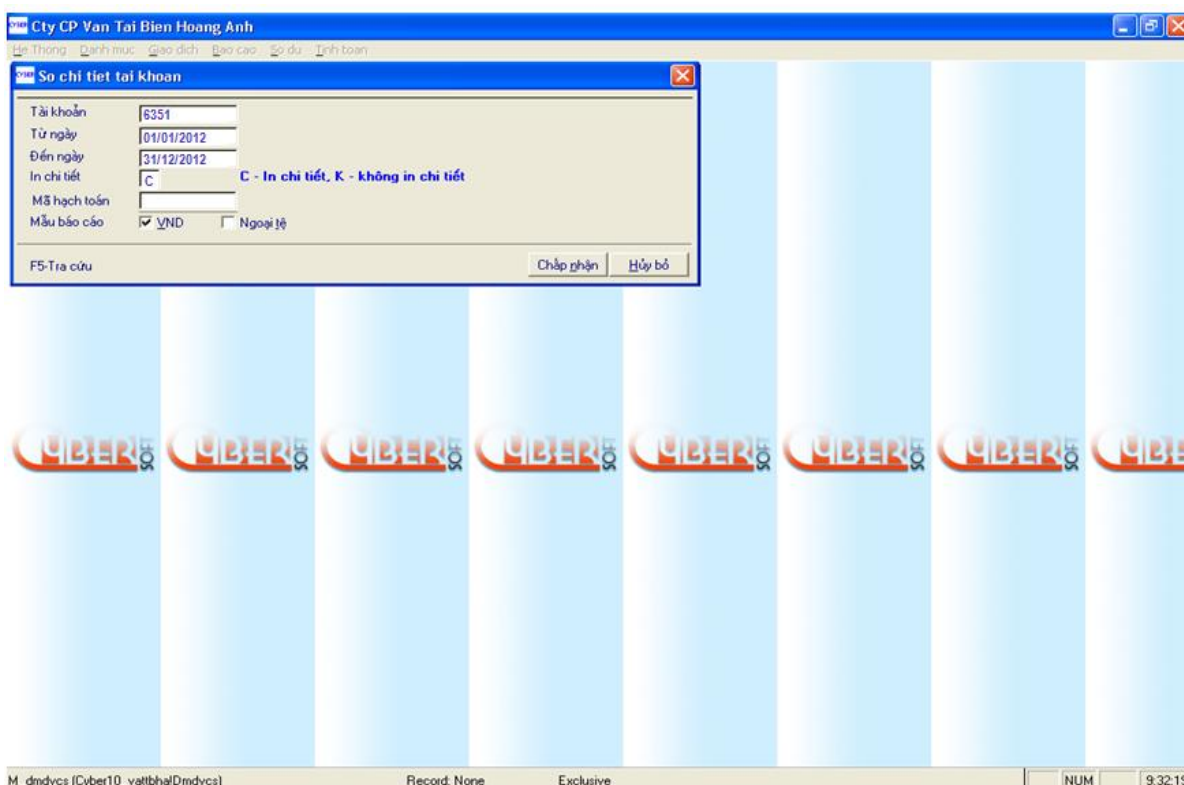
KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

➤ Mở sổ chi tiết cho TK 635:

Để mở sổ chi tiết 6351, Kế toán chọn *Báo cáo kế toán* → *Sổ sách kế toán* → *Sổ chi tiết tài khoản*



Tại mục “*tài khoản*” chọn TK6351, “*từ ngày, đến ngày*” chọn từ ngày 01/01/2012 đến ngày 31/12/2012, chọn “*chấp nhận*” để xem, F7 để in, ESC để quay ra.



KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 2: Sổ chi tiết TK 6351

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN
HOÀNG ANH**

Mẫu số S038 - DN

*(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)*

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

Tài khoản 6351 – Lãi vay phải trả ngân hàng
Năm 2012

Đơn vị tính: đồng
Số dư đầu kỳ: 0

Chứng từ		Khách hàng	Diễn giải	TK đối ứng	Số phát sinh	
Ngày	Số				Nợ	Có
....				...		
03/12	BN111	Ngân hàng TMCP Quân Đội CN Bắc Hải – KH0065	Trả lãi khoản vay 1.064.829.600đ	11212	5.442.462	
05/12	BN113	Ngân hàng TMCP Quân Đội CN Bắc Hải – KH0065	Trả lãi khoản vay 1.928.137.115đ	11212	9.860.209	
25/12	BN178	Ngân hàng TMCP Quân Đội CN Bắc Hải – KH0065	Trả lãi khoản vay 1.000.000.000đ	11212	10.388.889	
....				...		
31/12	PKT		K/c từ TK635 sang TK911	911		1.746.409.983
			Tổng số phát sinh		1.746.409.983	1.746.409.983

Số dư cuối kỳ: 0

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

3.2.2.3 Giải pháp áp dụng chính sách chiết khấu thanh toán

Chiết khấu thanh toán cho người mua hàng là khoản tiền mà khách hàng được hưởng do khách hàng thanh toán trước hạn theo thỏa thuận khi mua để thúc đẩy khách hàng thanh toán tiền hàng sớm, tránh bị chiếm dụng vốn kinh doanh.

❖ Tỷ lệ chiết khấu:

+ Mức chiết khấu thanh toán có thể được công ty xây dựng dựa trên thực tế của công ty, nhưng cũng có thể tham khảo của một số doanh nghiệp cùng ngành, tương đồng về quy mô. Tỷ lệ chiết khấu thanh toán được kế toán ước tính căn cứ vào quy mô nợ, tình hình thanh toán, thời gian trả nợ trước hạn và tỷ lệ lãi vay của ngân hàng.

+ Khoản chiết khấu thanh toán sẽ được áp dụng với những khách hàng nợ lớn và thanh toán tiền trước thời hạn quy định, khoản chiết khấu này được hạch toán vào TK 635- Chi phí tài chính.

+ Khi xây dựng tỷ lệ chiết khấu, công ty cần chú ý một số điểm sau:

- Tỷ lệ chiết khấu không nên quá lớn ảnh hưởng đến tình hình kinh doanh của doanh nghiệp và cũng không quá nhỏ khiến nó không thể phát huy tác dụng khuyến khích khách hàng.

- Khi áp dụng một tỷ lệ chiết khấu nhất định sẽ có ảnh hưởng tích cực đến tốc độ thu tiền với các khoản phải thu, nhưng nó sẽ làm giảm lợi nhuận. Doanh nghiệp cần xem xét rằng chi phí đầu tư khoản phải thu có đủ bù đắp được thiệt hại cho việc giảm lợi nhuận hay không ?

❖ Tài khoản sử dụng:

➤ TK 635 “ Chi phí tài chính”

❖ Phương pháp hạch toán:

Khi áp dụng chiết khấu thanh toán cho khách hàng

Nợ TK 635 – Chi phí tài chính

Có TK 131, 111, 112,

Cuối kỳ, kết chuyển chi phí tài chính sang tài khoản 911

Nợ TK 911 – Xác định kết quả kinh doanh

Có TK 635 – Chi phí tài chính

3.2.2.4 Giải pháp lập dự phòng các khoản phải thu khó đòi

Để quán triệt nguyên tắc thận trọng trong kế toán. Công ty nên tiến hành lập dự phòng phải thu khó đòi. Thực chất của công việc này là cho phép công ty được tính dự phòng bằng cách dành một phần lợi nhuận trong năm chuyển sang năm sau nhằm trang trải nợ phải thu khó đòi có thể phải xử lý trong năm sau, không làm ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của năm sau.

❖ Phương pháp xác định:

Dựa trên tài liệu hạch toán chi tiết các khoản nợ phải thu của từng khách hàng, phân loại theo thời hạn thu nợ, các khách hàng quá hạn được xếp loại khách hàng khó đòi, nghi ngờ. Doanh nghiệp cần thông báo cho khách hàng và trên cơ sở thông tin phản hồi từ khách hàng, kể cả bằng phương pháp xác minh, để xác định số dự phòng cần lập theo số % khả năng mất (thất thu):

$$\text{Dự phòng phải thu khó đòi cần lập} = \text{Nợ phải thu khó đòi} \times \text{Số \% có khả năng mất}$$

❖ Điều kiện lập dự phải thu khó đòi:

✓ Khoản nợ phải có chứng từ gốc, có đối chiếu xác nhận của khách hàng nợ, bao gồm: Hợp đồng kinh tế, khế ước vay nợ, bản thanh lý hợp đồng, cam kết nợ, đối chiếu công nợ và các chứng từ khác.

✓ Các khoản không đủ căn cứ xác định là nợ phải thu theo quy định này phải xử lý như một khoản tổn thất.

✓ Có đủ căn cứ để xác định khoản nợ phải thu khó đòi:

+ Nợ phải thu đã quá hạn thanh toán ghi trên hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ hoặc các cam kết nợ khác.

+ Nợ phải thu chưa đến thời hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế (các công ty, doanh nghiệp tư nhân, hợp tác xã, tổ chức tín dụng..) đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử, đang thi hành án hoặc đã chết.

❖ **Mức trích lập:** (theo thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009)

✓ Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán, mức trích lập dự phòng như sau:

+ 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.

+ 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.

+ 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.

+ 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu từ 3 năm trở lên.

✓ Đối với nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đã chết... thì doanh nghiệp dự kiến mức tổn thất không thu hồi được để trích lập dự phòng.

✓ Sau khi lập dự phòng cho từng khoản nợ phải thu khó đòi, doanh nghiệp tổng hợp toàn bộ khoản dự phòng các khoản nợ vào bảng kê chi tiết để làm căn cứ hạch toán vào chi phí quản lý của doanh nghiệp.

❖ **Trình tự kế toán lập dự phòng nợ phải thu khó đòi:**

Cuối kì kế toán doanh nghiệp căn cứ các khoản nợ phải thu được xác định là không chắc chắn thu được (nợ phải thu khó đòi) kế toán phải xác định số dự phòng phải thu khó đòi cần trích lập.

✓ Nếu số dự phòng cần trích lập của năm nay lớn hơn số dư của các khoản dự phòng đã trích lập cuối niên độ trước chưa sử dụng hết thì số chênh lệch lớn hơn được trích lập như sau:

Nợ TK 642:

Có TK 139:

✓ Ngược lại số trích lập năm nay nhỏ hơn số dự phòng trích lập của năm trước thì số chênh lệch nhỏ hơn được hoàn lập như sau:

Nợ TK 139:

Có TK 642:

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

✓ Các khoản nợ phải thu khó đòi được xác định thực sự là không đòi được thì được phép xóa nợ.

Nợ TK 139: Số đã trích lập

Nợ TK 642: Số chưa trích lập

Có TK 138,131:

Đồng thời có ghi Nợ TK 004.

✓ Đối với nợ khó đòi đã xử lý xóa nợ sau đó thu hồi được:

Nợ TK 111,112....

Có TK 711

Đồng thời ghi có TK 004.

❖ **Ví dụ:** BÁO CÁO TÌNH HÌNH CÔNG NỢ ĐẾN HẾT 31/12/2012

STT	TÊN KHÁCH HÀNG	Công nợ đến 31/12/2012		GHI CHÚ
		Dư nợ cuối kỳ	Dư có cuối kỳ	
01	Messer Crossland Marketing pte	339.616.000		Nợ 7 tháng
02	Mahanadi International co.ltd	221.131.193		Nợ 11 tháng
03	OW.bunker far east pte.ltd	510.437.592		
04	Công ty TNHH Mạng Hoàn Cầu	233.548457		
	Cộng	1.304.733.242		

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

NGƯỜI LẬP

KẾ TOÁN

GIÁM ĐỐC

Đến ngày 31/12, kế toán tiến hành trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

Số dự phòng phải thu khó đòi = $560.747.193 \times 30\% = 168.224.158$

Kế toán định khoản: Nợ TK 6426: 168.224.158

Có TK139: 168.224.158

Sau khi tính được số dự phòng phải thu khó đòi, kế toán vào phân hệ *Giao dịch* → *Kế toán tổng hợp* → *Phiếu kế toán* để lập một phiếu kế toán mới phản ánh nghiệp vụ trích lập dự phòng phải thu khó đòi. Số liệu được cập nhật sẽ tự động chuyển vào sổ sách có liên quan: Sổ nhật ký chung; sổ cái TK139,TK642.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 3: Phiếu kế toán

CTY CP VẬN TẢI BIỂN HOÀNG ANH Khu Hạ Đoạn 2, P.Đông Hải, Q.Hải An, TP.Hải phòng			
PHIẾU KẾ TOÁN			
Ngày 31 tháng 12 năm 2012			Số phiếu:
Nội dung	TK Nợ	TK Có	Phát sinh
Trích lập dự phòng phải thu khó đòi	6426	139	168.224.158
Tổng cộng			168.224.158
Bằng chữ: Một trăm sáu mươi tám triệu, hai trăm hai mươi bốn nghìn, một trăm năm mươi tám đồng.			
Kế toán trưởng (Ký, họ tên)		Ngày 31 tháng 12 năm 2012 Người lập biểu (Ký, họ tên)	

KẾT LUẬN

Hòa cùng bước tiến của đất nước, mỗi doanh nghiệp đang từng ngày nỗ lực hết mình để vươn lên trong hoạt động sản xuất kinh doanh nhằm đạt được mức lợi nhuận mong muốn và tạo lập giá trị doanh nghiệp bền vững. Trong cơ chế thị trường hiện nay, khi tính chất cạnh tranh ngày càng gay gắt thì việc tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh ở mỗi doanh nghiệp đòi hỏi phải được hoàn thiện hơn.

Với kiến thức đã học cùng một số tìm hiểu thực tế, em xin đưa ra một số giải pháp hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần vận tải biển Hoàng Anh. Tuy nhiên, do trình độ có hạn và lần đầu tiên tiếp cận thực tế nên không thể tránh khỏi thiếu sót. Vì vậy, em rất mong nhận được sự chỉ bảo, đóng góp ý kiến của thầy cô để bài khóa luận của em được hoàn thiện hơn.

Em xin gửi lời cảm ơn tới cô giáo - Thạc sỹ Trần Thị Thanh Phương thời gian qua đã tận tình chỉ bảo, hướng dẫn em, cùng toàn thể cán bộ nhân viên phòng kế toán Công ty cổ phần vận tải biển Hoàng Anh đã tạo điều kiện giúp đỡ em hoàn thành bài khóa luận tốt nghiệp này.

Em xin chân thành cảm ơn!

Hải Phòng, ngày 14 tháng 06 năm 2013

Sinh viên

Lê Thị Luyện

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

- 1/ Chế độ kế toán doanh nghiệp (Quyển 1, quyển 2) ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính – Nhà xuất bản tài chính năm 2006.
- 2/ Hệ thống chuẩn mực kế toán Việt Nam
- 3/ Các chứng từ và sổ sách kế toán năm 2012 của công ty cổ phần vận tải biển Hoàng Anh.
- 4/ Khóa luận của các khóa 11,12 tại thư viện trường Đại học dân lập Hải Phòng

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT

STT	Kí hiệu viết tắt	Chữ viết tắt
1	GTGT	Giá trị gia tăng
2	TTĐB	Tiêu thụ đặc biệt
3	KH TSCĐ	Khấu hao tài sản cố định
4	TNDN	Thu nhập doanh nghiệp
5	TK	Tài khoản
6	SP,VT,HH	Sản phẩm, vật tư, hàng hóa
7	XDCB	Xây dựng cơ bản
8	CN	Chi nhánh
9	CCDC	Công cụ dụng cụ
10	VNĐ	Việt Nam Đồng
11	CP	Chi phí
12	VP	Văn phòng
13	BĐS	Bất động sản